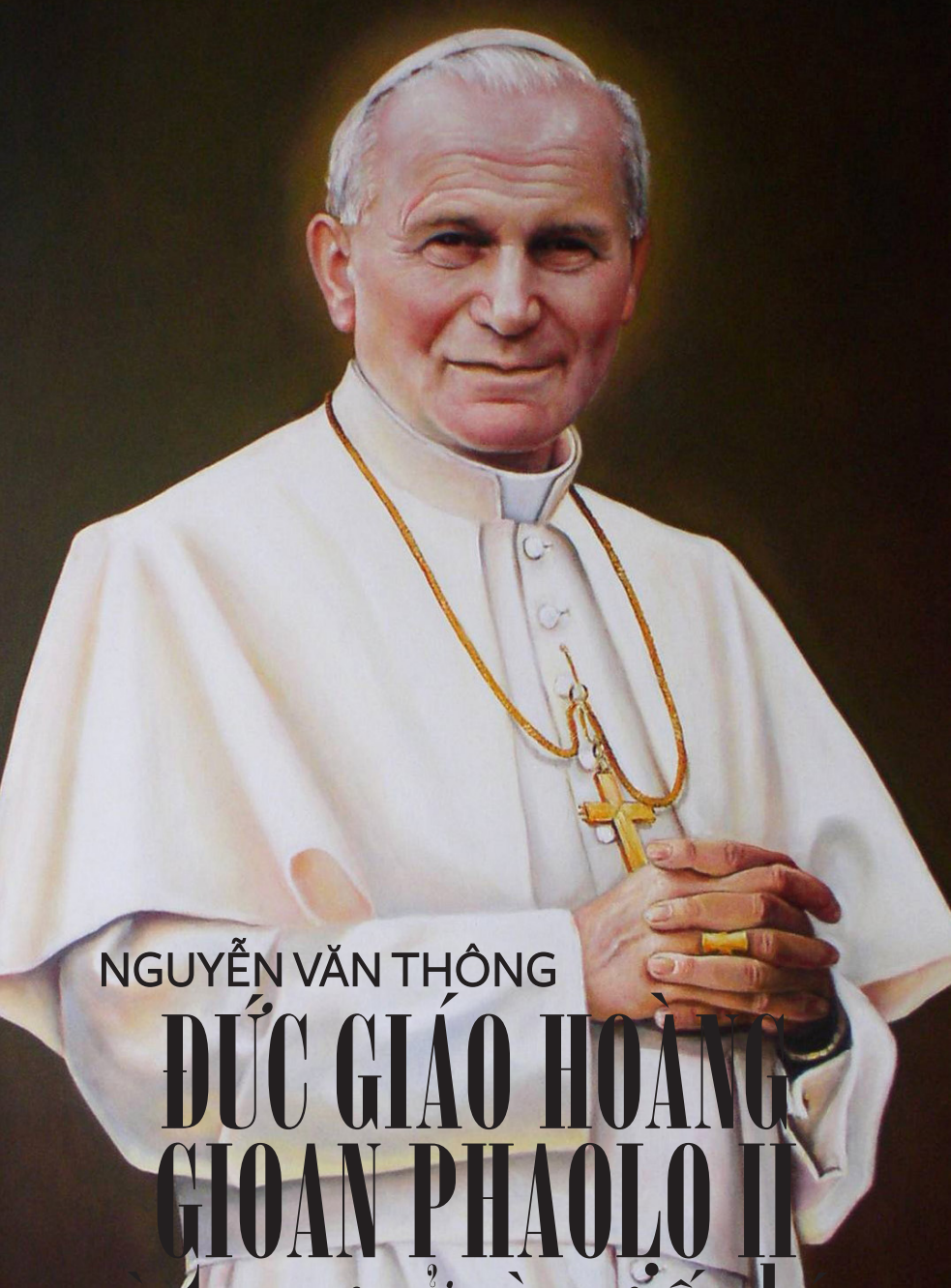




NGUYỄN VĂN THÔNG

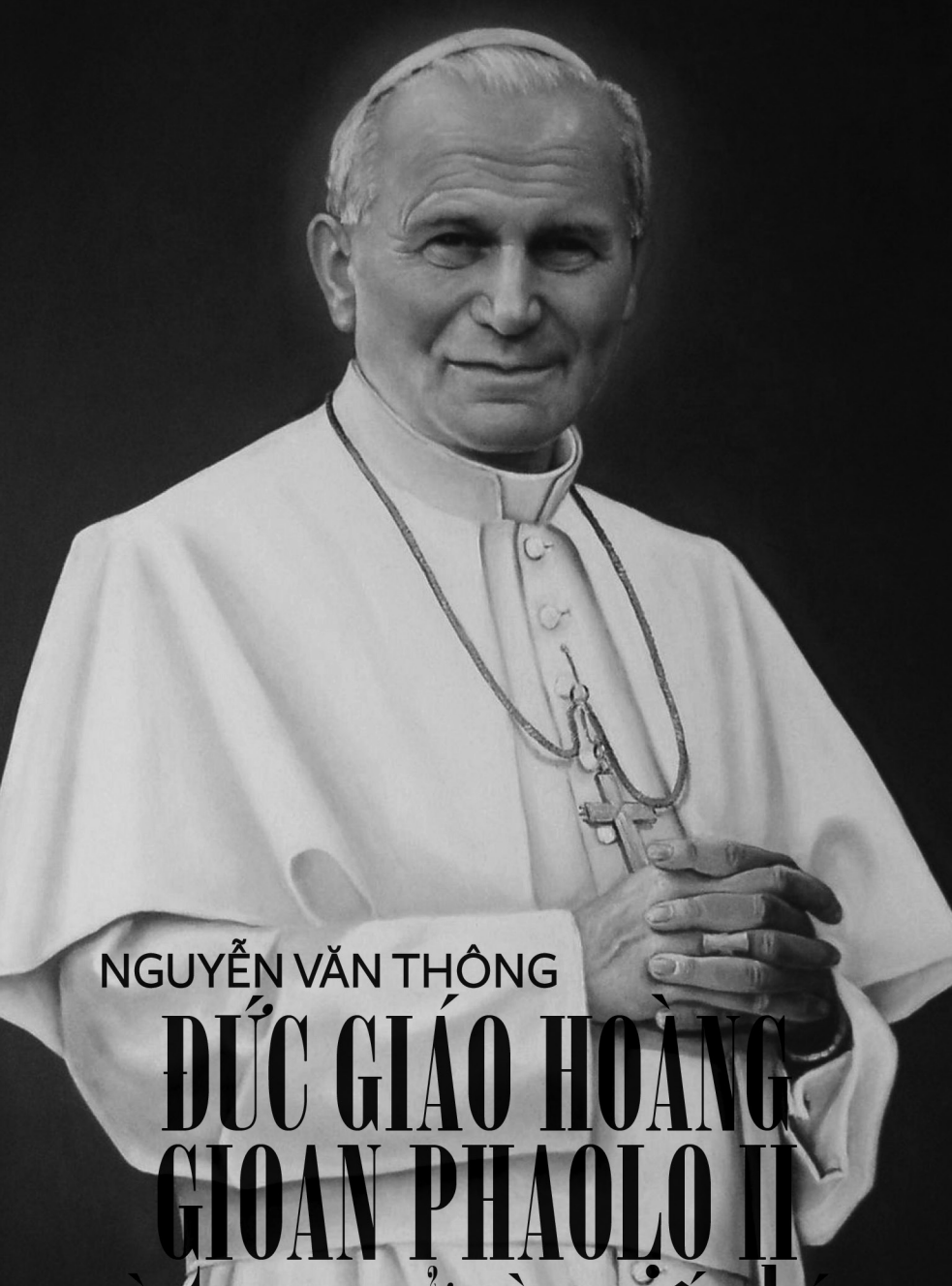
ĐỨC GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II

và trang sử còn giấu kín
của thời đại

Đức Giáo hoàng Gioan Phalo II
và trang sử còn dấu kín của thời đại

Đức Giáo hoàng Gioan Phalo II
và trang sử còn dấu kín của thời
đại • Nguyễn Văn Thông • trình
bày Midway

copyright ©nguyenvanthong 1997



NGUYỄN VĂN THÔNG

ĐỨC GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÒ II

và trang sử còn giấu kín
của thời đại

ĐÔI CẢM NGHĨ VỀ TÁC PHẨM “ĐỨC GIOAN PHAOLO II VÀ TRANG SỬ CÒN GIẤU KÍN CỦA THỜI ĐẠI”

Nguyên tác “*His Holiness John Paul II and The Hidden History of Our Time*” do hai tác giả Carl Bernstein và Marco Politi viết. Carl Bernstein nguyên là trưởng phòng tin của đài truyền hình ABC, sau đó là đặc phái viên của đài ở Washington. Ông đã mang về cho tờ Washington Post giải Pulitzer do tường trình về vụ Watergate. Ông cũng là tác giả của hai tác phẩm thuộc loại bán chạy nhất. Còn Marco Politi là phóng viên chuyên biệt về Vatican đã 19 năm cho báo La Republica và II Mesaggero. Cả hai ông đã dành thời gian 3 năm để tra cứu và thu thập những tài liệu dành riêng của Sô-viết, phỏng vấn những nhà lãnh đạo các nước, gặp gỡ những người thân và những đồng hương của Đức Wojtyla.

Tác phẩm này trước khi xuất bản vào tháng 10.1996, đã được báo Reader’s Digest đăng bản tóm tắt trong phần tác phẩm tuyển chọn. Nguyên tác bao gồm phần tiểu sử của Đức Karol Wojtyla, những giai đoạn theo ơn gọi trở thành linh

mục, giám mục, hồng y cho tới khi được bầu làm Giáo Hoàng với danh hiệu Gioan Phaolo II. Phần đặc biệt của tác phẩm này là phần nói về cuộc tranh đấu của ngài với sự thành hình của Công đoàn Solidarity ở Ba-lan cho tới khi khối cộng sản Đông Âu tan rã và đế quốc Sô-viết vỡ ra từng mảnh, trở lại chế độ dân chủ sau 70 năm gieo ác mộng cho nhân loại.

Vì nguyên tác dày gần 600 trang khổ lớn, và vì đã có nhiều tác phẩm khác đề cập tới đời sống của Đức Gioan Phaolo II, nên trong tập sách này, có phần dịch, có phần tổng hợp, phần sắp xếp, phần thêm, tôi chú trọng nhiều đến chủ đề tranh đấu chống cộng của ngài và giản lược những phần khác. Nói như thế không có nghĩa là những phần khác không quan trọng. Đối với những người muốn tìm hiểu đến ngọn ngành thì các phần đó rất quan trọng là khác. Thí dụ phần đời sống ơn gọi và đời sống cầu nguyện thần bí của Đức Gioan Phaolo II sẽ giúp ta hiểu được nguồn sức mạnh tinh thần nơi ngài như thế nào khiến cho những siêu cường của thời đại chiến tranh lạnh phải nể sợ; hoặc động lực nào khiến cậu Wojtyla tài ba về nhiều phương diện đã từ bỏ tất cả để chọn đường tu làm linh mục là ơn gọi mà suốt khoảng đời niên thiếu cậu đều từ chối. Một trong những điều làm cho ta phải ngạc nhiên là trong khi Sô-viết sợ Đức Wojtyla thì cơ quan tình báo CIA Mỹ tìm mọi cách làm việc chặt chẽ với ngài, cung cấp cho ngài mọi tin tức siêu tình báo, chờ đợi ý kiến của ngài, coi ngài là vị lãnh đạo của một siêu cường thứ ba vượt hẳn họ, dù siêu cường này không có một tấc sắt trong tay làm vũ khí.

Cuộc tranh đấu của Đức Gioan Phaolo II có thể gọi là cuộc tranh đấu giữa tinh thần và vật chất, giữa nhân ái và bạo lực, giữa thiện và ác với những tiến trình vô cùng cam

go. Đức Gioan Phaolo II không có cây đu đủ thần để hóa phép, ngài cũng không dùng cây rẫy nước thánh để trừ tà. Có những giằng co cân não mà chỉ một sơ sẩy là có thể dẫn tới đại chiến, hoặc là những thành quả tranh đấu sẽ đổ vỡ hết trong một sớm một chiều, và có thể còn gây di họa khủng khiếp cho Giáo Hội và cho quê hương của ngài nữa.

Một mặt người ta coi ngài như hiện thân của tinh thần, của một đời sống cầu nguyện thần bí, thì một mặt người ta lại thấy rằng, con người của ngài vẫn phải vâng theo những qui luật vật lý tự nhiên, phải khổ tâm lao trí, phải nhanh chóng đáp ứng với từng thời điểm đấu tranh, và thân xác ngài cũng vẫn bị những phát đạn đâm thủng. Mạng sống ngài chỉ được cứu trong đường tơ kẽ tóc.

Nhưng qua những tiến trình ấy, chúng ta có thể không sai lắm khi nói rằng, sự sụp đổ của chế độ cộng sản là do một sự quan phòng của ơn trên hơn là do công lao của con người. Tuy thế, chúng ta lại vẫn có thể tự hỏi, nếu Đức Gioan Phaolo II là vị được ơn trên trao cho sứ mệnh đó, tại sao ngài phải đi qua những khó khăn và nguy hiểm đến tính mạng như vậy trước khi đi đến mục tiêu. Có lẽ câu trả lời ngắn nhất là ơn trên cần sự cộng tác của con người, muốn thể hiện qua con người, với thân phận và hệ lụy của nhân tính. Không phải Đức Giêsu cũng đã phải trải qua hết cuộc sống nhân sinh, phải đau đớn trong cuộc khổ nạn để hoàn tất được công trình cứu chuộc đó sao?

Một điều nổi bật khác khi theo dõi tác phẩm, chúng ta thấy về phía giáo quyền, Đức Wojtyla có được, không phải tất cả, nhưng có những vị hồng y, những giám mục, linh mục, và giáo dân là những cộng tác viên rất tuyệt vời trong cuộc tranh đấu.

Có những trường hợp sự cộng tác chỉ là giai đoạn, có khi còn bất đồng. Về phía thể quyền, chúng ta thấy nổi bật có Tổng thống Reagan và một số yếu nhân trong chính phủ của ông cộng tác với Đức Giáo Hoàng. Tò ra ngưỡng mộ đời sống đạo của các vị giáo sĩ có khi là chuyện thừa, nhưng đối với những người trần, có khi không cùng tôn giáo mà sự tranh đấu của họ dựa trên niềm tin vào thiện tính, tranh đấu đến cùng thì tôi thực cảm thấy ngưỡng mộ họ hết sức. Đối với tôi, họ cả giáo sĩ lẫn người trần là những con người mang đạo vào đời, họ sống đạo hết lòng, không phân chia, niềm tin và lòng nhân ái không có biên giới, không có chỗ nào là dành riêng cho đời, không có chỗ nào là để mặc cuộc đời thao túng trong sự bất nhân, gian ác của nó.

Tôi đây, chúng ta chạm đến một vấn đề đã được tranh cãi nhiều ở mọi thời đại, đó là vấn đề phân biệt tôn giáo với chính trị.

Leonid Brezhnev, Tổng bí thư đảng cộng sản Sô-viét, đã nổi giận lên khi thấy các linh mục Ba-lan ở lẫn lộn với các công nhân trong khắp các khu vực đình công. Ông ta la hét lên rằng, “Hãy bảo những ông cha đó vào nhà thờ mà cầu nguyện, không việc gì phải dính với chuyện chính trị!” Khi cộng sản lên nắm quyền ở Việt Nam sau 1975, họ cũng dùng chiêu bài tôn giáo phải tách biệt chính trị, họ muốn các linh mục và giám mục cứ việc lo chuyện thờ phượng trong nhà thờ, đừng dấn động gì tới chuyện của nhà nước bên ngoài nhà thờ, chuyện chính trị. Vào những năm 80, ở hải ngoại, khi các phong trào kháng chiến và tranh đấu cho nhân quyền lên cao thì người ta cũng thấy vấn đề tôn giáo và chính trị được đặt ra, mà thường là ở giữa hàng giáo dân với linh mục. Một số linh mục sẵn sàng hiện diện trong các cuộc biểu tình tranh

đấu cho nhân quyền, cho các tù nhân chính trị tại quê hương, trong khi các vị khác thì tránh né, có những vị còn lên tiếng phản đối.

Qua cuộc tranh đấu phá tan cả một đế quốc cộng sản trên thế giới của Đức Gioan Phaolò II, người ta tìm được một câu trả lời, một hướng đi rõ ràng. Chính trị của ngài không phải là thứ chính trị trần thế, đương nhiên. Ngài không có quân đội, không có khí giới. Chiến lược của ngài không có bạo lực. Ngài bị bắn nhưng ngài không muốn ai bắn lại. Ngài dùng tình tha thứ để đáp lại oán thù, nhưng ngài không nhường bước trước những bất công xã hội, trước những chế độ triệt hạ phẩm giá con người. Ngài thương tội nhân nhưng không bao giờ thương tội ác, nhường bước cho tội ác, hay thỏa hiệp với chế độ gây tội ác, cộng sản cũng như tư bản. Niềm tin và tình thương của ngài thuần khiết, sáng chói khắp cùng. Không có chỗ nào là biên giới gọi là của chính trị để những kẻ hoạt đầu có thể dựa vào đó mà gieo rắc sự chết cho con người bằng những chủ nghĩa này hay lý thuyết khác.

Trong tác phẩm có những chỗ nói về Đức Hồng y Sapieha, người đã nhận cậu Karol Wojtyla đi tu trong một chủng viện ngầm, ngài là một vị liên lạc chặt chẽ với các nhóm kháng chiến Ba-lan, yểm trợ họ. Khi quân Đức quốc xã đi lùng bắt những người Do thái để tống giam vào các trại tập trung thì ngài cấp cho họ những chứng chỉ rửa tội, giả nhận làm người Công giáo để thoát thân. Rồi thời sau này, trong những cuộc đình công của công đoàn Solidarity, khi các công nhân phải biểu tình liên tục, ăn chực nằm chờ bao nhiêu ngày đêm ở sân các công xưởng thì các linh mục ở đó với họ, làm lễ, giải tội cho họ. Các vị là chỗ dựa tinh thần của họ.

Ở Việt Nam, khi Việt Minh nắm quyền khoảng thời gian 1945, có một vị giám mục nêu cao tinh thần chống cộng chói ngời bằng cách lập ra vùng tự trị Phát Diệm, khiến Hồ Chí Minh phải điều đứng. Vị giám mục ấy là Đức Cha Lê Hữu Từ. Sau này, giáo hội Việt Nam không thấy có những trang sử oai hùng như thế nữa. Cũng là sống đức tin, sống đức ái, nhưng giáo hội Ba-lan đáng nêu gương sáng cho cả thế giới trong việc dám đem niềm tin và tình thương đến tận cùng.

Trong lịch sử nhân loại, chúng ta có nhiều cảm nghĩ rằng sự ác đã ở trên chân sự thiện, vượt xa sự thiện. Người theo con đường thiện thường là người yếu đuối, ngu dốt, thiệt thòi. Niềm tin chẳng còn chỗ nào để bám víu. Đứng ở phía thiện, chúng ta thấy mình có phần nhiều trách nhiệm. Chịu thiệt thòi, đứng; ngu dốt, tùy theo quan niệm. Chúa Kitô cũng trở nên ngu dốt, trở thành “trò cười” cho thế gian; nhưng yếu đuối, khiếm nhược, hèn nhát thì nhất định là không, hoặc nếu có như thế thì chỉ chứng tỏ chúng ta đã sống sự thiện một cách sai lầm, một sự thiện nửa vời.

Đức Gioan Phaolo II đã trở nên một chóp đỉnh của sức mạnh tinh thần, của sự thiện thắng sự ác, của tình thương thắng bạo tàn. Với niềm tin Kitô giáo, người tín hữu bây giờ lại càng không có lí do gì phải khiếm nhược. Không những vậy, họ còn phải sống lạc quan, sống vui. Họ không chỉ sống cuộc sống chiến đấu như những chiến sĩ anh hùng nhưng còn như những con người đã được sống lại trong mẫu nhiệm phục sinh của Chúa Kitô.

Chúa Kitô khổ giá biểu lộ tình thương, mang cho ta niềm an ủi. Thập giá là biểu tượng của hy sinh, của sự thánh hiến hùng anh. Nhưng chỉ có sự sống lại của Chúa Kitô mới mang

lại cho con người niềm tin. Tin ở sự thiện tuyệt đối thắng sự chết, tin ở tình thương thắng bạo tàn. Người được cứu chuộc trong niềm tin, được bơi lội trong tình thương tuyệt đối, không bao giờ còn khiếm khuyết, không bao giờ thiếu niềm vui. Người mang tin vui phục sinh là người luôn ca ngợi tình thương của Chúa, muốn mang nó đến tận cùng trái đất, mà không một cản trở nào ngăn nổi bước chân của họ.

Nguyễn Văn Thông

Lễ Hiện Xuống 1997

CHƯƠNG 1

KIÊU HÃNH VÀ LO SỢ

Người sĩ quan tông của văn phòng của Tướng Wojciech Jaruzelski bước vào, không theo qui luật hay nghi lễ thường ngày, cao giọng:

– Thưa đồng chí Tướng lãnh, có tin lạ! Wojtyla được bầu làm Giáo hoàng!

Thế là chỉ trong hai tiếng đồng hồ, bộ chính trị và những yếu nhân của đảng và nhà nước Ba-lan họp khẩn.

Tướng Jaruzelski, bộ trưởng quốc phòng nước Nhân dân Cộng hòa Ba-lan, 57 tuổi, đã trải qua những chặng đường lịch sử của đất nước: mất nền độc lập, bị Đức quốc xã rồi Sô-viết xâm chiếm. Ông đã từng bị đày đi lao công ở Tây Bá Lợi Á, rồi tìm đường về bằng cách gia nhập quân đội nhân dân Ba-lan, được thành lập do lệnh của Stalin, làm quân đội đồng minh của Sô-viết.

Jaruzelski hình như bị tràn ngập trong một trạng thái khó tả. Wojtyla làm Giáo hoàng có nghĩa là có chuyện.

Mối liên hệ giữa nhà nước và Hồng y Wojtyla vốn đã thường căng thẳng, huống hồ gì là bây giờ. Nhưng đồng thời Jaruzelski cũng thấy lòng mình tràn ngập niềm kiêu hãnh của một người con dân Ba-lan.

Đây là lần đầu tiên trong cả ngàn năm lịch sử Ba-lan, một người con của đất mẹ được bước lên địa vị cao trọng nhất hoàn vũ. Không mừng sao được. Ngày hôm nay, ngày 16 tháng 10 năm 1978 là một ngày một người con dân Ba-lan mang về cho quê hương mình một phần thưởng kỳ vĩ nhất. Biết đâu đấy chẳng làm cho chính phủ nhà nước Ba-lan được trỗi vượt giữa các nước cộng sản anh em, xóa đi được vết thương chiến bại và nhục nhã. Chẳng gì Ba-lan đã có một thời là cường quốc của Âu châu.

Dân chúng thủ đô Warsaw đổ ra đầy đường. Người ta đến nhà thờ để đốt nến, đọc kinh và ca hát tạ ơn. Niềm vui của họ dâng lên, tràn ra ngầy ngất, như thể cộng các niềm vui của ngày lễ Giáng Sinh, Phục Sinh và ngày Quốc Khánh hợp lại. Buồn cười là các đài phát thanh, truyền hình của nhà nước loan cái nguồn tin lịch sử này theo lối loan một tin ngắn chẳng ăn hợp gì với nhau. Lí do là đảng chưa kịp ban hành một thông cáo chính thức nên không ai dám đưa ra những nét tiểu sử chính của vị tân Giáo hoàng đáng hành diện nhất này của họ.

Dầu vậy khắp thủ đô chuông đổ rền vang như mưa như thác. Jaruzelski tưởng như việc chọn một Giáo hoàng xuất thân từ Krakow là một chủ trương quá khéo léo. Từ nhà thờ Chính Tòa trên đồi Wawel đến văn phòng mục vụ, Wojtyla luôn luôn phủ nhận những cấp bậc của đảng cộng sản một cách có hệ thống và một cách có ý tứ.

Bằng những ý niệm triết học, ngài đã phủ nhận chủ nghĩa Marxist Leninist. Ngài có ảnh hưởng mạnh trên giới trí thức Công giáo. Ngài tạo được một đối kháng tinh thần với giới lãnh đạo nhà nước. Quả vậy, Wojtyla được bầu làm Giáo hoàng là rất nguy hiểm. Jaruzelski sợ rằng Giáo Hội Ba-lan rồi sẽ trở thành một Giáo Hội kiểu mẫu cho cả Đông Âu, ảnh hưởng đến cả Kitô giáo bên trong Liên bang Sô-viết.

Jaruzelski lo mà vẫn lấy làm hãnh diện. Nghĩa là ông ở trong một trạng thái bối rối. Ông nhắc điện thoại gọi chủ tịch đảng Stanislaw Kania, ông này cũng nắm tôn giáo vụ, để xin ý kiến.

– Đồng chí Kania, đồng chí hẳn là biết cả rồi. Vậy đồng chí nghĩ sao về mặt chính trị?

Như thường lệ, Jaruzelski nói bằng một giọng quan cách che giấu cảm xúc. Ông ta biết rằng, biến cố này, với tất cả hào quang của nó, sẽ đem đến phiền nhiễu cho đất nước. Ông ta thấy trước những khó khăn với Sô-viết.

Kania trả lời hơi đùa cợt:

– Thì ở Vatican sẽ nhìn thấy rộng hơn là ở Wawel chứ sao.

Dẫu sao ông ta cũng biết rằng với chức Giáo hoàng, Wojtyla sẽ còn cứng rắn hơn nữa.

Vì phải trông coi về tôn giáo vụ, chuyện khó khăn nhất của Kania là giữ được uy quyền tối cao của đảng ở trên tổ chức của Giáo Hội. Ông đã ghi nhận hồ sơ của các Giám mục Ba-lan đã được thâu thập đưa vào văn phòng tôn giáo vụ suốt nhiều năm qua. Các bản báo cáo cho thấy Wojtyla là một người rất trí thức, nhưng càng ngày càng tách biệt

với quyền lực cộng sản. Người ta thường nói đến một “đường lối Krakow” trong Giáo Hội vượt ra ngoài tầm kiểm soát của chính quyền. Họ cũng bảo ông Hồng y này có ảnh hưởng hoàn vũ, tiếp xúc quá nhiều với nước ngoài, đã đi Tây Phương.

Bây giờ Kania phải thảo một bức điện văn chúc mừng vị tân Giáo hoàng, một điện văn thân ái và nồng nhiệt chào mừng một thắng lợi của “một người con đất nước Ba-lan.

Ngay buổi tối hôm đó, nhóm lãnh đạo đảng và nhà nước bắt đầu đến văn phòng trung ương đảng trên đại lộ Jerozolimskie. Trong những chiếc limosine đen dòm ra, họ thấy những nhà thờ đèn nến sáng trưng đầy nghet những người. Từ Krakow đến Gdansk, từ Wroclaw tới Lublin, cả nước như tràn niềm vui. Đường giây điện thoại tắc nghẽn vì người ta gọi cho thân nhân, bạn bè, đồng nghiệp về tin vui Hồng y Karol Wojtyla của họ đã được trở thành Giáo hoàng như thế nào. Đối với tín hữu Công giáo, đây là một ơn huệ do Chúa và Đức Mẹ ban cho đất nước Ba-lan.

Nhưng những con người cộng sản này có cái nhìn khác. Nhiều người trong nhóm họ tin rằng việc Wojtyla được chọn làm Giáo hoàng là do Mỹ toan tính. Mỹ và Tây Đức đã bí mật điều khiển cuộc bầu phiếu trong nhà nguyện Sistine. Tay hoạt đầu giết dây đảng sau tất cả mọi chuyện đó là Zbigniew Brzezinski, một tay cố vấn chống cộng dữ dội trong Hội Đồng An ninh Quốc Gia của Tổng thống Jimmy Carter. Chẳng may chính Brzezinski lại là người con của đất nước Ba-lan.

Bộ trưởng kinh tế của đảng, Stefan Olszowski phàn nàn: “Wojtyla sẽ là đề tài cho chúng ta phải bàn đến.” Tổng bí thư Edward Gierek khai mạc cuộc họp. Ông ta có vẻ còn đang trong cơn bàng hoàng, nhường diễn đàn cho Kania.

Kania có vóc dáng to lớn, bệ vệ và khổ mặt nông dân. Ông ta nói, điều quan trọng nhất đối với Ba-lan bây giờ là giữ được chính sách ngoại giao với Vatican. Chính quyền đã cho phép xây những nhà thờ mới, cho phép các Giám mục được tự do đi các nước Tây Phương. Tất cả những điều ấy phải được giữ nguyên. Chính đồng chí tổng bí thư đã thăm viếng cố Giáo hoàng Phaolo VI để sửa soạn sự bình thường hóa bang giao với Toà Thánh. Nhà nước đã thương lượng với Chuồng ấn Wyszynski để xác định các quyền lợi của Giáo Hội Ba-lan. Đối với nhà nước, điểm trọng yếu là Giáo Hội và vị tân Giáo hoàng phải tôn trọng nước cộng sản Ba-lan.

Ông ta đặt vấn đề: “Có thể xây dựng được điều gì không?” Rồi ông ta kết luận, kinh nghiệm trong quá khứ cho thấy vị tổng Giám mục ở Krakow không làm cho họ được lạc quan lắm. Tuy nhiên đường lối cộng sản bao giờ cũng đòi hỏi một xác định đi theo một phủ định. Giáo Hội Roma đã học được giá trị hợp tác với chính quyền cộng sản. “Chúng ta có thể hy vọng Toà Thánh đi theo đường lối hòa giải.”

Những đầu não cộng sản không lấy gì làm yên tâm. Vấn đề nhúc nhối vẫn là: Ông Giáo hoàng Ba-lan này có sẽ là một đe dọa cho chế độ xã hội chủ nghĩa của Ba-lan hay không? Rồi một câu hỏi gần gũi hơn được đặt ra làm cả

phòng họp chìm trong im lìm: Phải làm sao nếu ông Giáo hoàng muốn về thăm quê hương?

Chính phủ chỉ còn cách khuyến cáo bộ trưởng ngoại vụ phải lập tức canh chừng những đoàn người hành hương đổ về Roma. Những đoàn hành hương này là mối nguy hiểm đe dọa đến nền an ninh Ba-lan.

Chỉ mấy tiếng đồng hồ sau khi vị tân Giáo hoàng là vị đến từ đất nước xã hội chủ nghĩa lên ngôi, Vatican đã trở thành một thực tại đáng ngại cho đế quốc cộng sản. Ngay ngày hôm sau, đại sứ Sô-viét ở Warsaw đã đến văn phòng trung ương đảng để tìm hiểu chính sách mới. Vừa gặp Kania, ông ta đã nóng nảy nói:

– Nếu các ông không có đường lối khéo léo với Wojtyla, các ông chỉ có nước chờ đợi những bất lợi mà thôi.

Bao nhiêu lạc quan chính thống của Kania vừa tan biến. Ông không còn biết nói gì.

– Rất bất lợi!

Bây giờ thì bỗng miệng ông tổng bí thư đảng cộng sản Ba-lan thốt lên:

Mẹ Chúa ơi!

CHƯƠNG 2

NƯỚC BA-LAN

Ba-lan có hình dáng gần như tròn, nằm ở giữa Âu châu tính từ đông sang tây, và về phía bắc Âu châu tính từ nam tới bắc. Đông Ba-lan là Liên bang Sô-viết, tây là Đông Đức, nam là Tiệp-khắc. Diện tích Ba-lan khoảng 121.000 dặm vuông (313.400 cây số vuông). Chiều dài nhất từ đông sang tây là 390 dặm (630 cây số), từ nam tới bắc là 360 dặm (575 cây số).

Ba-lan có khí hậu đại lục, mùa đông lạnh tới 37 độ F, mùa hè nóng tới 95,5 độ F. Nguồn lợi thiên nhiên lớn nhất của Ba-lan là than đá. Lâm sản là nguồn lợi thứ nhì với diện tích rừng chiếm khoảng 26% đất đai. Các mỏ muối, sắt, kẽm, đồng thường không đủ cung cấp cho kỹ nghệ trong nước.

Ba-lan có dân số hiện nay là 37,8 triệu dân, một giống dân thuần nhất gốc các bộ lạc Slavic thời cổ. Có chừng 2% dân số thuộc giống khác bao gồm Ukraine, Bạch nga, Do

thái, Slovak, và Lithuania. Người Ba-lan có màu da trắng vừa phải, tóc vàng, vóc người hơi thấp so với các giống da trắng khác.

Ba-lan là quốc gia có 80% dân số là Công giáo, phần còn lại gồm có đạo Chính Thống, Tin Lành. Những người Do thái có dân số khoảng 3 triệu rưỡi trước Thế Chiến II, sau đó chỉ còn ít chục ngàn.

Ba-lan có một lịch sử đầy những biến động, bị lệ thuộc, bị xâm lăng. Vào thế kỷ 11, Ba-lan bị các dân tộc Dane, Hung-gia-lợi, và Russia xâm chiếm và cắt đất. Vào thế kỷ 12, sau khi vua Boleslav III chết, đất nước bị chia năm xẻ bảy cho các hoàng tử. Vào khoảng năm 1240-41, quân Mông Cổ chiếm Ba-lan. Sau đó là những cắt đất xâm lấn của dân Đức và những Hiệp Sĩ Teutonic.

Đến năm 1260, Ba-lan mới được thống nhất dưới triều đại vua Piast, và Ba-lan bắt đầu hùng cường vào đời vua con, Casimir III, một trong những vị vua sáng giá nhất của Ba-lan. Đến 1350, con rể Casimir II vốn là công tước của Lithuania, đánh bại đoàn Hiệp sĩ Teutonic và đem Ba-lan lên địa vị dẫn Âu châu, lập triều đại Jagiellon. Triều đại này kéo dài đến 1572, là một triều đại có một tổ chức quốc hội gọi là Sejm do dân bầu.

Những sự phát triển chính trị, kinh tế và quân sự bắt đầu xuống dốc vào thế kỷ sau, khi có chiến tranh với những dân tộc Thụy Điển, Nga, Brandenburg, và Ottoman Turk. Vào năm 1764, quân Nga kéo vào Ba-lan áp đặt vua Stanislas II Augustus lệ thuộc Nữ Hoàng Catherine II của Nga.

Trước chủ nghĩa bành trướng của Nga, Thổ Nhĩ Kỳ

tuyên chiến với Nga. Trong khi đó, Phổ và Áo sợ có bạo động lớn khắp Âu Châu nên đề nghị Nga chia đất Ba-lan. Thế là năm 1772, Ba-lan mất đi một phần tư đất đai

Năm 1794, vào mùa hè, Ba-lan làm cách mạng, giải phóng những phần đất bị chiếm. Nhưng đến cuối năm, Nga lại mang quân chiếm lại, tàn sát phần lớn dân chúng ở thủ đô Warsaw. Lần này đất Ba-lan bị chia hết, mất tên trên bản đồ.

Người Ba-lan ngấm ngấm nuôi mộng giành lại bờ cõi. Đến năm 1830 các lực lượng nổi dậy. Năm 1831, Ba-lan đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập được ít tháng, rồi lại bị lệ thuộc. Lần này với chính sách xâm lăng văn hóa, Nga bắt dân Ba-lan dùng tiếng Nga, và can thiệp vào cả các vấn đề tôn giáo, xã hội. Khi xảy ra Thế Chiến I, người Ba-lan ở phần đất nào thì phải gia nhập quân đội nước ấy. Kết quả là người Ba-lan bắn người Ba-lan. Tới 1917 Nga mới công nhận quyền tự trị của Ba-lan. Đến cuối năm 1918, tướng Josef Pilsudski nắm quyền và thành lập chính phủ Ba-lan. Qua hiệp ước Versailles 1919, Ba-lan được phân chia ranh giới nhưng không lấy lại được những phần đất cũ do Nga chiếm.

Sau khi đòi lại không được, năm 1920 Ba-lan tuyên chiến với Nga. Với sự hỗ trợ của Pháp, Ba-lan lấy lại được phần lớn đất cũ.

Trong suốt hai thập niên, mọi chính sách ngoại giao của Ba-lan luôn nằm trong sự e ngại hai cường quốc kềm hai bên là Đức và Nga. Ba-lan ngoài sự liên kết với Pháp, bây giờ cũng ký hiệp ước liên kết với Lỗ ma ni, Tiệp-khắc, Nam Tư, Latvia, Estonia và Phần lan. Năm 1932 Ba-lan ký

một hiệp ước không xâm lấn với Nga, và hai năm sau cũng ký một hiệp ước như vậy với Đức.

Trong thời gian này, tướng Pilsudski đứng đầu chính phủ. Ông loại dần những thành phần thiên tả trong chính phủ và áp dụng chính sách độc tài. Chính phủ của ông kéo dài được đến năm 1935.

Sự bành trướng của Chủ Nghĩa Xã hội Quốc gia ở Đức trong thời gian này lên tới tột đỉnh làm nên mối đe dọa đến nền an ninh Ba-lan. Đức đòi hỏi Ba-lan những quyền lợi quan trọng ở hành lang Ba-lan. Nhờ mối liên kết với Anh và Pháp, Ba-lan không nhượng bộ. Giữa tháng 9.1939 Hitler xua quân tiến chiếm Ba-lan, châm mồi lửa cuộc Thế Chiến II.

Với 2 triệu quân, Đức tấn chiếm như vũ bão đến nửa nước Ba-lan chỉ trong vòng 2 tuần lễ. Nga cũng không tốt hơn gì, chỉ sau khi Đức động quân vài ngày, đem quân chiếm gần hết nửa nước Ba-lan từ phía đông. Ba-lan bây giờ chỉ còn lại chừng 39 ngàn dặm vuông đất đai nhưng phải nằm trong sự bảo hộ của Đức.

Trong khi ở phần đất bị Nga chiếm, dân Ba-lan bị đẩy đi Tây Bá Lợi A thì ở phần đất bị Đức chiếm, dân chúng phần bị trục xuất sang Đức lao công, phần bị bắt vào trại tập trung rồi bị giết theo chính sách diệt chủng của Hitler. Trại tập trung Auschwitz là một trong những trại khủng khiếp ở gần thành phố Cracow nằm trong hệ thống diệt chủng này. Đối với Hitler và Đức quốc xã, Do thái và giống dân Slav là những giống dân hạ cấp cần phải tiêu diệt. Cho tới khi được giải phóng vào tháng 3.1945, Ba-lan có 6 triệu dân 1/5 dân số bị giết trong các trại tập trung, một nửa là Do thái. Quân đội bị chết tới 600 ngàn.

Có khoảng 100 ngàn quân Ba-lan trốn được sang Pháp, qui tụ lại đứng vào hàng ngũ Đồng Minh. Chính phủ Ba-lan trở thành chính phủ lưu vong chạy qua Pháp rồi qua Anh.

Sau chiến tranh, biên giới được vẽ lại. Ba-lan lấy lại được phần đất cũ, dân Đức trả về Đức, dân Ba-lan ở phần đất về cho Sô-viết thì bị hồi hương.

Trong cuộc bầu cử năm 1947, liên đảng Cộng sản và Xã hội chiếm 394 trong số 444 ghế quốc hội. Đảng thiểu số là đảng nông dân chỉ đứng độc lập được cho tới năm 1956 rồi cũng trở thành liên hiệp với chính phủ Cộng sản.

Tháng 9.1948 đảng Cộng sản Ba-lan thanh trừng hàng ngàn đảng viên Cộng sản quốc gia theo đường lối của Tito nước Nam Tư. Từ đó Ba-lan trở thành vệ tinh trung thành trong quỹ đạo cộng sản Sô-viết.

CHƯƠNG 3

GIẤC MƠ CỦA MỘT NGƯỜI MẸ

Cuộc hành trình dài cho tới bây giờ của Đức Giáo hoàng Wojtyla bắt đầu từ ngày 18 tháng 5 năm 1920, khi mẹ ngài, cô Emilia Wojtyla đau bụng chuyển mình. Cô là một người đàn bà thể chất yếu ớt. Sáu năm trước cô đã mất một bé gái; bây giờ cô sửa soạn cho một đứa con khác chào đời.

Chồng cô là Karol đang ở bên cạnh. Ông mang cấp bậc trung úy trong quân đội Ba-lan, tuổi đã 40 nên không còn ra trận. Vì thế ông có thể ở lại với vợ nơi tỉnh nhỏ Wadowice và cũng dễ trông coi cậu con Edmund 13 tuổi trong thời gian vợ mang thai. Đúng ngày cô Emilia chuyển bụng là ngày tướng tư lệnh Josef Pilsudski dẫn đoàn quân chiến thắng trở về thủ đô Warsaw sau khi đánh bại Hồng quân Nga; trận chiến thắng thành phố Kiev của người Ukraine. Bao nhiêu ngàn dân Ba-lan đứng hai bên đường phố ngày hôm nay chờ đợi chào đón người hùng Kiev. 59

năm sau, Ba-lan một lần nữa vui mừng và hy vọng vì một cậu bé được sinh ra ở Wadowice trong ngày khai hoàn ấy cũng sẽ trở về Warsaw trong chiến thắng.

Cậu bé được đặt theo tên cha là Karol, nhưng mẹ cậu lại gọi cậu là Lolek. Cậu bé kháu khinh sống động có khuôn mặt giống mẹ. Trong khi cậu con lớn đi học, cô Emilia dành hết thì giờ để chơi với con, đọc sách cho con, kể cho con nghe truyện trong Kinh Thánh.

Khi Lolek lên sáu, bắt đầu đi học, sức khỏe của mẹ cậu vốn yếu lại còn yếu thêm. Những cơn đau lưng dữ dội và hay ngất xỉu thường bắt cô phải nằm trên giường. Dù những khi khỏe mạnh càng ngày càng hiếm, cô Emilia vẫn lấy làm vui về những thành quả của các con. Cậu Edmund, ở nhà gọi là Mundek, đã vào đại học ở Krakow, học y khoa. Cậu sinh năm 1906, thông minh, đẹp trai và có năng khiếu thể thao đặc biệt.

Còn em Karol học trường tiểu học nam. Cậu mê bóng đá, học hành xuất sắc, và sống đạo sốt sắng theo gương cha mẹ. Ngay từ đầu, cô Emilia muốn con mình trở thành linh mục, một ao ước cô thường chia sẻ với hàng xóm láng giềng.

Vào ngày 13 tháng 4 năm 1929, cậu Karol được tám tuổi, trên đường đi học về lúc mẹ cậu vừa bị mang vào nhà thương. Các bác sĩ chẩn bệnh thấy bà bị sung tim và thận.

Cô giáo của Karol, cũng là người hàng xóm, gặp cậu lúc cậu vừa về tới, nói ngay: “Mẹ con chết rồi.” Bà Emilia mới chỉ được 45 tuổi.

Cái chết của người mẹ đã cướp mất nơi Karol chôn nường tựa êm ái. Bà giáo nhận thấy có sự thay đổi nơi tính

khí của cậu. Cậu bắt đầu thu mình ẩn náu nơi sách vở và cầu nguyện.

Từ đó, nguồn vui lớn nhất còn lại trong đời Karol là anh trai Edmund, người mà cậu coi như thần tượng của mình. Edmund, tuổi hơn Karol nhiều, là một cầu thủ quần vợt có hạng, và là một ngôi sao trên sân bóng đá. Trong những dịp nghỉ hè từ trường y khoa về, Edmund chỉ dạy đám con trai ở Wadowice những ngón đòn bóng đá ngoạn mục.

Tình yêu của Karol dành cho anh mình tưởng như vô bờ. Người ta thường thấy hai anh em chuyển bánh nhau khắp đường phố. Còn nếu không thì Edmund công kênh em trên vai đi qua sân bóng. Đối với Karol, Edmund là nơi nương tựa tinh thần mỗi khi buồn rầu. Hình như mỗi lần gặp anh xong là cậu bé lại tự tin và lạc quan trở lại.

Vào năm 1930 Karol đi với cha đến Krakow dự lễ ra trường của Edmund. Đối với ông Wojtyla, lúc này đã về hưu với số lương khiêm tốn, người con trai tốt nghiệp bác sĩ cũng có nghĩa là một sự chống đỡ tài chánh cho gia đình. Văn bằng bác sĩ của Edmund hứa hẹn một tương lai thịnh vượng hơn, thoát khỏi cảnh túng thiếu thường xuyên vì món lợi tức còm cõi của trung úy Wojtyla.

Sau khi tốt nghiệp, Edmund trở thành bác sĩ thường trú trong một nhà thương ở Bielsko, Silesia, nơi Karol thường xuyên đến thăm anh.

Rồi mùa lên sỏi nặng xảy ra. Edmund túc trực suốt một đêm bên giường một thiếu nữ mà anh đặc biệt thương mến. Sau đó anh bị những cơn nhức đầu dữ dội dày vò, rồi một cơn sốt lên đến 104 độ F. Anh biết ngay mình bị lây.

Anh bắt đầu ỏi mùa và bị những cơn đau hành trong bốn ngày cuối cùng. Vào ngày 4 tháng 12 năm 1932, anh chết một mình trước khi người thân tới kịp.

Chiều hôm đó, một bà láng giềng tốt bụng tìm thấy Karol trong tình trạng mê sảng một mình ngoài sân sau nhà. Bà kể: “Tôi bỗng cậu lên.” và thì thầm: “Tội nghiệp Lolek, cháu mất anh rồi.” Cậu bé nhìn lên với gương mặt đăm chiêu, nói vồn vện: “Đó là ý Chúa.” Rồi cậu không hề nói gì thêm nữa.

Mấy chục năm sau, một nhà báo Ý dâng tặng Đức Gioan Phaolo II một cuốn sách nhỏ để tặng anh của ngài. Trên cái bìa sách đóng bụi, có một tấm hình của Mundek. Đức Giáo hoàng chậm chậm ấn tấm hình lên môi.

Cho tới bây giờ, trong ngăn kéo bàn giấy của ngài ở Vatican, Đức Giáo hoàng vẫn giữ một kỷ vật yêu dấu do ban giám đốc nhà thương ở Bielsko tặng ngài. Đó là cái ống nghe khám bệnh của anh Edmund.

CHƯƠNG 4

GIỮ VỮNG NIỀM TIN

Trung úy Wojtyla đã nhất định dành hết mọi sự sẵn sóc, tình phụ tử cho đứa con còn lại. Cha con cầu nguyện chung họ đi dự thánh lễ hằng ngày và chơi chung với nhau. Một lần kia có người bạn cùng lớp Karol ghé nhà, nghe những tiếng rầm rầm bên trong, tiếng la hét và tiếng chân chạy thình thịch. Mở cửa ra thì thấy hai cha con Karol mặt đỏ bừng, mồ hôi nhễ nhãi trong căn phòng trước, mà đồ đạc thì dẹo sát vào tường. Thì ra hai cha con đang chơi bóng đá bằng một trái banh bằng giẻ cuộn lại.

Còn chút rảnh rỗi nào, Karol để hết mình vào một đam mê mới: diễn xuất. Cậu dẫn đầu những cuộc trình diễn trong trường. Do một thầy giáo khuyến khích, cậu tham gia ban kịch nghệ. Cậu chứng tỏ một tài năng hứa hẹn mà các bạn tin chắc là cậu sẽ trở nên hoặc là một diễn viên hay là một nhà văn. Cậu mau chóng biến thành ngôi sao diễn xuất. Đó là những năm vui thú của cậu. Láng giềng

thường nghe cậu lú lo hát khi bước xuống cầu thang đi tập dợt. Vào tháng 5 năm 1938 Tổng Giám mục Krakow, Đức Adam Sapieha đến Wadowice để ban phép Thêm Sức cho các em. Karol được chọn đọc lời chào mừng, và cậu đã làm một bài diễn văn hết sức trau chuốt. Đức Tổng Giám mục Sapieha quan sát khuôn mặt với nét diễn tả của cậu học sinh và mái tóc dày cứng của cậu. Ngài hỏi thầy dạy giáo lý của Karol:

Hết trung học em đó sẽ làm gì? Em có muốn vào chủng viện không?”

Karol xin được trả lời trực tiếp với ngài. Cậu nói:

Con sẽ học văn chương Ba-lan và triết học.

Đức Tổng Giám mục trả lời:

– Vậy thì tội nghiệp lắm.

Trong khi ấy thế giới chung quanh đang thay đổi. Karol có bạn thân là một cô gái láng giềng, cô Ginka Beer, mà gia đình cùng sống trong một tòa chung cư. Một ngày mùa hè năm 1938, thiếu nữ ấy bất ngờ xuất hiện trước cửa nhà Karol. Lập tức cậu biết có chuyện chẳng lành. Ginka chưa lần nào đến nhà Karol cả.

Cô bảo cha cô, là quản trị viên của một ngân hàng gần đó, đã quyết định mang gia đình di cư. Hình như nước Ba-lan không còn là chỗ ở an toàn cho người Do thái nữa. Những thanh niên đầu gấu đang xúi giục tẩy chay cửa hàng Do thái, và chúng còn đập bể cửa kính của họ.

Cha của Karol khuyên cô ở lại. Ông lập đi lập lại rằng “Không phải tất cả người Ba-lan đều ghét người Do thái đâu”. Karol cũng cố thuyết phục Ginka đừng đi nhưng vô hiệu. Karol vừa buồn vừa tức đến đỏ cả mặt, và cậu không

nói một lời nào trong lúc buồn rầu. Một lần nữa Karol mất đi một người thân thiết.

Sau khi hết trung học, hai cha con Karol chuyển nhà tới Krakow và cậu ghi danh vào Đại học Jagiellonia. Khi quân Đức dội bom thành phố Krakow vào ngày 1 tháng 9 năm 1939 thì Karol đang ở trong ngôi nhà thờ chính tòa cổ. Giữa tiếng bom nổ, tiếng còi hụ là lúc quân Đức tiến chiếm thành phố. Ba-lan bị sụp đổ nhanh chóng và khốc liệt. Đức chiếm Krakow trước ngày 6 tháng 9. Vào ngày 28 tháng 9, Warsaw đầu hàng toàn diện. Đối với Karol Wojtyla đây là khởi đầu cuộc sống ngục tù của nước Ba-lan.

Quân Đức quốc xã siết sợi dây thòng lọng vào cổ dân chúng rất nhanh. Bất cứ người nào không được chúng cấp cho công việc làm là hầu như bị trục xuất sang Đức lao công. Vào mùa thu năm 1940, Karol kiếm được một công việc trong một hầm đá của hãng hóa học Solvay do Đức điều hành, ở ngoại ô Krakow. Suốt tám tiếng liên tục, Karol bị bắt buộc làm việc dưới cái lạnh có khi tới 22 độ âm.

Tình trạng lao động rất tàn nhẫn. Một hôm Karol chứng kiến một đồng nghiệp bị chết tại chỗ khi anh này bị một miếng đá bắn đâm vào thái dương khi anh ta đang sử dụng máy cắt đá. Karol cảm thấy nỗi đau đớn và sâu hận nơi tất cả những đồng nghiệp khác, và nỗi đau khổ của vợ người xấu số.

Đồng nghiệp gọi Karol là “cậu học trò”, để ý thấy cậu chịu lạnh với độc một cái áo jacket màu xanh, quần xanh và một cái mũ thấm mồ hôi. Một ngày kia người ta lấy

làm lạ thấy cậu đến hầm đá mặt tái xanh, run rẩy. Hỏi ra biết là cậu đã cời cái jacket cho một người nghèo gặp trên đường.

Công việc ở hầm đá và sự cùng cực do chiến tranh khiến cơ thể Karol suy sụp. Mặt thì giờ xương ra, lưng thì gù xuống. Khẩu phần thời chiến đã thiếu thốn mà cậu lại còn người cha đang lâm bệnh nặng.

Ngày 18 tháng 2 năm 1941, trời lạnh thấu xương. Wojtyla đi làm như thường lệ trong khi cha cậu nằm liệt giường không thể ngó ngang đến cậu. Sau khi tan sở cậu đi mua ít thuốc và chút thức ăn cho cha rồi trở lại hầm nhà với cô em của một người bạn. Bước vào phòng cha, một lúc cậu bước ra, khóc nức nở. Cha cậu đã chết.

Wojtyla ôm lấy cô em gái bạn mà khóc:

– Mẹ tôi chết tôi đã không có mặt, anh tôi chết tôi cũng không có mặt, bây giờ cha tôi chết tôi lại chẳng được thấy mặt!

Thế là người con trai ngồi cạnh xác cha mình suốt đêm. Trong đêm ấy cậu đã cân nhắc về cùng đích cuộc đời mình. Năm tháng trải qua, sau này Đức Gioan Phaolo II nói về thời gian ấy như sau: “Lúc 20 tuổi, tôi đã mất tất cả người thân.”

Những năm tháng sau đó, tất cả những đau khổ làm cho Wojtyla càng bám chặt lấy đức tin. Tới năm 1942 người thanh niên ấy đi đến một quyết định. Chẳng bao lâu, Đức Tổng Giám mục Sapieha ở Krakow được tin báo là Wojtyla muốn đi tu làm linh mục.

CHƯƠNG 5 CHỦNG VIỆN BÍ MẬT

Đức Adam Sapieha, Tổng Giám mục Krakow, thuộc dòng quý tộc, là một nhà ái quốc và một chính trị gia. Lúc 72 tuổi ngài còn tại chức khi quân đội Hitler tấn chiếm thành phố. Ngài liên lạc chặt chẽ với các nhóm kháng chiến khác nhau, với chính phủ Ba-lan lưu vong tại Luân Đôn, và với Vatican. Ngài đích thân giúp người Do thái bằng cách cấp cho họ chứng chỉ Rửa tội để khỏi bị quân Đức quốc xã lùng bắt.

Sau khi chiếm đóng, quân Đức ra lệnh cho Giáo Hội chấm dứt việc huấn luyện chủng sinh. Đối lại, Đức Sapieha thành lập một chủng viện trong bóng tối để Giáo Hội không bị ngắt quãng việc đào tạo các linh mục. Wojtyla gia nhập chủng viện này vào tháng 10 năm 1942. Những lớp học được tổ chức trong nhà dòng nữ, trong nhà thờ, hoặc tại tư gia. Mỗi chủng sinh được chỉ định cho một giáo sư đích thân hướng dẫn. Mỗi người được chỉ

thị phải giữ kín việc huấn luyện của mình đối với cả người quen biết.

Vào ngày 6 tháng 8 năm 1944 ngày “Chủ nhật đen” mật vụ SS và Gestapo càn quét thành phố với mục đích đè bẹp tất cả mọi khả năng chống cự của Ba-lan. Hơn 8.000 đàn ông và thanh niên bị bắt. Trong khi nghe tiếng chân và tiếng hò hét của lính Đức thì Wojtyla đang cùng với các bạn học ở trong một căn nhà. Trong khi anh đang cầu nguyện trong phòng với các bạn thì bỗng tái mặt. Bọn lính đang lục soát ở ngay trên đầu. Nhưng không biết vì chúng vội vã gì mà bỏ sót không lục soát căn phòng dưới hầm nhà.

Ngày hôm sau, Wojtyla trốn những toán lính kiểm soát, tìm cách đến tòa Tổng Giám mục, nơi Đức Sapienha đang che giấu những chủng sinh trẻ. Cuối cùng trong cái chủng viện bí mật đó, Wojtyla mặc áo tu sĩ, chiếc áo mà mẹ cậu vốn hằng ao ước cậu được mặc.

Đức Sapienha để ý đặc biệt đến thầy Wojtyla. Đôi khi cha con ăn sáng chung với nhau. Ngài thích con người trẻ gầy gò với dáng trầm ngâm này. Một ít lâu sau ngài được biết tên của người thanh niên này đã bị gạch khỏi sổ công nhân ở Solvay.

Ít lâu sau, vào tháng giêng 1945, Đức thua Đồng Minh và Krakow được giải phóng. Karol Wojtyla đã có thể tiếp tục việc đào luyện tại đại học Jagiellonian. Vào ngày 1 tháng 11 năm 1946, thầy được Đức Tổng Giám mục Sapienha truyền chức linh mục.

Việc Đức quốc xã thất trận không phải đã làm cho Giáo Hội hoặc nước Ba-lan khỏi bị áp chế. Sự kết hợp khối cộng

sản Đông Âu và Trung Âu lan tràn như vũ bão. Sau chiến tranh, Giáo Hội ở Ba-lan trở thành tiếng nói cảm vì bị áp chế.

Đã hàng bao thế kỷ, qua bao nhiêu chiến tranh, phân chia và ngoại thuộc, nền văn hóa và giới nông dân Ba-lan trở nên bất khả phân với Giáo Hội. Giáo Hội luôn luôn đứng vững chống thù trong giặc ngoài. Với một dân số tuyệt đại đa số là Công giáo, nước Ba-lan là một nước đặc biệt. Giới lãnh đạo bộ chính trị Moscow không có cách nào hiểu được sức mạnh của Giáo Hội Công giáo Ba-lan.

Sau một năm rưỡi du học tại Roma, cha Wojtyla trở về quê hương. Để chuẩn bị cho những bước tiến của cha trong Giáo Hội, Đức Sapieha, giờ đây đã là Hồng y, chọn cho cha một xứ đạo ở một miền quê cách Krakow 30 dặm. Xứ đạo có 200 giáo dân và một nhà thờ bằng gỗ. Nhiều người còn nhắc nhở đến cha Wojtyla dáng gầy còm trong chiếc áo dòng bạc chỉ, xách một chiếc va li rách, bước chậm chạp vất vả trên con đường làng bụi đất.

Trong bảy tháng trời, cha Wojtyla được nếm những kinh nghiệm mục vụ: làm phép rửa tội, giải tội, hôn phối, viếng kẻ liệt, đưa đám người chết, dâng thánh lễ hằng ngày, chăm sóc đời sống thiêng liêng cho giáo dân.

Chính trong xứ đạo miền quê này, vị linh mục trẻ lần đầu kinh nghiệm được guồng máy của Stalin cai trị như thế nào. Chẳng hạn khi công an ngầm muốn giải tán đoàn Thanh Niên Công giáo, họ bảo một đoàn viên thanh niên loạn báo cho đoàn. Anh ta từ chối. Thế là một tối kia, công an bắt và chở anh ta đi, mang đến làng bên cạnh, đánh đập anh như tử. Sáng hôm sau chúng mang anh trở về làng

trong khi anh còn bàng hoàng.

Cha Wojtyla an ủi anh, nói: “Anh Stanislaw, đừng lo sợ. Cuối cùng thì bọn họ sẽ tự tan rã.” Ý ngài nói về cộng sản.

Vào tháng 3 năm 1949 Đức Hồng y Sapieha chuyển cha Wojtyla đến xứ đạo trường đại học Thánh Florian ở Krakow. Ngài nghĩ rằng chính ở đó cha Karol mới có thể phát triển hết các biệt tài của cha với giới trẻ.

Cha Wojtyla bắt đầu những cuộc du khảo về miền núi hoặc hồ với những thanh niên thiếu nữ đại học. Đoàn “con trai con gái” nhu tiếng ngài thường gọi họ cảm thấy sự ấm lòng khi đến với ngài. Ngài bao giờ cũng bắt đầu một ngày bằng Thánh Lễ, rồi dẫn đầu đoàn người đi cắm trại hoặc chèo thuyền.

Cha Wojtyla mặc quần áo dân sự, thường là áo thun quần cụt để người ngoài không biết mình là linh mục. Nhà nước cấm giới tu sĩ cầm đầu thanh niên ở ngoài phạm vi nhà thờ. Các sinh viên gọi cha là “chủ” phần vì tình thân mật, phần để tránh sự nghi ngờ.

Ngài thường chọn một sinh viên nào đó ở bên cạnh cả ngày. Người trẻ rất cởi mở với ngài, hăng hái bàn thảo với ngài đủ chuyện, cả chuyện tình yêu của họ.

Năm 1954 cha Wojtyla bắt đầu dạy môn luận lý ở Đại học Công giáo Lublin. Ngài thường đội một mũ nổi màu tím tui, đeo kính gọng sừng và mặc áo chùng đen bạc vì lúc nào ngài cũng quì cầu nguyện.

Ở đại học này cha gia nhập chung với một nhóm giáo sư bí mật bàn thảo về thời buổi khó khăn của Giáo Hội. Tình hình chính trị và tôn giáo ở Ba-lan đã trở nên ảm

đạm. Hàng giáo sĩ đang bị bắt giam. Tờ tuần báo Công giáo ở Krakow bị đóng cửa vì không chịu đăng bài phân ưu cái chết của Stalin lên trang nhất.

Trong khi Giáo Hội Công giáo cố sức tìm cách đi song hành với chế độ cộng sản, thì cha Karol Wojtyla, một linh mục của giáo phận Krakow chưa được ai biết tới, đã sửa soạn đặt bước chân đầu tiên vào vòng ánh sáng.

CHƯƠNG 6

MỘT BIỂU TƯỢNG CHƯA ĐƯỢC BIẾT ĐẾN

Vào ngày 4 tháng 7 năm 1958, cha Wojtyla khẩn cấp đi Warsaw, đến tòa Hồng y Wyszyński, Chương án Giáo Hội Ba-lan. Đã 10 năm, Đức Wyszyński là biểu hiệu của Giáo Hội Công giáo Ba-lan. Trong cách đối xử khôn khéo và cứng rắn với người cộng sản, ngài đã bảo vệ được truyền thống độc lập của Giáo hội.

Bây giờ ngài thoáng nhìn vào vị linh mục trẻ có nước da rám nắng, dù có mặc áo chùng đen cũng không che được một vóc dáng lực sĩ với vẻ nhiệt thành. Vị Hồng y biết rất ít về vị linh mục trẻ tuổi này ngoại trừ số tuổi 38, và đã có lần ngài bị người thanh niên này hỏi trong khi giảng tĩnh tâm cho một nhóm người trẻ.

Đức Wyszyński đưa bàn tay xương xẩu nâng một tờ giấy trên mặt bàn. Ngài nói:

– Chúng tôi vừa nhận được một lá thư rất hay do Đức Thánh Cha gọi. Xin cha lắng nghe. “Cha tấn phong cho

cha Karol Wojtyla làm Giám mục phụ tá cho địa phận Krakow; xin cha hãy bày tỏ sự ưng thuận của mình trong việc tấn phong này.”

Đức Hồng y nhìn cha Wojtyla, ngừng lại xem xét thái độ của cha và hỏi:

– Cha có nhận không?

Cha Wojtyla thưa có. Ngày 28 tháng 9 năm 1958, cha Wojtyla được truyền chức Giám mục tại nhà thờ chính tòa Wawel thành phố Krakow.

Chưa đầy hai tuần sau đó, ngày 9 tháng 10, Đức Giáo hoàng Pio XII qua đời, thọ 82 tuổi, và ngày 28 tháng 10, các Hồng y chọn Hồng y Angelo Giuseppe Rocalli, 76 tuổi, làm Giáo hoàng, lấy danh hiệu là Gioan XXIII. Trong có ba tháng, Đức Giáo hoàng triệu tập tổng hội đồng Giám mục thế giới. Thư mời được gửi tới 2.594 Giám mục khắp thế giới, trong đó có Giám mục Karol Wojtyla.

Giáo Hội Công giáo luôn luôn gìn giữ tính liên tục trong tổ chức. Nhưng sự triệu tập các chủ chiên từ tháng 10 năm 1962 đến tháng 12 năm 1965 được coi như là một đổi mới tận gốc. Công Đồng Vatican II thật là một cuộc cách mạng. Từ đây thẩm quyền tuyệt đối của tòa Roma nơi hàng bao thế kỷ trước đã tuyên phá và nắm giữ luật lệ đời sống Công giáo, bây giờ được rút lại.

Công Đồng không còn theo khuôn mẫu chống Tin Lành của Công Đồng Trento (1545-63) nữa, mà xích gần lại với Giáo Hội Tin Lành và Giáo Hội Đông Phương, cùng bỏ thái độ bài Do thái.

Khi Giám mục Wojtyla đến Roma, ngài chỉ là một Giám mục 42 tuổi, vô danh trong hàng giáo phẩm. Nhưng

Công Đồng đã thay đổi con người của ngài. Những cuộc họp Công Đồng là trường học tuyệt vời đối với ngài. Ngài quan sát, lắng nghe và học hỏi. Từ chỗ ngồi trong Đền Thánh Phêrô, ngài là nhân chứng cho những cuộc song tranh luận, những tràng vỗ tay tán thưởng, những bộc trực gay gắt, và sự thành hình những liên danh cử tri, chuyển thành tính dân chủ lập hiến.

Ngài bắt đầu gặp gỡ những vị có ảnh hưởng trong Giáo Hội. Tại Roma, ngài gặp một người bạn cũ, Cha Andrzej Maria Deskur, là người đã nhập chủng viện với ngài ở Krakow, và là người có tầm hiểu biết rất sâu về giáo quyền. Cha Deskur giới thiệu ngài với những vị tai mắt của Công Đồng. Cha Deskur kể lại: “Mỗi thứ hai tôi hỏi ngài muốn gặp ai, ngài đều đưa cho tôi một danh sách.”

Ngài nhiệt tình trong những trao đổi nhưng ít khi tỏ ra hỗn nhiên; sẵn sàng nghe người khác nhưng vẫn cô độc. Một số vị biết ngài đã mất mẹ, anh trai và cha từ hồi còn niên thiếu, nhưng ngài không bao giờ đả động đến. Tài sản của ngài chẳng có gì ngoại trừ sách vở, áo dòng, một ít đồ kỷ niệm gia đình, bộ trượt tuyết và quần áo đi dạo núi.

Ngài cũng bắt đầu được bên ngoài Vatican để ý đến. Năm 1976 tờ *New York Times* xếp ngài vào danh sách 10 ứng viên thường được nhắc nhở có triển vọng kế vị Đức Giáo hoàng Phaolò VI. Mặc dù Đức Hồng y Abino Luciani được chọn sau khi Đức Phaolò VI băng hà vào tháng 8 năm 1978, người ta đều đồng ý là ngôi sao Wojtyla đang lên.

CHƯƠNG 7 NGÔI GIÁO HOÀNG

Nữ tu Vincenza bước vào phòng ngủ của Đức Giáo hoàng sau 5 giờ sáng một chút. Bà có thói quen để ly cà phê ngay ngoài cửa phòng mỗi buổi sáng lúc 4 giờ 30. Vì bà thấy còn nguyên đáy nên bà biết có chuyện bất thường. Bà đi vào trong và kéo tấm màn treo ra.

Đức Gioan Phaolo I ngồi co trong dáng đọc sách, tay nắm chặt một số giấy tờ, khuôn mặt đanh cứng lại hơi có vẻ mỉm cười.

Hôm ấy là ngày 29 tháng 9 năm 1978. Tòa Thánh bỗng bị xáo trộn. Ngày 26 tháng 8 Hồng y Đoàn đã họp tại Vatican và chọn đăng kế vị Đức Phaolo VI. Ngài là Albino Luciani, 65 tuổi, là Tổng Giám mục của Venice. Ngài lấy danh hiệu Gioan Phaolo I từ danh hiệu của hai vị tiền nhiệm.

Vào lúc 7 giờ 42 sáng ngày 29 tháng 9 năm 1978, đài phát thanh Vatican loan báo cái chết của Đức Giáo hoàng

nhưng cũng loan đi một chi tiết không trung thực. Việc tuyên bố nữ tu Vincenza là người đầu tiên nhìn thấy Đức Giáo hoàng chết trong bộ quần áo ngủ là điều không thể được. Điện Vatican đã ra một lệnh khất khe: không được nói cho thế giới biết có một người đàn bà đã vào phòng ngủ của Đức Giáo hoàng trước tiên. Nguồn tin chính thức do đó loan báo cái chết của ngài là do viên bí thư đã khám phá ra.

Theo thói quen, vị bộ trưởng ngoại giao ra lệnh thu dọn tất cả những vật dụng cá nhân của vị Giáo hoàng, cả kiếng đeo, dép ngủ và những thuốc thang trên bàn ngủ cất đi.

Sau này một bí thư riêng của ngài chỉ nói rằng: “Ngài kiệt sức vì gánh quá nặng trên đôi vai già yếu và vì gánh nặng của sự cô độc mệnh mông ngài phải chịu.”

Một dấu chỉ về sự ra đi của Đức Gioan Phaolo I hình như nằm trong một lời tiên báo. Không lâu trước khi chết, ngài nói với một bí thư của ngài rằng:

“Một người hơn tôi sẽ được chọn. Đức Phaolo VI đã chỉ ra đáng kể vị ngài: vị ngồi trước mặt tôi ở Nhà Nguyên Sistine” (Vị đó là Hồng y Karol Wojtyla của Ba-lan). “Người ấy sẽ đến, bởi vì tôi sẽ đi.”

Ở thành phố Krakow, Ba-lan, tin Đức Gioan Phaolo I chết được đài truyền thanh loan báo. Tài xế của Đức Hồng y Wojtyla nghe tin nên vội vã chạy vào tòa Hồng y. Vừa bước vào nhà bếp, anh đã ngửi thấy mùi bánh mì, trứng và cà phê. Đức Hồng y đang ngồi ở phòng kế bên bàn thảo chương trình trong ngày với những thư ký của ngài. Ngài luôn luôn ăn sáng gần nhà bếp giữa mùi nấu nướng như để nhắc nhở ngài về thời niên thiếu.

Người tài xế nói với một trong những nữ tu đang làm bếp:

– Đức Giáo hoàng ở Roma chết rồi.

Bà nữ tu tỏ vẻ lạ lùng:

– Ngài chết hồi tháng trước rồi còn gì!

– Không, Đức Giáo hoàng mới cơ!

Rồi ông ta thò đầu vào phòng nơi Đức Hồng y đang ăn sáng với bí thư của ngài, nói:

– Thưa cha, cha đã nghe tin Đức Gioan Phaolò I chết chưa?”

Đức Hồng y vừa xúc miệng đường cho vào ly trà của ngài. Ngài bất động và mặt tái đi, tay phải ngài vẫn còn giơ lên. Chỉ có tiếng muống rơi trên bàn trong căn phòng im phăng phắc.

Cái xung động đầu tiên do nguồn tin Đức Giáo hoàng bằng hà đối với Đức Hồng y Wojtyla, theo người tài xế kể lại là ngài bị một cơn nhức đầu nặng hành hạ. Suốt cả ngày ngài ở trong trạng thái căng thẳng. Ngài biết mình sẽ không thể đến dự cuộc họp sắp tới tại Roma như một người ngoại cuộc được.

Cuộc bầu Đức Giáo hoàng Gioan Phaolò I một cách nhanh chóng hồi tháng 8 có vẻ như một phép lạ. Chỉ cần 4 vòng phiếu là các Hồng y đã chọn được con người lý tưởng. Bây giờ phải tìm một vị khác.

Đây là một công việc khó nhọc. Ai cũng biết các vị tín thác vào Chúa Thánh Thần, nhưng các vị biết cái tiến trình bầu cử một vị Giáo hoàng đòi hỏi sự kiên tâm, khôn ngoan và đôi khi có cả những phiền hà do nhân tính.

Một lần nữa các vị người Ý cố gắng đưa lên một vị, nhưng Đức Wojtyla đang trở thành một ứng viên nổi bật. Ngài biết mình có một vị Hồng y có ảnh hưởng vận động cho: Đức Franz Konig của Vienna. Ngài có vóc dáng cao lớn, có uy thế và kinh nghiệm 20 năm trong Hồng y Đoàn. Ngài và Đức Wojtyla biết rõ nhau. Trong những lần Đức Wojtyla đi Roma, hai vị đàm đạo nhiều về tình hình ở Đông Âu, đặc biệt về những nước mà Giáo Hội phần lớn phải sống chui.

Đức Hồng y Konig cất nghĩa cho nhiều vị khác niềm tâm tín của ngài rằng vị Giáo hoàng tương lai phải là một vị trẻ tuổi, có thể lực và không phải là người Ý. Sau khi Đức Phaolo VI băng hà, Đức Hồng y Konig tuyên bố rằng các Hồng y Đông Âu có quyền có một ứng viên. Khi được hỏi là ai, ngài đề nghị Đức Hồng y Karol Wojtyla. Rồi thỉnh thoảng ngài lặp lại lời của Đức Giáo hoàng Phaolo VI về Đức Hồng y của Krakow rằng: “Đây là một con người can đảm, tuyệt diệu.”

Nhưng khi đã lên tiếng, Đức Hồng y Konig không thấy có được sự đồng thuận. Càng nói chuyện ngài càng nhận ra rằng khó mà đánh đổ được cái nào trạng đã có từ phần nửa ngàn năm nay là Giáo hoàng thì phải là người Ý.

Đức Wojtyla vẫn đứng ngoài vòng ánh sáng được rọi tới, nhưng không sao. Người bạn làm việc không biết mệt mỏi và vị Giám mục đồng hương Deskur đã nhận vai trò vận động cử tri và cũng cố gắng mang lại những yếu tố khác về cho Đức Wojtyla.

Rồi chỉ còn ít ngày nữa là đến cuộc họp bầu cử thì Giám mục Deskur bị nhồi tim nặng mà sau đó ngài không thể

hồi phục hoàn toàn. Đức Wojtyla đến bệnh xá thăm nom ngài. Để bớt căng thẳng, ngài ghé vào một bãi biển. Nước lạnh mùa thu đối với con người cô độc đến từ miền bắc này vẫn là ấm. Thế là ngài có thể bơi đi bơi lại ở bãi biển ngay ngoài thành Roma.

Vào ngày áp vòng phiếu đầu, các Hồng y hội tại Nhà Nguyên Sistine. Các ngài yên lặng lắng nghe bản luật buộc các ngài phải giữ kín tuyệt đối, cấm mọi thông tin ra thế giới bên ngoài. Không được dùng máy phát thanh hai chiều, cũng không có máy ghi âm. An ninh của đền Vatican đã sử dụng máy dò tìm máy vi âm loại nhỏ để kiểm soát.

Sau cuộc họp, các Hồng y trở về phòng riêng, được chia thành khu vực. Vào căn phòng số 91, Đức Wojtyla chỉ nhìn thấy một cái giường bố cấm trại, một cái bàn kê đầu giường và một bàn giấy nhỏ.

Hôm sau, ngày Chúa nhật, 15 tháng 10, bắt đầu cuộc bỏ phiếu. Trong khi cuộc bầu phiếu tiến hành, người ta thấy rõ là các ứng viên người Ý cầm chân nhau. Cũng không có một ứng viên nào khác chiếm được đa số đồng thuận.

Sự khó khăn trong cuộc bầu cử này ở nơi thùng phiếu tương phản với cái bầu khí im lìm không thực đề trên toàn thể hội nghị. Quả thực, chỉ có tiếng động duy nhất là tiếng gấp lá phiếu loạt soạt và rồi được bỏ vào một chén lễ được dùng làm thùng phiếu. Giữa cái im lìm trầm ngâm đó, cuộc tranh đấu cho tương lai Giáo Hội đang diễn tiến quyết liệt.

Tới buổi tối Chúa nhật, người ta thấy rõ là những ứng

viên dẫn đầu đã mất điểm tựa. Đến vòng thứ tư, Đức Wojtyla nhận được một số phiếu, một dấu hiệu ảm áp. Đức Konig cảm thấy đã sẵn sàng ra sức tranh đấu.

Ngài nói chuyện với các Hồng y Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Mỹ với một cách thức giản dị như đó là chuyện đương nhiên vài lời trao đổi ngoài hành lang, dăm ba câu chuyện sau bữa ăn, ghé thăm nơi phòng riêng. Ngài rất thận trọng và thuyết phục. Sự căng thẳng cứ gợn sóng trong hội nghị mỗi khi một cử tri trang trọng cân nhắc dồn phiếu cho ứng viên không phải người Ý.

Ngày thứ hai 16 tháng 10 năm 1978, trong vòng phiếu thứ 6 vòng phiếu chót trước khi nghỉ ăn trưa số phiếu dồn cho Đức Hồng y của Krakow bỗng tăng vọt. Tối chiều, sau hai vòng phiếu nữa, Đức Wojtyla nghe tên mình được loan báo. Đại đa số Hồng y đã làm một việc mà người ta không thể tưởng tượng được: chọn một vị Giáo hoàng từ một nước mà chính quyền là cộng sản vô thần, một vị Giáo hoàng đầu tiên trong 456 năm không phải là người Ý, một vị Giáo hoàng trẻ, 58 tuổi, mà khi là học sinh đã nói không muốn làm linh mục.

Giữa sự thỉnh lặng, người ta nghe thấy tiếng của vị Hồng y trưởng cất lên:

– Cha có nhận không?

Sự căng thẳng biến mất nơi khuôn mặt Đức Wojtyla. Ngài mạnh mẽ trả lời:

– Thưa có, với sự vâng lời Chúa Kitô, Thiên Chúa của con trong đức tin, và với sự phó thác nơi Mẹ của Chúa Kitô và của Giáo Hội, cho dù biết bao khó khăn, con chấp nhận.

Để kính nhớ đặc biệt ba vị tiền nhiệm, ngài lấy danh hiệu là Gioan Phaolò II.

Chỉ có mạch máu đang giật trên trán Đức Wojtyla là dấu biểu lộ con sóng gió trong tâm hồn khi ngài sửa soạn bước ra khỏi nguyên đường. Ngài thần nhiên để mình được dẫn tới một căn phòng được gọi là camera lacrimatoria phòng “than khóc”. Ở đó vị tân Giáo hoàng chờ người thợ may tới thử cho ngài ba bộ áo chùng trắng ba cỡ đã được để sẵn đó. Sau khi Đức Giáo hoàng mặc bộ áo lớn nhất, các Hồng y lần lượt tới quì gối tỏ lòng kính phục. Sau đó vị tân Giáo hoàng tiến ra ngoài ban công đền thánh Phêrô để chào dân chúng Roma, và toàn thế giới.

Vào ngày 22 tháng 10 Đức Wojtyla xuất hiện ở Công trường Thánh Phêrô để cử hành Thánh Lễ nhậm chức Giáo hoàng. Ngài có sự bình thản của một diễn viên đóng trọn vai trò của mình.

Khi những nốt nhạc kết thúc vừa ngưng, Đức Giáo hoàng phá một lệ cũ là bắt đầu bước lại khối quần chúng vây quanh. Ngài bước những bước dài băng qua công trường trong khi các vị Hồng y kinh ngạc đứng nhìn. Ngài đến ôm nhóm người tàn tật ngồi trên xe lăn. Ngài bắt tay, hôn các em bé, đặt tay trên những bó hoa người ta dâng cho ngài. Rồi ngài nhìn chăm chú vào đám đông nồng nhiệt, và bằng cả hai tay nắm gậy Thánh giá như nắm một thanh gươm, khoa lên dấu ban phúc lành một cách đầy dũng lực.

Nhờ vệ tinh, tín hữu hoặc không tín hữu trên khắp thế giới đều có dịp theo dõi cuộc lễ long trọng. Ở Ba-lan, đúng là mọi người đang dán mắt vào máy truyền hình. Hình như cả nước đang nín thở bất động.

Vào mùng 5 tháng 11, Đức Wojtyla đi thăm thành phố Assisi, quê hương của Thánh Phanxico, thánh quan thầy của nước Ý. Quần chúng đón tiếp ngài bằng sự nồng nhiệt khó tả. Giữa tiếng reo hò vang dậy, ngài nghe có tiếng la: “Cha đừng quên Giáo Hội Thảm Lặng!”. Đó là Giáo Hội bị áp bức sau bức màn sắt.

Đức Giáo hoàng Gioan Phaolo II đáp liền ngay: “Giáo Hội ấy không còn thảm lặng nữa bởi vì đã có tiếng nói của cha.” Ngài sẵn sàng nhắc cho các chính quyền cộng sản rằng có những Kitô hữu đang không có tự do ngôn luận. Ngài sắp chứng tỏ điều ngài muốn nói. Ngài bắt đầu đốt ngọn lửa trong hàng giáo phẩm Giáo Hội Công giáo các nước Đông Âu. Ngài hứa hậu thuẫn cho các Giám mục các nước Tiệp-khắc, Hung-gia-lợi, Latvia và Lithuania, và thúc đẩy họ cứng rắn đương đầu với chính quyền cộng sản nơi các vị đang sống.

Trong khi ấy giới lãnh đạo ở Moscow đang đo lường sức ảnh hưởng của ông Giáo hoàng mới. Vào ngày 4 tháng 11 năm 1978, Hội Đồng Trung ương đảng Cộng Sản nhận một phúc trình đặc biệt tiên đoán rằng Wojtyla với vai trò Giáo hoàng “sẽ càng chứng tỏ không hòa hoãn với giới lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa.”

Một điều bản phúc trình không tiên đoán được là Giáo hoàng Gioan Phaolo II có thể ra tay nhanh tới mức nào.

CHƯƠNG 8

VỀ QUÊ HƯƠNG LẦN THỨ NHẤT

Cuộc thách thức xảy ra khi chiếc phản lực Alitalia bắt đầu đáp xuống phi trường Warsaw vào ngày 2 tháng 6 năm 1979. Còn trên máy bay, Đức Giáo hoàng không ngừng ôn lại những điểm chính trong những bài diễn văn của ngài. Ngài nói: “Tôi trở về. Tôi đi gặp Giáo Hội nơi sinh ra tôi.” Không một ai biết được cái hậu quả chuyến thăm viếng của ngài sẽ như thế nào.

Khi lãnh tụ Cộng sản Sô-viét Leonid Brezhnev nghe biết chính phủ Ba-lan dàn xếp thời hạn cuộc viếng thăm của Đức Giáo hoàng, ông ta giận dữ gọi điện cho đệ nhất Tổng Bí thư Kania ở Warsaw bảo không cho phép Giáo hoàng đến.

Ông kia trả lời:

– Làm sao tôi có thể không tiếp đón một Giáo hoàng Ba-lan, khi mà đại đa số dân chúng nước tôi là Công giáo? Xin lỗi đồng chí Leonid, tôi không thể từ chối ông ta được.

Breznev nói một cách đe dọa:

– Làm gì tùy ý. Nhưng cẩn thận kéo hối tiếc về sau.

Năm 1966 giới lãnh đạo đảng ở Warsaw đã từ chối không cho phép Đức Giáo hoàng Phaolô VI đến thăm Ba-lan. Giờ đây dòng lịch sử đang trả thù.

Người phi công sau khi vào không phận Ba-lan, đã bay vòng trên thành phố Krakow. Đức Giáo hoàng nhìn xuống quang cảnh quen thuộc ấy: ngọn đồi sừng sững với lâu đài Wawel và ngôi nhà thờ Chính Tòa; khúc sông Vistula uốn mình rộng ra nơi đã có lần ngài đi bộ với cha mình; khu ngoại ô kỹ nghệ của thành phố Nowa Huta nằm tràn lan, là nơi được mệnh danh là thành phố mới của “nhân dân”, chỗ người cộng sản hồi đó từ chối không cho ngài xây nhà thờ.

Từ trên không trung ngài còn có thể nhìn thấy xưởng hóa học Solvay cũ, với toà nhà bằng gạch màu đỏ đã đổ nát, nơi ngài đã phải lao công khổ sai trong thời gian Đức quốc xã chiếm đóng.

Máy bay hạ cánh xuống thủ đô Ba-lan lúc 10 giờ 7 phút sáng. Ngay lúc đó chuông nhà thờ cả nước Ba-lan thi nhau đổ. Từ bờ biển Baltic tới vùng núi Tatra, từ Silesia đến biên giới nước Cộng Hòa Liên bang Sô-viết, cả nước vang dội tiếng chuông chào mừng.

Tại phi trường, một ca đoàn học sinh Công giáo lên tiếng hát reo mừng với bài hát từ thời trung cổ, bài *Gaude, Mater Poloni* (Mẹ Ba-lan, Hãy vui lên), và khắp nước Ba-lan hình như cờ đỏ cộng sản đã biến mất. Chỉ còn lại biểu ngữ của nước Ba-lan và của Vatican.

Giữa ngàn vạn người chen chúc trên đường dẫn đến

phi trường để mong được nhìn thấy mặt Đức Giáo hoàng, có Zbigniew Bujak. Đây là chỗ cuối cùng ông ta nên tới. Ông ta bị để ý. Công an đang canh chừng ông ta sát sạt. Mới đây ông tham gia trong việc thành lập ngầm một liên đoàn lao động.

Khi Đức Giáo hoàng đi qua trong một xe jeep nhà binh màu trắng, tiếng reo hò của dân chúng tưởng điếc cả tai. Bujak xúc động vì nét tươi cười của Đức Wojtyla khi ngài ban phép lành cho đám dân chúng đang hoan hô ngài. Thịnh linh ông ta nhận ra rằng “đây cũng là một cuộc biểu tình chống cộng”, và ông ta cảm thấy nhẹ lòng.

Xe Đức Giáo hoàng bắt đầu tiến vào khu Castle Square, cổng vào khu thành phố cũ của Warsaw, băng qua đường lát đá tròn, có giăng những vòng hoa. Khi thấy bóng nhà thờ chính tòa hiện ra, mặt Đức Giáo hoàng mất vẻ bình thường, hai dòng nước mắt tuôn chảy xuống má. Ngài đưa mu bàn tay lên chùi. Để chuẩn bị cho Đức Karol Wojtyla dâng Thánh Lễ đầu tiên trên nước Ba-lan với chức vị Giáo hoàng, các Giám mục cho xây một bệ lớn giữa trung tâm Công Trường Chiến Thắng, nơi dành làm phần mộ cho các chiến sĩ vô danh của Ba-lan. Thông thường nhà nước chỉ dùng công trường này để duyệt binh. Bây giờ thì là ba cầu thang nối nhau dẫn lên bục bàn thờ, vút lên là một cây thánh giá gỗ cao hơn 10 mét. Cái công trường mệnh mông vốn là biểu hiệu của quyền lực Cộng sản, đã trở thành một thánh đài.

Lúc 4 giờ chiều Đức Giáo hoàng tiến vào công trường, 300 ngàn người đã đợi sẵn. Từng điều Đức Gioan Phaolò II nói trong bài giảng của ngài đều đánh dấu khởi đầu một

khúc quanh lớn cho Giáo Hội ở Ba-lan, ở các nước Đông Âu, ở Liên bang Sô-viét, ở thế giới vạ:

Tôi, Giáo hoàng Gioan Phaolô II, gốc dân Slav, người con của đất nước Ba-lan, cảm nhận sâu xa gốc rễ của mình nơi mảnh đất lịch sử này. Tôi đến đây để nói trước toàn thể Giáo Hội, toàn thể Âu châu và thế giới về những dân tộc và những quốc gia đã từng bị quên lãng này. Tôi đến để kêu gào, để giang tay ôm lấy những dân tộc này, cùng với đất nước của riêng tôi, ôm ghì sát vào trái tim của Giáo Hội.

Người ta nín thở. Từng lời ngài nói là từng ấy lời ghi khắc vào tâm khảm của mỗi người.

Tại Gniezno, giữa rừng biểu ngữ chào đón ngài, có một biểu ngữ ghi hàng chữ “Xin Đức Thánh Cha đừng quên những người con Tiệp-khắc”. Ngài đáp lại: “Làm sao cha có thể quên các con được. Cái biểu ngữ này xác nhận một tình huynh đệ mà lịch sử và nền văn hóa đã buộc hai dân tộc lại với nhau. Anh em không thể quên nhau.”

Giáo Hội Tiệp-khắc vốn là một Giáo Hội bị bách hại nhiều nhất ở Đông Âu. Chính quyền sợ những phản ứng bất lợi nên không cho hàng Giám mục Tiệp-khắc gặp gỡ Đức Giáo hoàng. Đức Hồng y Tomasek của Tiệp bị nhà nước làm trì trệ giấy phép mãi. Phần giáo dân thì bị hạn chế qua lại biên giới Ba-lan và Tiệp-khắc. Công an chỉ cho phép thường dân nào mang tiền Ba-lan được qua biên giới. Kết quả là khi Đức Wojtyla về thăm Ba-lan, các ngân hàng Tiệp không còn tiền zloty (của Ba-lan) để mà đổi nữa.

Nhưng quần chúng Tiệp-khắc ở đây đón tiếp ngài

còn cuồng nhiệt hơn quân chúng Ba-lan ở Warsaw nữa. Những nhóm thanh niên vừa chạy theo bên xe Giáo hoàng vừa hô: “Vạn tuế Đức Thánh Cha” và gọi tên riêng của ngài.

Đức Gioan Phaolò II được coi là một sự quan phòng đặc biệt của Thiên Chúa cho các dân tộc đã bị chia cắt thành những khối biệt lập sau hiệp ước Yalta. Bây giờ ngài đem đến một viễn ảnh hiệp nhất, một giao ước với các dân tộc Đông Âu về một cuộc xuất hành ra khỏi thế giới xám xịt họ đang sống. Vị thánh Moisen của thời đại đang làm họ ngây ngất.

Các anh chị em đồng hương yêu dấu, vị Giáo hoàng này, cùng huyết thống, cùng cốt nhục với anh chị em, sẽ cùng hát, cùng tán dương với anh chị em rằng: “Ước gì danh Thiên Chúa được ca tụng đến muôn đời.” Chúng ta sẽ không nhìn về quá khứ. Chúng ta sẽ bước vào tương lai.

Tổng Bí thư đảng Cộng sản Ba-lan Gierek nhận thấy những lời của Đức Giáo hoàng quá nguy hiểm, là một thứ làm lung lay chế độ. Cả bộ chính trị sợ rằng Giáo Hội đang trở thành nguy cơ ngầm phá chế độ. Trong khi đó thì Sô-viét, Tiệp-khắc, Đông Đức đang theo dõi từng bước, từng thái độ của Warsaw với sự nghi ngại ngò vục.

Stanislaw Kania, đứng đầu tôn giáo vụ, nghĩ rằng phải làm một cái gì chứ không thể ngồi không. Ông liệt kê ra nào là Đức Giáo hoàng không chịu nói rõ ràng việc Đức quốc xã xâm lăng Ba-lan, nào là ngài không chịu đếm xia gì đến 600 ngàn quân Sô-viét đã hi sinh trong việc giải phóng nước anh em Ba-lan, nào là ngài không hề nói một tí gì về thành quả của xã hội chủ nghĩa Ba-lan trong việc

phục hồi đất nước từ sau thế chiến đến giờ. Thật quá lắm! Ai chả biết rằng gây mối căng thẳng giữa Ba-lan và Sô-viét là bất lợi trong việc tân tiến hóa đất nước. Đức Giáo hoàng cần phải biết điều ấy chứ.

Nhưng Đức Giáo hoàng đã chẳng nói với tổng bí thư Gierek thế này sao: “Tôi vẫn hằng để tâm đến bất cứ những gì đe dọa đến đất nước Ba-lan, tất cả những gì phương hại đến đất nước, những gì bất lợi, đình trệ, khủng hoảng... Con người đang nói chuyện với ông không phải là con người của cùng đất mẹ như các ông sao?”

Nhà nước tìm mọi cách giới hạn những nơi Đức Giáo hoàng muốn đi thăm. Nhưng Giáo Hội Ba-lan cũng không thua gì trong việc tổ chức những đoàn người từ khắp miền đất nước đến với ngài. Chẳng hạn trường hợp ở Silesia, nơi xuất thân sự nghiệp chính trị của Gierek, nhà nước không cho ngài tới thăm trung tâm kỹ nghệ hầm mỏ Katowice. Thế là các Giám mục tìm phương tiện chuyên chở cho mấy trăm ngàn thợ mỏ và công nhân nhà máy một đạo quân hùng hậu của giới công nhân tới gặp ngài. Nhiều người tới khi vừa tan ca làm đêm của họ. Họ đến giữa một biển dạt dào biểu ngữ mang dòng chữ “Với Chúa Kitô chúng con coi thường mọi sự.”

Đức Giáo hoàng nói cho biết người ấy về sự công bằng và về “quyền lợi và bổn phận của mỗi phần tử trong đất nước để không ai nhượng quyền mình cho người khác còn mình thì bị khinh miệt.” Có những tiếng nổi lên: “Xin Chúa phù hộ cha!” Ngài quay lại nói với họ: “Xin Chúa ban thương cho các con, những người dân Silesia.”

Nguyệt san *Glos* phát hành trong vòng bí mật viết:

“Hàng triệu công nhân qui tụ gặp gỡ Đức Thánh Cha là một minh chứng rằng luận thuyết vô thần tự nhiên nơi giới công nhân và tiến trình xa dần Kitô giáo là một sai lầm hiển nhiên... Chính quyền lo sợ Đức Giáo hoàng vì người đã từng là công nhân, là người cảm nhận được nỗi thống khổ của họ. Ngài đang trở thành tiếng nói của giai cấp công nhân Ba-lan.”

Thật lạ lùng, chính quyền vốn gọi là của giới công nhân vô sản thì bây giờ lại run sợ trước giới công nhân vô sản.

Trong khi Đức Giáo hoàng ở Czetochowa thì tại những miền khác của Ba-lan, đặc biệt ở những miền quê, người ta tìm đủ mọi cách bày tỏ lòng trung thành với ngài và Giáo Hội bằng những biểu lộ nhìn thấy được. Từ bao nhiêu dặm cách xa nơi Đức Giáo hoàng không thể đặt chân tới, các nhà thờ, các cổng làng, quán xá, bảng hiệu đều được gắn hoa. Các làng quê, cả làng treo cờ Vatican loại nhỏ, cửa nhà thì treo ảnh Đức Mẹ Đen, hình Đức Wojtyla, hay một chữ M lớn, chữ tắt của tên Maria, bằng hoa huệ, có một triều thiên đội bên trên.

Đây là sự biểu đồng tình, một cuộc bỏ phiếu của người Công giáo Ba-lan, trong hình thức của một ngày mừng lễ, và không có bóng dáng ý thức hệ cộng sản chen vào, đã khiến giới lãnh đạo nhà nước phải chưng hửng bàng hoàng.

CHƯƠNG 9

TRẠI TẬP TRUNG AUSCHWITZ

Đức Thánh Cha quì xuống nền xi măng, cái nền căn phòng đã dùng để giết người. Ngài đặt lên đó một bó hoa cẩm chướng màu trắng và đỏ. Ngài cúi xuống hôn trên lớp xi măng nhám, chỗ cha Maximilian Kolbe đã chịu cực hình cho đến chết.

Nụ hôn của ngài bao gồm tất cả: cái chết của vị thánh tử đạo, ơn gọi của một linh mục Công giáo; niềm tin nơi tình yêu người, niềm tin ấy mạnh hơn sự tàn bạo của con người; sự ghê rợn của cái tổ chức hủy diệt con người; tiếng vọng ai oán từ trại Auschwitz đi vào tâm trí của các bạn bè và người dân của thị trấn Krakow trong những năm chiến tranh. Cha Maximilian là tù nhân mang số 16670. Vào ngày 30.7.1941 đã tình nguyện chết thay cho tù nhân tên Franciszek Gajowniczek, là một người bố trong một gia đình nghèo. Ông này bật khóc khi bị gọi tên trong số 10 tù nhân phải chết vì một bạn tù trốn thoát. Cha Kolbe xin

thế chỗ ông ta. Đức Phaolô VI tôn ngài lên Chân Phước và được Đức Wojtyła tôn lên hàng Thánh Tử đạo để tôn vinh lòng nhân lành, tình yêu và đức tin.

Trong căn phòng giam này, cha Kolbe và 9 bạn tù khác bị bỏ đói đến chết. Sau 16 ngày, cha và vài bạn tù khác còn ngắc ngoải nên bị chích một mũi độc được cho chết luôn.

Đức Giáo hoàng đi dọc theo căn nhà gạch, nơi tù nhân bị giam giữ như cá đóng hộp. Ngài tới Bức Tường Hành quyết, một bức tường xi măng đầy những vết tích đánh đập và những lỗ đạn. Một lần nữa ngài quì xuống. Hiển nhiên đây là nơi sản phẩm trí tuệ phi nhân cần có những lời cầu nguyện liên tục để gột rửa và thánh hóa.

Chiếc trục thẳng lại chở Đức Giáo hoàng đến Birkenau, nơi đất thánh của cả tín hữu và lương dân. Đây là chỗ người Do thái chịu cực hình và bị tiêu diệt, là cái hệ quả của hàng bao thế kỷ thù ghét người Do thái mà trong đó Giáo Hội có phần trách nhiệm.

Khi Đức quốc xã tấn chiếm Ba-lan, dân chúng chịu một sự hành hạ ghê gớm nhất, không phải chỉ để xóa biên giới một quốc gia mà còn có chủ đích xóa tên một dân tộc.

Có 200 linh mục là cựu tù nhân của trại sẽ đồng tế với Đức Giáo hoàng. Các ngài choàng dây áo lễ màu đỏ máu, thêu cành lá olive màu trắng, bện vào nhau như dây kẽm gai. Ở trại này đã có tới hàng triệu có thể tới bốn triệu người đàn ông, đàn bà, và trẻ em bị giết. Đây là lần đầu tiên một vị Giáo hoàng lên tiếng cho những nạn nhân trong các trại tập trung và lò hơi ngạt Holocaust, và tất cả các nạn nhân của Đức quốc xã.

Ánh nắng ban chiều chiếu dịu dàng. Cánh đồng quanh

các trại tù thân phủ cỏ xanh lấm tấm hoa. Bàn thờ trên lễ đài làm bằng gỗ còn tươi, đứng dưới chân một thánh giá gỗ. Trên đỉnh thánh giá là một triều thiên bằng kẽm gai. Hai cánh thánh giá choàng miếng vải xám sọc trắng của tù nhân, trên đó ghi số tù 16670 của cha Kolbe. Dưới lễ đài là những tù nhân mặc đồng phục sọc đứng thành hàng. Cũng có một nhóm phụ nữ tóc trắng già lão đại diện cho những cựu tù nhân trại Ravensbruck.

Bằng giọng trầm, Đức Giáo hoàng đọc kinh sám hối đầu lễ: “*Mea culpa, mea culpa, mea maxima culpa*” (Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng). Đám đông lặp lại trong tiếng trầm trầm như tiếng sóng rì rầm lan dần.

Trong bài giảng ngài nói:

– Cha đến đây như một người hành hương. Cha đã nhiều lần đến Bức Tường Hành Quyết, đã đi qua những lò thiêu người ở Birkenaw. Với tư cách là Giáo hoàng, cha phải đến đây. Cha là người kế vị Thánh Phêrô. Chúa Kitô muốn cha làm chứng cho thế giới về những gì cao cả và đê hèn của con người trong thời đại của chúng ta. Làm chứng cho sự thất bại và sự vinh thắng của con người. Cha đã đến đây, quì gối trên Đồi Golgotha tử nạn của thời đại, trên những nắm cỏ mà hầu hết là vô danh này.

Trong Thông điệp *Redemptor Hominis* (Đấng Cứu Chuộc Nhân thế), cha đã đặc biệt nói về ý nghĩa của nhân tính và phẩm giá của con người, và cuối cùng là quyền không thể sang nhượng mà thường lại bị chà đạp và hủy hoại bởi chính những con người ở quanh mình.

Đức Giáo hoàng lên giọng:

– Mặc cho con người một bộ đồng phục khác, trang bị

cho con người khả năng bạo lực như thế đã đủ chưa? Nhồi vào đầu con người cái ý thức hệ nhân quyền từng phục một guồng máy để rồi coi con người hoàn toàn phi nhân quyền đã đủ chưa?

Có tiếng nức nở, tiếng hoan hô nổi lên. Các thông dịch viên không còn tiếp tục làm việc được nữa.

Cha muốn đặc biệt nói cho các con về những bia đá khắc chữ Do thái. Hàng chữ ấy đánh thức ký ức của những người mà các con trai con gái của họ đã bị tru diệt. Những người này là dòng dõi của tổ phụ Abraham, người cha của lòng tin. Chính những người này đã tiếp nhận mệnh lệnh Chó giết người từ Thiên Chúa, mà chính họ lại phải kinh qua cái chiều kích giết người quá sức tàn bạo. Không ai được phép dùng bước qua những tấm bia ấy.

Tiếng vỗ tay nổi lên như sóng dồn. Có người đau đớn khi nghĩ về một chiều dài lịch sử của Ba-lan bài Do thái.

– Và cha cũng ngừng lại trước tấm bia mang dòng chữ Nga. Cha không cần nói nhiều. Cha biết tấm bia ấy nói về đất nước nào. Chúng ta ý thức được rằng, giai đoạn cuối của cuộc chiến tàn khốc, đất nước này đã đóng một vai trò giải phóng các quốc gia khác. Không ai đi qua bia đá ấy mà không ngậm ngùi.

Đó chính là những điều mà chính quyền Warsaw trông đợi, một dấu hòa hoãn với Moscow. Nhưng Đức Giáo hoàng cân nhắc lắm. Ngài không dùng chữ “Sô-viét” mà dùng chữ “Nga” để chỉ công trạng và sự hi sinh của một đất nước chứ không phải của một chính quyền.

Đến lượt Đức Giáo hoàng nói đến tấm bia Ba-lan tưởng niệm 6 triệu người đã chết (nửa số đó là Do

thái), con số của một phần năm dân số đã bị chết trong cuộc chiến.

– Đây là một bước mới trong tiến trình tranh đấu dài hàng bao thế kỷ của đất nước này, của quê hương tôi, để giành lấy quyền căn bản giữa những đất nước khác của Âu châu, một tiếng gào thét đòi quyền có chỗ đứng trên bản đồ.

Thế là biến người cất tiếng hát bài “Xin Chúa chúc lành cho quê hương tự do của chúng con”, một bài hát cổ. Quá khứ và hiện tại nối vòng tay.

Trong ngày áp chót chuyến thăm viếng, Đức Giáo hoàng gặp giới công nhân gán tu viện Mogila, tỉnh Nova Huta, nơi mà cộng sản Ba-lan cho là bất khả xâm phạm của chế độ. Ngài sẽ đến để tấn công thẳng vào cái ý thức hệ cộng sản. Ngài lên tiếng:

– Kitô giáo và Giáo Hội không sợ thế giới của giai cấp công nhân, không sợ bất cứ một hệ thống lao động nào. Đức Giáo hoàng không sợ người thợ.

Ngài nhắc lại kinh nghiệm khi làm thợ trong hầm đá của xưởng Solvay. Ngài tán dương Phúc Âm là kim chỉ nam cho vấn đề lao động của thế giới hiện tại.

Giữa khối quần chúng ngây ngất lắng nghe, giữa ngàn vạn cờ bay và biểu ngữ, và được tháp tùng bởi 8 vị Hồng y từ Roma, Cologne, Vienna, Prague, Berlin, Barcelona, Edinberg, và Krakow, có cả Tổng Bí thư Thánh Bộ Casaroli, Đức Giáo hoàng tuyên bố một cách thách thức rằng:

– Con người không thể bị coi thường như một phương tiện sản xuất. Chúa Kitô không bao giờ chấp nhận điều

ấy. Cả chủ lẫn thợ, cả khối lao động lẫn khối sản xuất phải ghi nhớ. Chính quyền, đất nước, và Giáo Hội, tất cả phải ghi nhớ điều ấy.

Biển người hoan hô cuồng nhiệt. Đối với giới công nhân, những điều ngài nói chẳng khác gì như đổ dầu vào lửa. Họ đã nổi giận vì giá sinh hoạt vừa tăng mới đây, mà lương lậu thì vẫn ở mức chết đói. Người ta vẫn nhớ nhà nước đã dùng bạo lực đàn áp những đòi hỏi của công nhân năm 1976 ở Ursus và Rando. Bây giờ chính quyền nhà nước tiu nghỉu như mèo cắt tai. Họ đã gọi Đức Giáo hoàng những yêu cầu mà chưa thấy có dấu hiệu đáp ứng.

Nhưng theo dõi những bài diễn văn của Đức Giáo hoàng hằng ngày, tướng Jaruzelski nhận thấy sức mạnh trong những lời ngài nói và sự khôn khéo trong đường đi nước bước của ngài. Ông nhận thấy Đức Gioan Phaolo II không nhắm vào những chính biến thời sự. Ngài củng cố niềm hy vọng và lòng can đảm cho những tranh đấu về lâu về dài.

Wiktór Kalerski, một đoàn viên công đoàn Solidarity nhận xét: “Đức Giáo hoàng ở đây nhưng cộng sản chẳng làm gì được ngài. Ngài đến mang sức mạnh cho chúng tôi. Ngài có thể nói và làm những điều chúng tôi không thể nói hay làm. Cộng sản phải chịu ngài. Dân chúng chỉ lặp lại những lời ngài nói, bởi dân chúng biết ngài là chỗ dựa của họ.”

Bwonislaw Geremek, một cố vấn của công đoàn Solidarity nhận xét: “Con người tự do có thể đứng vào hàng ngũ được. Đâu cần phải có đảng hay nhà nước mới có trật tự xã hội.”

Trong cuộc thăm viếng của Đức Giáo hoàng, bộ Chính trị Ba-lan bị lôi cuốn như đám củi vụn trôi giữa dòng. Vai trò lãnh đạo của đảng chẳng ra cái gì. Tổng bí thư đảng Kazimierz Barcikowski bảo nhiệm vụ chính của ông chỉ còn là giúp xem có giữ được trật tự không, và lo việc che chở, phân phối lương thực, cứu thương và nhà cầu. Có thế thôi.

Ngày 10.6 tại cánh đồng Blonie cạnh thành phố Krakow, một hiện tượng cách mạng chưa từng xảy ra trong một nước xã hội chủ nghĩa: từ một đến hai triệu tín hữu qui tụ lại để nghe thông điệp của Đức Giáo hoàng trước khi ngài lên đường.

Có nhiều Hồng y và Giám mục hơn khi ở Nowa Huta. Các ngài phải sững sờ vì khối dân khổng lồ đến với Đức Giáo hoàng. Các ngài cảm thấy bị đánh động khi thấy Giáo Hội đầu phải đang đi xuống, Tòa Thánh Roma vẫn còn nhiều việc phải nói cho thế giới biết. Đây không phải là một dấu mạt khải hay sao?

Hôm nay là ngày được chọn làm lễ kính Thánh Stanislaw trong cuộc viếng thăm của Đức Giáo hoàng. Ngày lễ này bỗng trở thành ngày mừng một sức mạnh mới của Đức Gioan Phaolò II khi ngài nâng cây Thánh giá lên như nâng một thanh guom và tuyên bố rằng ngày kỷ niệm 900 năm ngày tử đạo của Thánh Stanislaw phải là điểm quẹo của đất nước Ba-lan và của Giáo Hội.

Đoàn người hiểu ngài muốn nói gì. Họ đang cần nghe những lời ấy. Khi già từ, ngài ban phép lành cho dân ngài. Ngày tin thác nơi họ một sứ mệnh mới:

Các con phải vững mạnh, anh chị em yêu dấu! Các con phải vững mạnh trong sức mạnh của đức tin. Phải vững

mạnh với đức tin.

Một lần nữa ngài nhấn nhủ về những người ngài chẳng nói ra mà ai cũng hiểu là những người đang sống sau bức màn sắt:

Các con không có gì phải lo sợ cả. Biên giới phải được mở cửa. Không có chủ nghĩa đế quốc trong Giáo Hội, chỉ có sự phục vụ mà thôi.

Nhìn vào những giáo dân Tiệp, ngài nói:

Ôi, cha muốn biết bao các anh chị em, những người đã được kết hợp trong cùng một ngôn ngữ và vận mệnh lịch sử, cùng có mặt trong cuộc hành hương với Đức Giáo hoàng gốc Slav này ngày hôm nay. Nhưng dù không có mặt trong khối người đông đảo này, chắc chắn họ vẫn có mặt trong trái tim chúng ta.

Khi Đức Giáo hoàng bước lên bàn thờ, hai trái bóng lớn được thả bay lên mang hai mẫu tự: chữ P đứng trên chữ W. Đó là biểu hiệu của quân Kháng Chiến Ba-lan thời Thế Chiến II. Nó có nghĩa là “Nước Ba-lan tiếp tục chiến đấu.”

Đức Giáo hoàng Gioan Phaolo II và các nước Slav đối nghịch với đế quốc Sô-viét. Chiến tuyến đã vạch.

CHƯƠNG 10

NHỮNG CUỘC ĐÌNH CÔNG

Từ khi cộng sản lên nắm quyền ở Ba-lan, cứ mỗi khi xảy ra một cuộc đình công lớn là liền bị đàn áp thẳng tay bằng vũ lực. Những năm 1956, 1970, 1976 đã xảy ra như thế. Sau những đàn áp tàn bạo, nhà nước lại hứa hẹn đổi mới kinh tế và xã hội. Nhưng tất cả chỉ là hứa cuội. Dân chúng vẫn sống trong sự bị bóc lột sức lao động. Họ chỉ còn biết căm thù.

Vào đầu thập niên 80, Ba-lan mang nợ ngoại quốc quá nhiều. Dân chúng túng thiếu, trong nhà không đủ than sưởi mùa đông, cơm bánh ăn không đủ no. Đã vậy nhà nước còn bày trò giữ lương công nhân lại. Thế cho nên chẳng có gì lạ khi công nhân đường sắt ở Lublin bắt đầu đình công vào tháng 7 thì phong trào đình công bắt đầu lan rộng.

Sô-viét lo ngại. Tổng bí thư Leonid Brezhnev cho gọi Tổng bí thư Gierek của Ba-lan sang để thảo luận. Sô-viét

có nửa triệu quân ở Đông Đức, cản con đường sắt xuyên Ba-lan để tiếp vận. Gierek và Jaruzelski hứa với Brezhnev sẽ giải quyết vụ đình công. Nhưng hai người này sẽ không dùng giải pháp quân sự.

Ngày 14.8.1980, trong khi Đức Giáo hoàng làm việc trong văn phòng của ngài thì một người thợ điện thất nghiệp với bộ vai vuông và bộ ria rậm đang leo lên một máy đào ở xưởng đóng tàu Lenin. Lúc đầu những công nhân ở đây, giới quan trọng nhất ở Ba-lan, không mấy háng hái tham gia việc đối đầu với nhà nước.

Ở đây đã xảy ra cuộc đình công năm 1970, bị công an đàn áp bắn chết 45 công nhân. Lech Walesa là một nhân vật được biết đến trong cuộc nổi dậy năm đó. Sau cuộc đàn áp đẫm máu ở Random và Ursus năm 1976, ông nhất định thành lập một công đoàn độc lập. Đây cũng là thời gian ông ra tù vào khám. Bây giờ giới công nhân lắng nghe ông.

Cuộc đình công đã lan ra tới 150 công xưởng. Chính quyền hứa sẽ thay đổi và tăng lương. Guồng máy nhà nước cứ xuống dốc, đến cả những cơ phận máy móc thông thường cũng thiếu hụt.

Ngày 15.8.1980 Đức Giáo hoàng phái cha Stanislaw Dziwisz, bí thư của ngài đến Ba-lan để thu xếp một tuần “tạm nghỉ” một cách thận trọng.

Những cuộc đình công mùa hè năm 1980 làm lung lay chế độ Ba-lan đến nỗi Brezhnev phải nhận định là những cuộc nổi loạn, một thứ “chống phá cách mạng”. Phong trào đình công này kết hợp ba lực lượng lớn là giới công nhân, có tên tắt là KOR, lực lượng trí thức Công giáo, có

tên tắt là KIK, và Giáo Hội Công giáo trong một cách thể hiệp nhất chưa từng có.

Hai lực lượng KOR và KIK có được những nhà lãnh đạo có biệt tài. Họ in báo riêng, đi diễn thuyết, tổ chức những cuộc biểu tình, tạo nên một phong trào lớn. Họ luôn luôn liên lạc chặt chẽ và hoạt động nhịp nhàng theo chiều hướng của Giáo Hội.

Vào tháng 8.1980, các cuộc đình công toàn quốc đã sang đến tuần thứ 6. Một lãnh đạo lực lượng công nhân KOR, Jacek Kuron, vốn là một đảng viên từ bỏ đảng Cộng sản, tuyên bố: “Cuộc chiến đấu sẽ còn tiếp tục cho tới khi nào các công đoàn tự do được thành lập, và các tổ chức xã hội thật sự có ích cho dân chúng. Nhất định không nhượng bộ”. Tới giờ này nhà nước chưa có một thỏa hiệp nào để chấm dứt cơn khủng hoảng này.

Ngày 16.8 khi nhà nước hứa tăng lương 1.500 zloty và bảo đảm cho xây tại bến tàu một đài tưởng niệm những nạn nhân cuộc đình công tháng 12.1970, thì công nhân có chiều hướng nhượng bộ.

Nhưng Walesa thì không. Ông đưa ra một danh sách yêu cầu 16 điểm, quan trọng nhất là đòi chính phủ phải hợp thức hóa các công đoàn tự do. Ngày hôm sau có một số công nhân lớn tuổi trở lại làm việc. Walesa cỡi chiếc xe máy chạy quanh xưởng thuyết phục họ. Mọi người trở lại đình công vào ngày hôm sau. Lần này Walesa đưa ra một danh sách mới 21 điểm, có thêm điểm đòi giảm bớt kiểm duyệt báo chí và đòi tha tù nhân chính trị. Rõ là có bàn tay cố vấn của lực lượng KIK nhúng vào.

Những cuộc thương lượng sau đó đều được phát thanh

trên loa khắp công xưởng. Thế là tin tức được loan đi khắp miền duyên hải Baltic một cách nhanh chóng. Nội ngày đó đã có thêm 180 hãng xưởng đình công ở các tỉnh Gdynia, Gdansk, và Sopot gần duyên hải Tarnow (gần Krakow) và Katowice miền Silesia. Con bão đình công bắt đầu thổi mạnh.

Tại trại làm việc mùa hè Castel Gandolfo ở Roma, Đức Giáo hoàng Gioan Phaolo II nhận những phúc trình mật do linh mục bí thư Dziwiz và bộ ngoại giao Tòa Thánh về những diễn biến ở Ba-lan. Ngài cũng bắt đầu theo dõi những sự kiện trên vô tuyến truyền hình, một biệt lệ chưa hề có. Trên đó ngài có thể nhìn thấy mặt Walesa và các công nhân mà ngài bảo là “rất trẻ, rất nhiệt tâm do Chúa Quan phòng gọi đến.” Ngài nhìn thấy những bức ảnh của ngài, ảnh Đức Mẹ Đen, họa phẩm nổi tiếng của Czestochowa, được treo trước các cổng của công xưởng. Các chính khách tây phương kinh ngạc khi thấy cảnh thợ thuyền đình công mà lại quì gối chung quanh những tòa giải tội ngoài trời, và những biểu tượng tôn giáo lại được dùng làm tiêu chuẩn tranh đấu.

Đoàn người đình công bày tỏ thái độ bằng cách hát những bài đồng ca ái quốc, treo cờ quốc gia Ba-lan. Người ta bảo sự chống đối của giai cấp công nhân cũng xảy ra y như chủ nghĩa Marxist tiên liệu và kêu gọi, chỉ khác là ở đây chẳng có ai theo Marxist cả. Một tranh hí ọa trên một tờ báo Ý đã vẽ như sau: Giáo hoàng Karol Wojtyla trong bộ quần áo thợ, bỏ đồ nghề nhất quyết không chịu làm việc.

Ngày 16.8 khi nhà nước hứa tăng lương 1.500 zloty và

bảo đảm cho xây tại bến tàu một đài tưởng niệm những nạn nhân cuộc đình công tháng 12.1970, thì công nhân có chiều hướng nhượng bộ.

Nhưng Walesa thì không. Ông đưa ra một danh sách yêu cầu 16 điểm, quan trọng nhất là đòi chính phủ phải hợp thức hóa các công đoàn tự do. Ngày hôm sau có một số công nhân lớn tuổi trở lại làm việc. Walesa cỡi chiếc xe máy chạy quanh xưởng thuyết phục họ. Mọi người trở lại đình công vào ngày hôm sau. Lần này Walesa đưa ra một danh sách mới 21 điểm, có thêm điểm đòi giảm bớt kiểm duyệt báo chí và đòi tha tù nhân chính trị. Rõ là có bàn tay cố vấn của lực lượng KIK nhúng vào.

Những cuộc thương lượng sau đó đều được phát thanh trên loa khắp công xưởng. Thế là tin tức được loan đi khắp miền duyên hải Baltic một cách nhanh chóng. Nội ngày đó đã có thêm 180 hãng xưởng đình công ở các tỉnh Gdynia, Gdansk, và Sopot gần duyên hải Tarnow (gần Krakow) và Katowice miền Silesia. Con bão đình công bắt đầu thổi mạnh.

Tại trại làm việc mùa hè Castel Gandolfo ở Roma, Đức Giáo hoàng Gioan Phaolò II nhận những phúc trình mật do linh mục bí thư Dziwiz và bộ ngoại giao Toà Thánh về những diễn biến ở Ba-lan. Ngài cũng bắt đầu theo dõi những sự kiện trên vô tuyến truyền hình, một biệt lệ chưa hề có. Trên đó ngài có thể nhìn thấy mặt Walesa và các công nhân mà ngài bảo là “rất trẻ, rất nhiệt tâm do Chúa Quan phòng gợi đến.” Ngài nhìn thấy những bức ảnh của ngài, ảnh Đức Mẹ Đen, họa phẩm nổi tiếng của Czestochowa, được treo trước các cổng của công xưởng.

Các chính khách tây phương kinh ngạc khi thấy cảnh thợ thuyền đình công mà lại quì gối chung quanh những tòa giải tội ngoài trời, và những biểu tượng tôn giáo lại được dùng làm tiêu chuẩn tranh đấu.

Đoàn người đình công bày tỏ thái độ bằng cách hát những bài đồng ca ái quốc, treo cờ quốc gia Ba-lan. Người ta bảo sự chống đối của giai cấp công nhân cũng xảy ra y như chủ nghĩa Marxist tiên liệu và kêu gọi, chỉ khác là ở đây chẳng có ai theo Marxist cả. Một tranh hí họa trên một tờ báo Ý đã vẽ như sau: Giáo hoàng Karol Wojtyla trong bộ quần áo thợ, bỏ đồ nghề nhất quyết không chịu làm việc.

CHƯƠNG 11

MỘT HIỆP ƯỚC HI HỮU

Đức Giám mục Kazimierz Majdanski của thành phố Szczecin, một trong những thành phố có phong trào đình công mạnh nhất nhận xét rằng: “Những hạt giống Đức Thánh Cha gieo vãi đang nở hoa.”

Ngày 18.8 Tổng bí thư Gierek xuất hiện trên vô tuyến truyền hình hứa sẽ cải tổ, nhưng cũng đe dọa:

– Đất nước này dứt khoát theo đường lối xã hội chủ nghĩa... Tất cả mọi phe nhóm chống đối, phản động đang tìm cách phá hoại. Nhà nước sẽ không chấp nhận bất cứ một đòi hỏi hay hoạt động nào có mục đích phá hoại trật tự của nước Ba-lan.

Quân đội và công an được đổ về miền duyên hải Baltic, nhưng cảng Gdynia và Gdansk vẫn tê liệt trong mọi hoạt động. Con số công nhân đình công vọt lên 300 ngàn. Các cuộc đình công lan tới Lodz, Wroclaw, cả đến Nowa Huta (thành phố xã hội chủ nghĩa kiểu mẫu).

Đức Gioan Phaolo II suốt một tuần lễ không lên tiếng. Đảng Cộng sản Ba-lan và chính quyền Sò-viét đang chuẩn bị. Đòi có công đoàn độc lập có nghĩa là đảng mất quyền độc tôn với giai cấp công nhân. Đòi bãi bỏ kiểm duyệt để được tự do thông tin là từ chối phương tiện quyền lực nhất của đảng (sau quân đội và công an) rồi còn gì!

Đảng cộng sản nhận thấy rằng giới công nhân Ba-lan không chỉ đơn thuần đòi chính sách “nhân đạo” hơn như đã từng đòi, mà giờ đây họ đòi một sự dân chủ tự phát không bị đảng Cộng sản ràng buộc. Họ muốn một phong trào lao động độc lập kiểm soát chính quyền.

Chính vì vậy mà chính quyền Warsaw tiếp tục từ chối đi đến xưởng tàu Lenin để đối thoại trực tiếp với Hội Đồng Đình Công Liên Xưởng. (Giờ phút này đã có đại diện của 281 công xưởng do nhà nước làm chủ).

Ngày thứ tư 20.8 khi phong trào đình công dọa sẽ làm tê liệt guồng máy chính trị, ở Công trường Thánh Phêrô tại Roma, trước một phái đoàn Ba-lan hành hương, Đức Giáo hoàng làm hai lời nguyện ngắn. Ngài tóm kết:

– Hai lời nguyện này chứng tỏ rằng tất cả chúng ta ở đây tại Roma hiệp nhất với các bạn yêu nước ở Ba-lan, đặc biệt với Giáo Hội, mà những khó khăn của họ rất gần gũi với trái tim chúng ta.

Như thế là Đức Gioan Phaolo II công khai chúc lành cho cuộc đình công. Một khúc quẹo mới đã khởi đầu. Đức Giám mục Lech Kaczmarek của Gdansk gắn huy chương Gioan Phaolo II cho ông Walesa. Trong khi đó Walesa cho chính quyền cộng sản Moscow và Warsaw biết: “Những tranh đấu của chúng tôi chỉ có mục đích thành lập công

đoàn lao động, không có mục đích chính trị. Chúng tôi không có ý đặt vấn đề nào với các đồng minh của nước Ba-lan cả.”

Trong lúc cả thế giới theo dõi những diễn biến ngoạn mục ở Ba-lan, Tổng thống Carter của Mỹ viết thư riêng cho Đức Giáo hoàng nói rằng Mỹ cùng chia sẻ những nguyện vọng của giới công nhân Ba-lan và sẽ dùng đường lối ngoại giao để ngăn cản mọi can thiệp của Sô-viét.

Tới ngày 23.8 đảng Cộng sản Ba-lan xảy ra một cuộc tranh luận giữa hai phe. Phe giáo điều thân Moscow đòi áp đặt thiết quân luật toàn quốc. Phe cải tổ của Gierek được Kania và Jaruzelski ủng hộ, muốn dùng biện pháp hòa giải chứ không muốn dùng quân sự.

Cùng ngày đó, Đức Giáo hoàng gọi cho Đức Chuông ấn một lá thư rất ý nhị: “Tôi hết lòng cầu nguyện để hàng Giám mục Ba-lan một lần nữa hỗ trợ dân chúng trong cuộc tranh đấu cam go giành lấy miếng ăn, sự công bằng xã hội, và sự được bảo vệ quyền sống và sự phát triển lẽ ra là bất khả xâm phạm.”

Cơm bánh, công bằng xã hội, sự phát triển độc lập. Bằng những chữ ấy, Đức Giáo hoàng đã bày tỏ sự hết lòng ủng hộ những mục tiêu của cuộc đình công. Nhà văn Stefan Kisielewski nhận xét: “Bằng một cử chỉ rất đơn giản, Đức Giáo hoàng đã bắt đầu một cuộc tranh đấu dân chủ trong lịch sử Ba-lan.”

Đến buổi chiều, chính quyền làm một nhượng bộ lịch sử, đồng ý nói chuyện trực tiếp với các hội đồng đình công ở Gdansk, Gdynia và Szczecin.

Bắt đầu cuộc thương lượng, bên cạnh Walesa có một nhóm cố vấn. Mỗi tuần lễ trôi qua là một tuần lễ thử lửa.

Nhóm cố vấn gồm những học giả, những giáo sư, các hội viên hội Hàn lâm Khoa học Ba-lan. Có những nhà lãnh đạo trong nhóm rất thân cận với Đức Wojtyla như Tadeusz Mazowiecki, chủ bút tờ báo Công giáo *Wież*, và sử gia Bronislaw Geremek. Bây giờ phong trào đã lấy tên là Solidarity, dùng ảnh Đức Mẹ Đen làm huy hiệu.

Vào những lúc biến động căng thẳng nhất (24, 25.8) Tổng bí thư Gierek thành công trong việc loại trừ những thành phần cực đoan Stlinist ra khỏi bộ chính trị. Tuy nhiên ông cũng không tìm được sự đồng thuận nào để chấm dứt các cuộc đình công. Trong khi đó sợ Moscow không còn kiên nhẫn đứng ngoài mà nhìn nữa nên ông xin “Giáo Hội giúp đỡ để tránh một hậu quả không may cho đất nước.”

Đức Gioan Phaolo II không muốn nói tay với cộng sản. Ngài cảm thấy giới công nhân đã có thể thắng thế trong việc tổ chức một công đoàn độc lập. Một tháng trước đây, ngài đã cùng giới công nhân Ba Tây tranh đấu được quyền đó. Có 150 ngàn công nhân qui tụ ở vận động trường São Paolo, và họ hô “Libertade, Libertade!” trong 15 phút liền. Công nhân đường sắt ở São Paolo đã làm một cuộc đình công dài nhất lịch sử suốt 42 ngày để chống lại chế độ quân phiệt nhờ sự hỗ trợ của Hồng y Paolo Evaristo Arns.

Nơi đó, giữa lòng chế độ độc tài quân phiệt Ba tư, Đức Giáo hoàng đã đứng với giới công nhân và tuyên ngôn “quyền tự do thành lập công đoàn lao động, với mục tiêu có tiếng nói, bênh vực cho quyền lợi của mình, cũng như đóng góp tinh thần trách nhiệm xây dựng công ích.” Không lẽ Đức Giáo hoàng tranh đấu ít hơn thế cho đất nước Ba-lan?

Chính nhờ sự kiên vững của Đức Gioan Phaolò II mà cuộc biến động được giải quyết. Vào ngày 27.8, do sự thúc đẩy của ngài, các Giám mục Ba-lan chuẩn y một tài liệu nói rõ “quyền tổ chức độc lập và tự trị của công nhân”. Ý chí của Đức Giáo hoàng đã trở thành ý chí của toàn dân. Bây giờ chính quyền không còn cách nào khác hơn là nhượng bộ.

Vào ngày 31.8 hiệp ước Gdansk được ký kết. Thật là một hiệp ước hi hữu trong lịch sử cho phép thành lập công đoàn đầu tiên sau bức màn sắt. Hiệp ước đặt ra những tiêu chuẩn căn bản cho những thỏa hiệp khác sẽ được thực hiện trên toàn quốc, trong khi phong trào Solidarity cũng đã lan ra cả nước. Có công đoàn tự do, được tăng lương, cải thiện y tế chăm lo sức khỏe, bớt kiểm duyệt, tha tù nhân chính trị nghĩa là mọi đòi hỏi đều được thương lượng.

Trong nghi lễ ký hiệp ước, một cách cố tình, Walesa lôi từ trong túi ra một cây bút to ngoại khổ màu đỏ chói, in hình Đức Giáo hoàng Gioan Phaolò II. Đây là món quà lưu niệm ngài tặng ông trong lần ngài về thăm quê hương.

Ngày 5.9 Gierек mất chức Tổng bí thư. Kania lên thay. Cũng tuần lễ đó tại Roma, Đức Giáo hoàng chỉ định Hồng y Casaroli đại diện ngài đi họp với ngoại giao Xô-viết do họ yêu cầu. Lãnh đạo Kremlin xin Đức Giáo hoàng cảm chân công đoàn Solidarity trong những yêu sách của họ để làm nhẹ bớt căng thẳng. Họ cũng cảnh cáo sẽ dùng quân đội can thiệp nếu công đoàn đe dọa đến quyền lợi sinh tử của Liên bang Xô-viết.

Đức Giáo hoàng cố tìm một thể quân bình tế nhị. Làm

sao hỗ trợ giới công nhân mà vẫn ngăn cản được Sô-viết, tránh một cuộc tắm máu là hậu quả ngại sợ nhất. Làm thế nào cho chính quyền Ba-lan tin tưởng được công đoàn Solidarity và giữ cho công đoàn không đòi hỏi đến mức quá khích.

Hiện thời Sô-viết được Đức Giáo hoàng bảo đảm nên đã yên lòng. Vatican và Liên bang Sô-viết đồng ý duy trì đường dây ngoại giao Casaroli Kremlin.

CHƯƠNG 12 WASHINGTON

Trước khi Tổng thống Ronald Reagan nhậm chức vào ngày 20.8.1981 thì những tiếp xúc chiến lược giữa Hoa kỳ và Toà Thánh đã xảy ra từ trước. Ông Zbigniew Brzezinski gốc Ba-lan là cố vấn an ninh cho Tổng thống Carter đã đại diện cho Hoa kỳ trong những cuộc họp với Đức Wojtyla ở đền Thánh Phêrô.

Vào năm 1976, ông Brzezinski đang là một giáo sư đại học, đến nghe Đức Wojtyla lúc đó còn là một hồng y, diễn thuyết tại đại học Harvard, Boston. Ông cảm thấy rất phấn kích nên mời Đức Hồng y đi uống trà. Trong cuộc nói chuyện, hai người rất tâm đầu ý hợp khi nói về Ba-lan và những vấn đề của thế giới. Sau đó hai người giữ mối liên lạc thường xuyên, trao đổi những hiểu biết và cảm nghĩ vì cả hai đều đồng thừa hưởng một lịch sử, và cùng một nhịp cảm thông với đất nước Ba-lan.

Tới cuối năm 1980, Brzezinski chính thức có những

cuộc nói chuyện với đại biểu Tòa Thánh, Giám mục Josef Tomko của Tiệp mà Ba-lan và công đoàn Solidarity coi là một nhân vật quan trọng. Brzezinski muốn cho Đức Giáo hoàng biết là có những nguồn tài trợ ở Mỹ đặc biệt của Phong trào Lao động Mỹ. Đó là điều mà Đức Giáo hoàng đang muốn biết, vì ngài biết rằng công đoàn Solidarity đang rất cần mọi nguồn trợ giúp của Tây phương và nhất là của Mỹ, trước những áp lực đe dọa của phe cộng sản giáo điều.

Brzezinski và Giám mục Tomko bàn thảo về những phương thức mà Hoa kỳ và Vatican có thể tuyên truyền để khêu gợi và gây áp lực đòi nhân quyền bao gồm cả quyền về kinh tế, chính trị, và tôn giáo ở Ba-lan mà vẫn tránh để không bị Sô-viết đàn áp. Trong một cuộc họp giữa Đức Giáo hoàng và với Tổng thống Carter (khi ấy công đoàn Solidarity chưa được thành lập), Brzezinski nhận xét nửa đùa nửa thật rằng: “Wojtyla đáng lẽ phải làm tổng thống và Carter đáng lẽ phải làm giáo hoàng mới đúng.”

Vào tuần đầu tháng 12 năm 1980, Brzezinski gọi điện cho Đức Giáo hoàng biết Sô-viết có thể xâm lăng Ba-lan qua việc dồn một số quân lớn ở biên giới Ba-lan.

Đức Giáo hoàng sùng sốt về nguồn tin ấy, bởi vì ngài đã bí mật gởi thư cho Brezhnev xác định nguyên tắc không can thiệp vào nội bộ vì quyền lợi đất nước Ba-lan, và vì ngài nghĩ rằng vẫn có thể đối thoại qua đường dây Casaroli Cẩm-linh.

Brzezinski cho ngài biết có những dữ kiện do vệ tinh gián điệp và do “những nguồn tin Đông Âu” cung cấp. Ngài xem xét những tấm hình vệ tinh chụp những lều

trại đã được dựng bên cạnh những bệnh viện dã chiến của Nga sát biên giới Ba-lan.

Brzezinski xin Đức Giáo hoàng dùng các Giám mục với khối giáo dân Công giáo lớn lao đòi các chính quyền Tây phương ủng hộ biện pháp trừng phạt tối hậu đối với Sô-viết bằng cách cô lập kinh tế, chính trị, và văn hóa nếu họ can thiệp vào Ba-lan. Ngài đồng ý ngay.

Trong khi đó cả hai vị tân, cựu tổng thống Mỹ đều cảnh cáo Sô-viết để tránh việc Sô-viết có thể làm phiền tới Ba-lan trong khoảng thời gian hai vị bàn giao nhiệm vụ. Brzezinski cũng tiếp xúc với Thủ tướng Ấn độ Indira Gandhi để bà này cho Brezhnev biết về những quan tâm của Mỹ vì ông ta sắp tới thăm Ấn độ. Mỹ đồng thời chuẩn bị bán vũ khí tối tân cho Trung quốc nếu Sô-viết xâm lăng Ba-lan.

Nhưng không biết vì lí do gì Sô-viết rút quân và gọi Vadim Zagladin sang Roma báo cho Đức Giáo hoàng biết rằng họ sẽ không can thiệp trong lúc này.

Tổng thống Reagan nhậm chức vào tháng 1 năm 1981. Ông đặc biệt quan tâm đến những diễn tiến của công đoàn Solidarity. Ngay tuần nhậm chức, ông Richard Allen phụ tá an ninh quốc gia và ông William Casey giám đốc CIA đã thực hiện thời khóa biểu mới là mỗi ngày đều báo cáo cho tổng thống những tin tức tình báo, trong đó luôn luôn có những phần liên quan đến Ba-lan và những dữ kiện từ Vatican.

Ông Brzezinski sau này ghi nhận rằng họ bàn thảo trực tiếp với Đức Giáo hoàng. Có nhiều điều ông không muốn đi vào chi tiết. Ông bảo ông Casey điều hành và ông ta

hợp tác. Hai ông làm việc rất ăn ý. Họ vẫn tiếp tục những công việc từ thời Tổng thống Carter, phát triển thêm, và thi hành. Đức Giáo hoàng là con người rất mềm dẻo, rất nhiều sáng kiến và rất không câu nệ nghi lễ. Nếu cần phải làm gì thì là việc ấy xong, chẳng hạn ngấm ngấm để cung cấp, để liên lạc... Chả thế mà công đoàn Solidarity không bị đập tan. Chả thế mà lần đầu tiên cố gắng đàn áp của cộng sản bị thất bại.

Còn trùm CIA, Bill Casey thì tóm gọn suy tư của ông trong câu nói: “Có những điều đúng và những điều sai, đúng muôn đời và sai muôn đời.” Đối với ông, Giáo Hội Công giáo nơi đào tạo con người ông, là đúng muôn đời. Còn chủ nghĩa cộng sản mà ông đã chống từ khi ông còn là một cậu học sinh làm diễn giả trong trường trung học, là muôn đời sai.

Tổng thống Reagan có một cái nhìn về Vatican và Giáo Hội Công giáo khác với các vị tổng thống Mỹ khác trong thế kỷ 20, kể cả tổng thống Kennedy vốn là tổng thống Công giáo duy nhất trong lịch sử Mỹ. Nước Mỹ được coi là một “quốc gia theo đạo Tin Lành”, nhiều người Mỹ nghi kỵ người Công giáo. Có rất ít người Công giáo đứng trong hàng bộ trưởng cho tới thời Tổng thống Nixon. Từ thời Kennedy trở về trước, đã có những khoảng cách lớn giữa chính phủ và giáo hội không phải vì tôn trọng hiến pháp mà còn vì rào trảng bài Công giáo kéo dài tới thập niên 60.

Ông Reagan thì khác. Cha ông là một công nhân Công giáo Ái Nhĩ Lan, và mẹ là Tin Lành. Ông không quan tâm tới những cấm kỵ lịch sử. Ông đã chiếm được một số

phiếu lớn của Công giáo. Ông thấy hết sức dễ chịu khi gần gũi làm việc với những người xuất thân từ giới công nhân Công giáo, những người từ trắng tay làm nên như ông Casey, là người biết trân quý cùng những giá trị như ông.

Một phần do ngẫu nhiên trùng hợp, một phần do sự đồng thanh đồng khí mà Tổng thống Reagan bổ nhiệm hầu hết những chức vụ quan trọng trong chính phủ của ông toàn là Công giáo: Casey giám đốc CIA, Alexander Haig bộ trưởng Ngoại giao, Tướng Vernon Walters Đại sứ lưu động, Richard Allen cố vấn an ninh Quốc gia, William Clark Thẩm phán. Tất cả những người này đều coi Giáo Hội là cái lò hun đúc chống cộng. Cũng như Reagan, họ quan niệm lý thuyết cộng sản Marxist Leninist là một thứ xấu xa ác độc.

Trong khi Kennedy cố tránh Giáo Hội Công giáo càng xa càng tốt thì trái lại, Reagan vừa mở rộng với Giáo Hội vừa ngấm ngấm thắt chặt những mối dây với Giáo hoàng và Vatican. Sau này khi đã thành công trong việc tạo lập bang giao với Tòa Thánh, một việc mà chưa có vị tiền nhiệm nào của ông muốn làm, ông bảo: “Tôi muốn hai nước phải là đồng minh của nhau.”

Bà Jeanne Kirkpatrick, là đại sứ của Reagan tại Liên Hiệp Quốc nói rằng: “Có một mức độ ngày một lớn dần một cách đáng kể trong sự liên hệ với Giáo hoàng. Và đây là một trong những lí do quan trọng cần ghi nhớ về những con người rất tốt đạo của Casey và Walters. Họ đi dự thánh lễ hàng ngày. Tôi nghĩ rằng, tôi, Ronald Reagan, Caspar Weinberger (bộ trưởng Quốc phòng) đều nhìn thấy là vị giáo hoàng này là một sức mạnh tinh thần với

nhiều khả năng nhân tính, mà chúng tôi tìm được sự đồng điệu rất lớn khi làm việc, cùng chung nhau những quan niệm về một số những vấn đề quan trọng nhưng rất trần thế. Trong khi Casey, Clark, và Walters và một số khác là Công giáo, Reagan, Caspar, và tôi cùng những người khác thì không mà không hề có bè phái.”

CHƯƠNG 13

CHIẾN DỊCH CHỐNG CỘNG

Cộng đoàn Solidarity đã rõ ràng trở thành mối đe dọa cho Moscow, một thứ “dịch” lan truyền trong khối cộng, đặc biệt ở những nước vùng Baltic. Brzezinski quả quyết rằng Sô-viết sẽ tìm mọi cách đập tan Solidarity, còn nội các mới của Reagan lại tìm mọi cách giúp cho nó sống còn. Ông Allen nói: “Nếu người ta có thể lung lay và bứt Ba-lan ra khỏi khối cộng thì những đợt sóng sẽ lan ra tứ phía: Ukraine, Balkans, Latvia, Lithuania, Estonia, và Tiệp-khắc.” Việc Reagan xiết chặt thái độ đối với Ba-lan cho thấy ông tin rằng một cuộc cách mạng trong khối cộng thế nào cũng phải xảy ra.

Ngày 30.1.1981, mới chỉ 10 ngày sau khi nhậm chức, Tổng thống Reagan gặp ban cố vấn an ninh quốc gia của ông, trong đó có phó tổng thống Bush, Allen, Casey, Haig, và Weinberger. Họ quyết định một chính sách về Ba-lan: không phải chỉ để chống một cuộc xâm lăng nhưng còn tìm cách ngầm phá chế độ cộng sản tại đó.

Mặc dù tổng thống và ban cố vấn an ninh bàn về việc “tách Ba-lan ra khỏi quỹ đạo cộng sản”, ông nói: “Chúng ta không tìm cách đi vào một quốc gia để lật đổ một chính phủ nhân danh người dân của họ... Chúng ta có thể giúp. Công đoàn Solidarity chính là một khí giới sắc bén, một tổ chức phát triển từ giới công nhân Ba-lan. Đây là một trường hợp rất khác biệt với tất cả mọi nơi trong khối cộng, và đương nhiên đối nghịch lại với những gì Sô-viết và những người cộng sản muốn.”

Regan nói, ông cảm thấy rằng nếu có phong trào dân chủ chống lại Hittler thì đã không có chiến tranh. Đối với ông, Sô-viết là hậu thân của Đức quốc xã.

Rất có thể chính quyền Ba-lan sẽ đàn áp hoặc Sô-viết sẽ đổ quân xâm lăng Ba-lan. Trong trường hợp ấy, phải có biện pháp mạnh về kinh tế và chính trị. Vậy là nhiều biện pháp được bàn thảo để giúp cho Solidarity được đứng vững.

Hiện tại nguồn tài chánh chính yếu trợ giúp Solidarity là do AFL CIO (Phong trào lao động Mỹ làm việc với những tổ chức lao động Âu châu và các đảng dân chủ xã hội). Tổ chức AFL đã từng trợ giúp các đảng phái không cộng sản trong các cuộc tranh cử ở Ý vào năm 1948.

Lúc đầu công đoàn Solidarity không cần sự trợ giúp tài chánh khổng lồ. Họ cần sự trợ giúp về mặt tổ chức, chính sách, tin tức, và những dụng cụ truyền thông. Hầu hết những sự trợ giúp ấy được chuyển theo ngả của phong trào lao động, hoặc qua những tổ chức cộng đồng người Mỹ gốc Ba-lan, thường hoạt động rất sát với Giáo Hội Ba-lan.

Trong khi đó, Richard Pipes là Giám đốc sự vụ Sô-viết và Đông Âu cho hội đồng an ninh quốc gia, bổ nhiệm Jan Nowak, đứng đầu nghị hội người Mỹ gốc Ba-lan làm tham vấn đặc biệt cho những vấn đề liên quan tới Công đoàn Solidarity, tới Giáo Hội Ba-lan, và những chính sách của Mỹ liên quan tới Ba-lan một cách chung. Nowak bảo: “Tôi không lo về những đường dây bí mật, đã có ông Casey và những người khác. Tôi chỉ kiểm tiền cho những ấn phẩm bí mật, những truyền thông bất hợp pháp, và những máy copy.” Phần lớn số tiền Nowak kiểm được là từ các cộng đồng Công giáo người Mỹ gốc Ba-lan. Khi bàn việc với Tổng thống Reagan, Nowak biết ông ta là “con người bén nhảy, chống cộng cực đoan.

Nếu không có chính sách của Tổng thống Reagan, Solidarity khó mà thắng.”

Ông Casey cho đây là một dịp để tách Ba-lan ra khỏi khối Warsaw. Những chương trình phát thanh Âu châu tự do và VOA làm công tác trí vận phát thanh vào các nước Ba-lan, Đông Đức, Czechoslovakia, Hung, Latvia, Lithuania nghĩa là các nước cộng sản Đông Âu. Mối thù hận giữa Ba-lan và Sô-viết, giữa Sô-viết và Đông Đức được đào sâu. Ba-lan được chuẩn bị tâm lý trước cuộc xâm lăng của Sô-viết có thể xảy ra, Ba-lan cần đứng về phía chống xâm lăng. Trong khi đó chiến dịch tâm lý chiến như phát thanh, truyền đơn, phản tuyên truyền được nhắm vào hàng ngũ quân đội và lực lượng an ninh Ba-lan. Công tác này do CIA và Ngũ Giác Đài đảm nhiệm.

Phải nói hai nhân vật làm việc rất sát và nhịp nhàng với Tổng thống Reagan là Bill Casey và William Clark. Ông

Clark vốn là chánh văn phòng thời gian ông Reagan làm thống đốc ở Sacramento, CA, Bây giờ được bổ nhiệm làm xử lý thường vụ bộ ngoại giao, là thứ trưởng ngoại giao của ông Haig.

Hai vấn đề các ông Casey và Clark rất bận tâm là Ba-lan và chiến dịch chống cộng ở Trung Mỹ, là những vấn đề càng ngày càng được thảo luận với Đức Giáo hoàng. Cho tới mùa xuân 1981, Casey và Clark thường đến toà Tổng Giám mục đại diện toà thánh ở Washington gặp Đức Pio Laghi dùng bữa và bàn luận. Còn Đức Pio Laghi thì vào toà Bạch ốc bằng “ngõ sau” ở cổng tây bắc để họp mặt với các ông Casey, Clark và Tổng thống.

Ông Clark nhận thấy rằng: “Tổng thống Reagan muốn những báo cáo tình báo đặc biệt về Ba-lan, và ông cho rằng những biến chuyển ở đó là vết nứt đầu tiên bên trong bức màn sắt, nghĩa là một cuộc nổi dậy. Ông Casey cũng hiểu như vậy. Vì thế chúng tôi xin Hội đồng An ninh Quốc gia và CIA hằng ngày báo cáo không chỉ về Gdansk mà còn về toàn thể Ba-lan và khối Đông Âu. Ba chúng tôi thường xuyên bàn về Ba-lan, những chiến dịch ngầm, ai làm gì, ở đâu, tại sao, thế nào, có thể thành công hay không... và về vai trò của Vatican.”

Ông Allen, Casey, và Tổng thống Reagan bắt đầu có những buổi họp định kỳ với Hồng y John Krol ở Philadelphia, một vị rất gần gũi với Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II. Vị hồng y này cho Tòa Bạch ốc biết tình hình tổng quát của Solidarity, nhu cầu và sự liên hệ với hàng giáo phẩm Ba-lan. Ngài đứng vai trò trung gian giữa Tòa Bạch ốc, Ba-lan, và Vatican; tạo được một thể làm

việc tương đắc. Ông Allen gọi đùa nhưng rất chính xác rằng, Hồng y Krol là “bồ bụ” của Giáo hoàng. Ngài không những được Tổng thống, mà còn có bộ ngoại giao, hội đồng an ninh quốc gia, và CIA tham vấn. Ngài cũng làm lời nguyện khai mạc trong hai cuộc đại hội đảng Cộng hoà toàn quốc.

Hồng y Krol cao và có vóc dáng thể thao, lần đầu tiên gặp Đức Wojtyla tại Công Đồng Vatican II, khi ngài làm phụ tá thư ký của Công Đồng. Hai ngài trò chuyện với nhau hàng giờ, dĩ nhiên bằng tiếng Ba-lan. Trong cuộc bầu cử Giáo hoàng Gioan Phaolò II, Đức Krol ngay từ đầu đã vận động các giáo hội Bắc Mỹ ủng hộ Đức Wojtyla.

Nhờ vào tình bạn ấy, ngay từ đầu triều đại giáo hoàng Gioan Phaolò II, Đức Krol đã đóng một vai trò quan trọng đặc biệt trong hàng giáo phẩm Mỹ. Mối dây keo sơn ấy bắt nguồn từ mảnh đất Ba-lan. Cha của Đức Krol sinh tại Siekiercza, gần Wadowice (quê của Đức Wojtyla). Ngài và Đức Wojtyla cùng được truyền chức hồng y vào một ngày, 21.6.1967. Khi nhận mũ hồng y, Đức Wojtyla đã xin cầu nguyện đặc biệt cho cả Đức Hồng y Krol. Sáu tháng sau, Hồng y Wojtyla có dịp đi đến xứ đạo quê của Hồng y Krol. Trong bài giảng ngài nói: “Hồi xưa hồi xưa, mấy chục năm xưa, các vị tổ tiên và ông bà cố của Đức Hồng y Jan Krol đã rời nơi đây đi Tàn Thế giới, đã mang theo các ngài những gia sản quý giá của quê hương Ba-lan...”

Đức Krol lớn hơn 10 tuổi nên được Đức Wojtyla coi như anh, dù khi cả hai còn là hồng y hay sau này Đức Wojtyla đã làm giáo hoàng. Hai vị thường hát chung với nhau, nhảy múa, kể những chuyện cổ tích của Ba-lan, kể những

chuyện cười bằng tiếng Ba-lan. Chính mối thân tình đặc biệt này giữa hai vị cũng là yếu tố lớn tạo nên sự liên hệ chặt chẽ và nhịp nhàng giữa Vatican và chính phủ Mỹ.

CHƯƠNG 14

ĐỒNG MINH

Sự liên đới lịch sử này vốn bắt nguồn từ niềm tin chống lại vô thần Marxist, được lớn lên giữa Mỹ và Vatican, giữa hai siêu cường, một bên là trần thế, một bên là siêu nhiên, đặt ra những viễn tượng có lợi cho cả hai bên, đặc biệt trong vấn đề Ba-lan và Trung Mỹ châu. Bắt đầu từ mùa xuân 1981, chính phủ Reagan duy trì sự trao đổi tình báo ở mức độ cao nhất giữa Tòa Bạch ốc và Đức Giáo hoàng, ngài thường xuyên được các ông Casey và Walters báo cáo. Đã có chừng 15 lần họp bí mật như thế giữa hai ông và Đức Giáo hoàng trong thời gian sáu năm trời.

Những phán đoán nhận xét của Đức Gioan Phaolo II, đặc biệt về những vấn đề liên quan tới Ba-lan và Trung Mỹ châu được Tòa Bạch ốc, CIA, Hội Đồng An ninh Quốc gia, và nhất là Tổng thống Reagan rất trân trọng. Ông nóng lòng chờ những báo cáo của hai ông Casey và Walters mỗi lần từ Vatican trở về.

Trong khi đó Đức Giáo hoàng lại thừa hưởng những điều tối mật của Toà Bạch ốc và những phân tích chính trị phức tạp: những dữ kiện từ vệ tinh, từ nhân viên tình báo, từ máy nghe lén điện tử, từ những cuộc bàn luận chính sách ở Toà Bạch ốc, ở bộ Ngoại giao, và ở CIA.

Những công hàm để lại trong Toà Bạch ốc, bộ Ngoại giao, và CIA cho thấy những vấn đề được bàn tới là Ba-lan, Trung Mỹ châu, khủng bố, chính trị nội bộ tại Chí lợi, lực lượng quân sự Trung cộng, thần học giải phóng, vấn đề Á căn đình, sức khoẻ của Brzeznev (vào năm 1982 ông Walters bảo Đức Giáo hoàng rằng Brezhnev hơi lẫn rồi), vấn đề Pakistan muốn có vũ khí nguyên tử, vấn đề mức độ vũ khí qui ước ở Âu châu, vũ khí tàu ngầm, vấn đề Lithuania, vũ khí hóa học, “kỹ thuật tân tiến của Sô-viết”, vấn đề Libya, Lebanon, nạn đói ở Phi châu, Chad, chính sách ngoại giao của chính phủ Pháp. Đây mới chỉ là một phần trong hơn 75 đề mục để lại trong công hàm.

Theo những mục tiêu của chính sách đề ra thì việc Giáo hoàng biết được càng nhiều những dữ kiện tình báo Mỹ càng tốt. Ông Allen ghi nhận rằng “Tổng thống Reagan có một sự thâm tín rằng, Đức Giáo hoàng này sẽ là người giúp làm thay đổi thế giới.” Cũng chính ông Allen là người đầu tiên nhận định rằng, mối liên hệ giữa Reagan và Vatican là “một trong những đồng minh bí mật keo sơn nhất của mọi thời đại”. Cả hai bên thông tin cho nhau biết, luôn luôn tôn trọng những bén nhảy của nhau, tham khảo, tìm tòi đến những căn bản chung về luân lý và chính trị, mà không bao giờ chính thức ký kết một điều gì cả.

Có lần Allen cắt nghĩa cho Tổng thống Reagan rằng: “Một trong những điều ông cần biết về Giáo Hội Công giáo, là một tổ chức thâm thập tin tức từ nơi giáo dân. Đó là một phương pháp tuyệt hảo. Một tổ chức tình báo lý tưởng cần tổ chức được như Giáo Hội Vatican. Tình báo của giáo hội là tình báo hạng nhất.”

Một trong những vấn đề quan trọng nhất về việc kiểm soát vũ khí của thời điểm này là việc khối NATO muốn đem vào Tây Âu hỏa tiễn loại mới tránh radar. Mặc dù Hội đồng Giám mục Mỹ phản đối chính sách của chính phủ, Đức Giáo hoàng, qua sự im lặng của ngài, tỏ ra đồng ý với chính sách của Mỹ, sau khi nghe các ông Walters và Casey báo cáo, cùng với sự trình bày của Tổng thống Regan vừa trực tiếp vừa gián tiếp qua Đức Tổng Giám mục Laghi và Đức Hồng y Krol.

CHƯƠNG 15 WARSAW

Tướng Jaruzelski nhận thấy có một vấn đề còn khó khăn hơn vấn đề công đoàn Solidarity. Đó là Moscow. Bộ Chính trị Sô-viết không hiểu được đất nước và lịch sử của Ba-lan, cũng chẳng hiểu được vị trí hiện thời của những người cầm quyền Ba-lan. Ông ta lo nhất là người ta không hiểu được Giáo Hội và vai trò của Giáo Hội trong xã hội. Công đoàn Solidarity có thể làm hư hoại chủ nghĩa xã hội, nhưng ông ta biết chắc Cẩm-linh còn mang tai họa cho Ba-lan và cả thế giới.

Vào ngày 4.3.1981 Jaruzelski và Kania bị gọi về Cẩm-linh để Brezhnev và những đầu não bộ chính trị đặt vấn một cách tàn bạo. Khi nào thì áp dụng thiết quân luật? Tại sao những bọn vô lại chưa bị tóm? Các ông có hiểu rằng Đảng đang bị mất hết quyền lực với nhân dân không? Có biết đồng minh của các ông đang nổi dậy không? Tại sao các ông lại nhượng bộ Giáo Hội như vậy? Các ông có biết

rằng ông Giáo hoàng này là một dụng cụ của Tây phương không? Là sự chống đối chúng ta hay không? Tại sao lại cho phát thanh thánh lễ trên đài? Tại sao lại có những ông linh mục trong các công xưởng? Có biết Giáo Hội là một tổ chức tinh vi ghê gớm lắm không? Phải nắm đầu mấy ông Giám mục, đuổi cổ các ông Linh mục ra khỏi các công xưởng, không cần đối thoại với Giáo Hội làm gì, đóng cửa các chủng viện lại. . .

Sau đó, một bản tin được báo chí Ba-lan và Sô-viết đăng tải loan báo một sự nhất trí của các nước xã hội chủ nghĩa rằng họ là một, vấn đề của một nước là vấn đề của toàn thể khối xã hội chủ nghĩa. Jaruzelski biết ngay đó là giọng điệu giáo điều của Brezhnev đã dùng để bào chữa cuộc xâm lăng Tiệp-khắc vào mùa xuân năm 1968.

Jaruzelski biết rằng các vấn đề ở Ba-lan không đơn giản như các đồng chí của ông ở Moscow, ở Bá Linh, ở Prague, và ở Budapest tưởng. Đây ông tới một giải pháp vội vàng có thể gây ra đổ máu, người Ba-lan đánh người Ba-lan, có thể có nội chiến ngay trong quân đội, và tệ nhất là lính Sô-viết và lính trong khối Warsaw sẽ đánh với lính Ba-lan ngay trên đường phố Ba-lan. Nhóm đầu não Sô-viết hình như không thể hiểu được rằng không thể giữ hoà bình mà không có Giáo Hội. Cho nên Jaruzelski và Kania liên tục cố gắng cắt nghĩa cho các đồng chí đàn anh và các phái đoàn được bộ Chính trị gọi tới Warsaw. Bây giờ là mùa xuân 1981 ở Ba-lan, đang xảy ra những cuộc đình công. Công đoàn Solidarity kêu gọi một cuộc tổng đình công. Chưa bao giờ công đoàn Solidarity được ủng hộ mạnh đến thế. Quân đội Sô-viết lại một lần nữa chuẩn

bị. Các lực lượng trong khối Warsaw thực tập đổ bộ dọc theo biên giới Ba-lan phía bờ Baltic, và thao diễn tại nhiều địa điểm ngay trên đất Ba-lan. Tây phương phải lên tiếng cảnh cáo Liên bang Xô-viết rằng sẽ ra tay can thiệp nếu họ động quân.

Jaruzelski và Kania vội gặp bộ Chính trị Xô-viết để can ngăn và cho họ biết rằng, chính Giáo Hội đóng một vai trò quan trọng trong việc dàn xếp giữa chính quyền và công đoàn. Thế là hai ông này lại bị “giáo dục tư tưởng” rằng là chính những tay đầu não chính trị Tây phương, chứ chẳng có Chúa Thánh Thần nào vận động các Giám mục bầu phiếu cho ông Wojtyla làm Giáo hoàng. Bọn họ tin rằng, chính Brezinski với sự trợ giúp của Hồng y Krol đã tính toán trong việc bầu cử Gioan Phaolò II.

Jaruzelski cho biết Brezhnev đã tham gia cách mạng từ thời niên thiếu, đã tích cực đánh phá Giáo Hội một cách dã man. Ông ta đã từng đàn áp Giáo Hội Ukraine khi cầm quyền ở đó. Ông là một trong những người Bolshevik thấm nhuần chủ nghĩa vô thần và bài Giáo Hội Công giáo từ khi còn bú sữa mẹ. Hễ nói tới Giáo Hội là ông ta coi đó như kẻ thù, không chỉ là kẻ thù trong ý thức hệ nhưng còn là kẻ thù chính trị.

Các đồng chí của ông ta cũng không hơn gì trong việc hiểu được sức mạnh ngầm ngấm của Giáo Hội Ba-lan. Giáo Hội ở Nga trên thực tế đã bị tiêu diệt. Giáo Hội ở Tiệp thì bị chia năm xẻ bảy, rất yếu ớt. Giáo Hội ở Hung thì hòa hoãn theo nhà nước. Ở Bảo-gia-lợi và Lỗ ma ni còn tệ hơn thế. Các Giám mục Lỗ cứ tuân theo Ceausescu răm rắp. Chính vì trong bối cảnh ấy mà Moscow không thể hiểu được tại sao Ba-lan không làm gì được Giáo Hội.

Brezhnev nói: “Cho Giáo Hội Ba-lan giấy phép xây nhà thờ chỉ tạo cơ hội cho Giáo Hội lên chân. Cuối cùng là kẻ thù ấy, không sớm thì muộn, sẽ bóp cổ, *xiết họng chúng ta đến ngẹt thở mà thôi.*”

Ngày 27.3, 10 triệu công nhân Ba-lan đình công 4 tiếng đồng hồ trên toàn quốc. Một cuộc biểu tình qui mô chống lại chính quyền lớn nhất từ Thế Chiến II đến giờ. Cả nước Ba-lan bị đứng khựng bất động. Tổng thống Reagan càng tin rằng chế độ cộng sản sẽ sụp đổ từ trong nước Ba-lan.

Ngày 30.3 Tổng thống Reagan được tin CIA cho biết, hàng không Ba-lan bị đình chỉ trong hai ngày để các lực lượng trong khối Warsaw dễ hoạt động. Các toa xe lửa mặt bằng ở Đông Đức bị trưng dụng cho quân đội. 150 ngàn quân Sô-viết, Đông Đức và các nước trong khối cộng sản Đông Âu đã dàn quân dọc biên giới Ba-lan chuẩn bị đổ bộ.

Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, ông Weinberger tuyên bố quân Mỹ sẽ không ngồi yên nếu Ba-lan bị xâm lấn. Qua đường dây liên lạc giữa Toà Bạch ốc và Vatican, Tổng thống Reagan được biết rằng ngày 23.2 Đức Giáo hoàng đã gửi thư cho Brezhnev khuyến cáo Sô-viết phải tôn trọng chủ quyền của đất nước Ba-lan và quyền lợi của công đoàn Solidarity. Có nhiều lời đồn đãi là nếu Sô-viết đổ bộ, thì ngài sẽ về Ba-lan ngay lập tức, dùng chính bản thân ngài ngăn chặn xe tăng Sô-viết.

Ngay sau khi nhận tin, buổi chiều cùng ngày, Tổng thống Reagan đọc diễn văn cho tổ chức AFL CIO họp tại Washington Hilton. Sau khi kêu gọi toàn dân hỗ trợ tái thiết quân đội Mỹ, ông nói đến các công nhân Ba-lan: “Sự

can trường của họ nhắc nhở chúng ta không những chỉ về sự tự do quý giá chúng ta phải trân trọng và bảo vệ, mà còn về tinh thần tranh đấu cho tự do của chúng ta ở bất cứ nơi đâu.” Tiếng hoan hô nổi lên vang dội. Tổng thống tiếp: “Những người công nhân Ba-lan đứng can trường như những người lính canh nhân danh những nguyên tắc nhân quyền của nhân loại. Họ nhắc nhở chúng ta rằng trên mặt đất tốt lành này, con người (của nhân tính) luôn luôn thắng thế.”

Sau bài diễn văn mấy phút, khi Tổng thống Reagan sửa soạn bước tới chiếc limousine trước cửa khách sạn thì ông bị bắn. Hung thủ là John Hincley Jr. Cận vệ vội cho ông tới nhà thương Đại học Washington ngay.

Tại Roma, Đức Giáo hoàng vừa nghe tin, vội ngừng ngay công việc, cầu nguyện cho ông và đánh điện văn an.

Tại nhà thương, ông Reagan được giải phẫu lấy viên đạn xuyên qua phổi, cách tim 2,5 cm, huyệt động mạch tim cũng 2,5 cm, nếu không chắc chắn chết. Các bác sĩ bảo ông thoát chết là một phép lạ.

CHƯƠNG 16

MOSCOW

Trong cuộc họp bộ chính trị ngày 2.4, Brezhnev tức tối tuôn ra hàng tràng những điều xảy ra ở Ba-lan. Ông ta bảo các đồng chí Ba-lan chỉ có nói miệng chứ không làm được một cái gì. “Mới đây thì họ có ngăn được một cuộc tổng đình công nhưng lại phải nhờ đến áp lực của ông Giáo hoàng và qua trung gian các ông Giám mục. Mà lại cũng phải trả một giá đắt. Phải nhượng bộ công nhận một công đoàn mới của các nông dân, cùng trong tổ chức của Solidarity. Thế đã hết đâu. Chính quyền còn phải điều tra và xử tội các công an đã tấn công các công nhân trong cuộc biểu tình ở thành phố Bydgoszcz. Rồi lại còn có nhóm đòi thả tù nhân chống chính phủ bị bắt giữ từ năm 1976 đến nay (1981). Thế thì còn ra cái thể thống gì nữa, hử...”

Bộ trưởng Quốc phòng Ustinov lạnh lùng tiên đoán một cuộc đổ máu sẽ xảy ra, không thể tránh được. Nếu sợ

đổ máu là đầu hàng từng bước, và sẽ mất hết tất cả những thành quả của xã hội chủ nghĩa. Thế là lần đầu tiên trong 64 năm kể từ cuộc Cách Mạng Bolshevik, những người cộng sản đầu não ở điện Cẩm-linh ưu tư về một điều chưa từng phải nghĩ tới là tất cả những thành quả của xã hội chủ nghĩa, của cuộc cách mạng Lenin có thể bị mất trắng tay. Đây là một sự nhúc nhối chưa từng có trong thời chiến tranh lạnh của Sô-viết. Chỉ vì sự nổi dậy của công đoàn Scldarity mà được cả thế giới để ý. Tây phương đe dọa sẽ có biện pháp kinh tế, chính trị, xã hội, luân lý nếu Sô-viết nháy vào Ba-lan can thiệp. Suốt mấy tuần nay, bà Thủ tướng Anh Margaret Thatcher đã điện đàm với các lãnh tụ Tây phương kêu gọi một kế hoạch liên kết. Mỹ thì cảnh cáo Sô-viết chớ nên lợi dụng trong thời gian ông Reagan đang dưỡng bệnh. Còn Giáo hoàng lại là một yếu tố khác nữa, một yếu tố lớn. Vấn đề là ngài có thể về nước chặn xe tăng Sô-viết xâm lược.

Ngày 28.3 Đại sứ Sô-viết gặp khấn Đức Giáo hoàng trong hai giờ. Sau đó ngài cho Hồng y Casaroli biết rằng Sô-viết hứa sẽ không can thiệp trong 6 tháng nếu Vatican giữ cho Ba-lan không có những biến động, và bảo cho Solidarity đừng đình công nữa.

Ngày hôm sau, thư của Đức Giáo hoàng gọi cho Hồng y Wyszynski được in trên báo *L'Osservatore Romano* như sau: “Ý kiến chung của các quốc gia yêu chuộng hòa bình được bày tỏ trong sự tin rằng, người dân Ba-lan có quyền tự mình giải quyết những vấn đề của mình và bằng những phương tiện của họ. Khối công nông dân khổng lồ của Ba-lan ý thức được sự cần thiết phải làm việc ngỗ hầu cứu đất

nước khỏi những khó khăn kinh tế. Họ mong muốn được làm việc chứ không phải đình công.” Ngài lưu ý “một thỏa hiệp giữa chính phủ và đại diện công nông dân để tạo sự hòa bình nội tại và sự đổi mới những nguyên tắc đã được đồng ý hồi mùa thu trước.”

Những nguyên tắc được Đức Giáo hoàng nêu lên đối với bộ Chính trị Sô-viết thì rõ ràng có nghĩa là phải công nhận tính cách hợp pháp của công đoàn Solidarity là đại diện cho giai cấp công nhân, thế có nghĩa là công nhận một tổ chức phản chủ nghĩa cộng sản!

Yuri Andropov, trùm KGB, có lẽ nhận xét chính xác hơn cả, rằng công đoàn Solidarity bây giờ bắt đầu nắm hết vị trí này đến vị trí khác. Nếu bầu quốc hội lúc này thì chúng nó hẳn là chiếm đa số, và cuối cùng là không cần đổ một giọt máu, chúng nó cũng nắm trọn quyền trong tay. Trong quân đội thì có hiện tượng xuống cấp, nhất là nơi các sĩ quan trẻ. Các vùng Bạch Nga bắt được các đài phát thanh Ba-lan đều bị ảnh hưởng. Tệ nhất là ở Georgia, biểu tình nổi lên khắp nơi, từng nhóm tụ tập trên đường hô khẩu hiệu chống Sô-viết...

CHƯƠNG 17

CUỘC HỌP ÂM PHỦ

Vào ngày 3.4, Jaruzelski và Kania được báo cho biết trong vài tiếng đồng hồ nữa họ sẽ phải đi họp với những phụ tá của Brezhnev, một cuộc họp tuyệt đối bí mật. Nơi chốn và giờ giấc sẽ được loan báo vào giờ chót.

Với kinh nghiệm của Tổng thống Tiệp Alexander Dubcek để lại, khi ông này được gọi đi họp ở Moscow rồi bị bắt luôn, nên Jaruzelski vội gọi cho tướng Janiszewski để gọi gắm vợ và con gái. Sau đó ông ra đi với một cận vệ, giắt theo một súng ngắn và một trái lựu đạn cay, đến văn phòng của Kania, rồi cùng đi ra phi trường quân sự Okęcie.

Khoảng 7 giờ chiều, một máy bay Tupolev 134 không nhân hiệu, không in sao, không sơn cờ xuất hiện trên phi đạo. Một sĩ quan cao cấp của Khối Warsaw đứng đợi dưới chân thang. Máy bay cất cánh thẳng một chiều để giữ bí mật trước khi đổi hướng về vùng Brest Litovsk bên kia biên giới Sô-viét.

Jaruzelski sau này kể lại: “Sau khoảng một giờ bay,

máy bay đáp xuống một nơi rất xa những toà nhà của phi trường, chỉ thấy thấp thoáng những ánh đèn. Ba chiếc Volga đứng đợi, xe nào cũng kéo màn che kín, không chiếc nào có bảng số. Những người ra đón mặc thường phục. Chẳng cần hỏi giấy, chúng tôi cũng biết họ là người của KGB. Chúng tôi lên chiếc xe đầu tiên. Người cận vệ của tôi nhất định đòi đi xe chung với chúng tôi. Xe khởi hành ngay. Tôi không biết chúng tôi đang ở đâu và người ta dẫn chúng tôi đi đâu. Đường sá không có bảng tên. Tôi có cảm tưởng mình đang đi vào một hành tinh lạ. Sau một hồi, xe quạt vào một con đường đất nhỏ, dẫn tới một khu nhà gạch đỏ to lớn, nửa giống trại lính nửa giống nhà tù. Tôi tự nhủ: đây có thể là chuyến đi không về. Tôi quay ngo sang Kania. Không một lời trao đổi tôi cũng biết ông có cùng ý nghĩ như tôi.” Nhờ ánh đèn xe, họ nhận ra ba chiếc xe đậu trên đường rầy. Đoàn xe tiến lại. Người ta mở cửa cho các ông. Hai người đàn ông trên toa xe thú nhất trên đường rầy bước ra đón họ. Đó là Andropov trùm KGB và Ustinov Bộ trưởng Quốc phòng Sô-viết.

Cái vị trí đường xe lửa Sô-viết sát biên giới Ba-lan mang ý nghĩa rằng, Ba-lan không những là một trong những nước lớn nhất nằm dưới quyền Sô-viết từ hội nghị Yalta, với dân số 37 triệu (1981) và diện tích 120.725 dặm vuông, Ba-lan còn là hành lang phía tây của Sô-viết hướng về Đông Đức và cả Tây Âu. Khi Gromyko nhấn mạnh rằng, “Chúng ta không thể để mất Ba-lan” là có ngầm ý nói rằng, không có Ba-lan và hàng ngàn quân trú đóng ở đó, Liên bang Sô-viết không thể nào khống chế được Đông Âu và Trung Âu.

Trong cuộc họp mật tay tư đêm đó, cái nhận định đau đớn nhất về Ba-lan là đảng cộng sản Ba-lan yếu nhất trong khối Đông Âu, bị một Giáo Hội mạnh nhất Âu châu lấn át. Sau phiên họp đầu là một bữa ăn theo lối buffet thịnh soạn, được dọn trên một toa xe trên đường ray. Phiên họp kéo dài 6 tiếng đồng hồ, tới 3 giờ sáng. Ustinov và Andropov kể ra không biết bao nhiêu tội của chính quyền Ba-lan và nhấn mạnh rằng chỉ còn một giải pháp duy nhất là áp dụng thiết quân luật.

Mặc cho Kania chống chế, họ vẫn không nhượng bộ. Họ bảo rằng, các đồng chí Ba-lan có biết là các lực lượng chống xã hội chủ nghĩa, được ông Giáo hoàng và Tây phương ủng hộ, đang sửa soạn cướp quyền hành đầy không? Phải đặt tội Solidarity ra ngoài vòng pháp luật. Quân đội phải cơ động dẹp ngay những kẻ thù của xã hội chủ nghĩa. Đình công và biểu tình là phạm pháp. Đảng Cộng sản phải được phục hồi. Giáo Hội phải trở về vai trò thích hợp của mình, cứ việc phục vụ đức tin, bỏ làm chính trị đi. Họ lấy những cuộc đàn áp ở các nước khác ra làm gương. “Ồ Nam tư kia, khi có biểu tình ở Kosovo, đem thiết quân luật ra trị, chẳng đứa nào dám hó hé. Còn các đồng chí lại sợ, là cái lí gì?”

Hai ông Jaruzelski và Kania lại tìm cách cắt nghĩa, và xin thêm thời gian. Các ông bảo rằng, mang quân đội khối Warsaw vào can thiệp lúc này là tuyệt đối không thể được, mà chính quyền Ba-lan đem thiết quân luật ra trị đâu cũng không thể được. Chính quyền sẽ bị “hiểu lầm” và sẽ bị để cho “bất lực” ngay. Phải công nhận là Giáo Hội có ảnh hưởng nhiều thật, nhưng Giáo Hội là kẻ làm hòa.

Giáo Hội không có ý thách thức với sức mạnh của xã hội chủ nghĩa. “Xin các đồng chí hãy để cho chúng tôi có thời gian để chúng tôi tự giải quyết những vấn đề của chúng tôi, bằng những phương tiện của chúng tôi đã.”

Jaruzelski bảo rằng những tay già đầu Sô-viết ấy không thể hiểu được dân tộc Ba-lan. Họ không nhận ra rằng ngọn lửa thánh đã bắt đầu bén lửa. Họ vẫn khư khư giữ cái ý niệm rằng, các công đoàn lao động không còn là một mắt xích của đảng nữa. Chúng tôi cố cắt nghĩa rằng, trong hiệp ước với công đoàn ký tại Gdansk là chúng tôi đem sức sống về với đảng. Chúng tôi cố cắt nghĩa cho họ biết cái hoàn cảnh đặc biệt của Ba-lan. Nhưng họ nhất định không hiểu.

Jaruzelski kể lại rằng, Ustinov và Andropov vẫn thẳng thừng dọa sẽ dùng quân sự can thiệp. Ý của họ rất rõ: “sửa soạn can thiệp”. Ông có những nhạy cảm qua những kinh nghiệm Sô-viết can thiệp vào Hung và Tiệp. Thêm vào đó ông cũng để ý đến những dấu hiệu: hai bộ tư lệnh tiền phương của khối Warsaw đóng sát biên giới Ba-lan với những đoàn quân tinh nhuệ không nói tiếng Ba-lan.

Cuối cùng Ustinov và Andropov lặp lại lời Brezhnev hồi tháng 12.1980 rằng: “Chúng tôi không can thiệp vào Ba-lan lúc này, nhưng nếu thấy cần, nếu tình hình trở nên nghiêm trọng hơn, chúng tôi phải đến. Đã là bạn, chúng tôi không thể để cho người bạn Ba-lan đơn độc trong lúc đổ vỡ”.

CHƯƠNG 18

BÀN TAY BÍ MẬT

Trong khoảng 19 đến 25.4 Đức Giáo hoàng Gioan Phaolo II và Hồng y Bộ trưởng Ngoại giao Casaroli gặp Đại sứ Sô-viết ba lần. William Casey đến Vatican ngày 23.4. Đức Giáo hoàng và ông Casey đóng vai trò cán bộ liên lạc với Sô-viết và công đoàn Solidarity trong lúc khẩn cấp này. Vào đầu tháng 4, những “thành phần quá khích” trong công đoàn bắt đầu sửa soạn một cuộc tranh đấu bằng bạo lực chống chính phủ. Họ dự trữ bom xăng, đặt kế hoạch đánh chiếm những văn phòng và dinh thự của Đảng và chính quyền trên toàn quốc. Kania và Jaruzelski sợ tai biến nên vội cầu cứu Hồng y Wyszynski. Ngài vội báo cho Đức Giáo hoàng và tìm cách can ngăn Walesa đừng cho tổng đình công.

Walesa và những nhà lãnh đạo Solidarity không chịu. Đức Hồng y lúc ấy đang gần chết vì ung thư, nắm chặt áo Walesa và dọa là sẽ cứ quì thế mà cầu nguyện cho tới

chết. Trước cử chỉ tống dọa tình cảm như thế, Walesa đành chịu bãi bỏ kế hoạch tổng đình công. Thế là Kania và Jaruzelski được dịp chứng minh cho Sô-viết rằng tự họ có thể thu xếp mà không cần Sô-viết can thiệp.

Sau vụ này Đức Giáo hoàng nói với ông Casey rằng, Moscow rồi sẽ không chịu nổi những áp lực của Solidarity nữa. Vì thế Giáo Hội khuyên can Solidarity rút lại, bắt đầu một thứ “rút lui chiến lược” để giữ được những thành quả của công đoàn và cũng giữ chân được Sô-viết.

Vì mục tiêu vẫn là sự sụp đổ của chế độ cộng sản, mà Đức Giáo hoàng trước hết là con người sống bằng tình thần cho nên trong khi bàn thảo, ông Casey báo cáo lại cho Tổng thống Reagan rằng, khó mà xác định được đâu là ranh giới giữa thiêng liêng và trần thế. Ngài nhấn mạnh đến sự vắng mặt của sự thật trong xã hội cộng sản, không phải sự thật của Thiên Chúa, mà là sự thật của loài người. Đó là lí do tại sao Solidarity có chỗ nắm vững ở Ba-lan: Vì người dân muốn nói lên sự thật trong sự sống và niềm tin của mình nên người Do thái, người vô thần, và nhiều người cộng sản cũng gia nhập công đoàn Solidarity chứ chả riêng gì người Công giáo.

Ông Casey tin rằng, nếu Sô-viết không dùng quân sự, họ không khống chế được gì cả. Trong khi Ba-lan là một đất nước cần thiết hàng đầu của Sô-viết mà lại lung lay nhất, có thể phương hại đến cả các nước cộng sản Đông Âu, thế mà Sô-viết vẫn ngáp ngừng là bởi vì họ còn e dè Đức Giáo hoàng, là nhân vật đứng đằng sau hỗ trợ và khuyến khích công đoàn Solidarity.

Ông ta cũng nhận thấy rằng, Đức Giáo hoàng là người

duy nhất có thể tiếp xúc được mọi phía trong vấn đề Ba-lan. Solidarity làm gì, Jaruzelski và Kania nghĩ gì, Sô-viết có ý hướng muốn làm gì. Ông Casey rất thân phục ngài. Mỹ có những nguồn tin hàng đầu về Sô-viết và về kế hoạch quân sự của Ba-lan, nhưng lại hiểu rất ít về sự liên hệ giữa chính phủ Ba-lan với Sô-viết, và biết những tay đầu não ở điện Cẩm-linh nói cái gì.

5 giờ chiều ngày 13.5.1981, Đức Giáo hoàng xuất hiện ở Công trường Thánh Phêrô trước đám khán giả ngày thứ tư thường lệ. Ngài thường đi vòng công trường để vẫy tay chào dân chúng, sau đó là một bài huấn từ trên giảng đài.

Đức Ông Dziwisz là quản gia và bí thư của Đức Giáo hoàng kể lại rằng, đúng 5 giờ, dân chúng đã tụ tập một cách trật tự. Không có một dấu hiệu nào chứng tỏ có gì khác lạ sẽ xảy ra. Đức Giáo hoàng bước lên chiếc xe mở mui của ngài. Xe đi qua những hàng cột đá đèn thánh. Mặt ngài tươi hồng, nhìn trẻ trung. Đức Ông Dziwisz đứng ngay đằng sau ngài.

Thình lình có tiếng nổ chát chúa. Chim bồ câu tòa bay tứ tán. Đức Ông Dziwisz nói: “Ngay lúc đó tôi không biết việc gì xảy ra, vì không ai nghĩ tới chuyện có kẻ muốn giết Đức Giáo hoàng.”

Nhưng riêng ngài và đội bảo vệ hẳn là biết ngài đang ở trong vòng nguy hiểm. Mới ngày 16.2 vừa rồi ở Karachi, 1 giờ trước khi Đức Giáo hoàng đến vận động trường thành phố, một trái bom phát nổ làm kẻ mang bom bị thiệt mạng. Ngày 26.11.1979, Mehmet Ali Agca, một tay khủng bố Thổ nhĩ kỳ, đã công khai thể sẽ giết Đức Giáo hoàng khi ngài đến nước Thổ. Tháng 1.1980, Alexandre

De Marenches, Giám đốc Mật vụ Pháp, gọi đặc phái viên báo cho Đức Giáo hoàng biết về một kế hoạch của cộng sản tìm cách ám hại ngài.

Ông ta ghi trong hồi ký, “Đức Thánh Cha trả lời rằng, vận mệnh của ngài nằm trong tay Chúa. Thế nên chúng tôi không bao giờ nói đến chuyện ấy nữa. Với lại tưởng rằng vì nước Ý và Vatican có liên hệ chặt chẽ với nhau nên có gì thì sở tình báo Vatican sẽ báo cho Roma biết chứ.” Nhưng trên thực tế chưa có chuyện ấy xảy ra.

Như vậy là tên hung thủ bắn mấy phát, hai phát trúng Đức Giáo hoàng, chính là Mehmet Ali Agca, sử dụng khẩu Browning 9mm, đúng cách Đức Giáo hoàng không quá 6 mét. Khi bị trúng đạn, Đức Giáo hoàng khụy vào người Đức Ông Dziwisz. Đức ông bảo: “Tôi biết Đức Thánh Cha bị bắn nhưng lại không thấy ngài có máu hoặc vết thương. Tôi hỏi ngài “Đâu?”. Ngài bảo “Ở bụng”

Đức Giáo hoàng bị bắn trọng thương ở bụng, cùi chỏ bên tay phải và ngón tay trở bàn tay trái. Xe cứu thương tới, chở ngay ngài vào nhà thương. Từ chỗ bị bắn chạy tới bệnh xá Gemelli hết 8 phút. Đức Ông Dziwisz bảo không biết trong thời gian đó ngài có hoàn toàn tỉnh táo hay không. “Ngài không nói một lời thất vọng hay oán trách nào, chỉ là những lời cầu nguyện thốt ra từ cơn đau đớn. Maria, mẹ con! Maria, mẹ con!”

Tại bệnh xá Gemelli, Đức Giáo hoàng được đưa ngay lên phòng cấp cứu lầu 10 dành riêng cho ngài, sau đó sang phòng giải phẫu. Ngài bị mất nhiều máu, và vì tình trạng thương tích trầm trọng nên ngài đã được chịu các nghi thức sau cùng.

Cuộc giải phẫu kéo dài 5 giờ 20 phút. Một đoạn ruột

dài 20 inch (50cm) của Đức Gioan Phaolo bị cắt bỏ. Đức Ông Dziwisz nói “Niềm hy vọng cứ nhen nhúm dần trong cuộc giải phẫu. Sau đó biết được là không có bộ phận tối hệ trọng nào bị trúng thương nên biết ngài có thể qua khỏi.”

Cũng giống như viên đạn chút xíu nữa giết chết ông Reagan, viên đạn này cũng chỉ cách động mạch tim của Đức Giáo hoàng có vài milimét. Đức Ông Dziwisz nói: “Nếu trúng động mạch tim là chết ngay. Viên đạn không chạm tới những nơi trọng yếu nào cả. Thật là một phép lạ”.

Về sau Đức Giáo hoàng nói: “Một bàn tay bắn nhưng có một bàn tay khác dẫn viên đạn đi.” Ngài cũng nói với nhà báo Andre Frossard rằng: “Tôi cảm thấy rõ rệt tôi được cứu thoát, ngay cả trong lúc hiểm nghèo nhất.” Ngài bảo Đức Mẹ Fatima đã cứu ngài. Ngài bị bắn vào ngày 13.5 là ngày kỷ niệm ngày Đức Mẹ hiện ra lần đầu tiên tại Fatima, và cũng là ngày lễ kính.

Đức Mẹ hiện ra ở Fatima nước Bồ Đào Nha với ba em nhỏ chăn chiên năm 1917. Sự kiện Fatima là một trong những sự kiện được tôn kính nhất trong đạo Công giáo. Trong các lần hiện ra, Đức Mẹ đã nói ba điều tiên tri: nước Nga sẽ trở lại sau khi gieo rắc lầm lạc khắp thế giới; hai trong ba em sẽ chết sớm. Điều thứ ba là một điều bí mật ghê gớm được niêm kín trong một phong thư để ở Vatican và chỉ có các giáo hoàng được biết.

Lí do đứng đằng sau sự cố sát Đức Giáo hoàng đã trở nên một trong những điều huyền bí nhất của thế kỷ 20. Các cố vấn và các thân cận của Đức Giáo hoàng đều nghĩ

rằng Nga sô hoặc đồng minh của họ đứng đằng sau tên hung thủ này. Quả thế, sau cuộc ám sát, các nhân viên điều tra rất muốn nhưng lại không đủ chứng cứ kết luận rằng Agca được mật vụ Bảo-gia-lợi sử dụng, là cơ quan khét tiếng làm tay sai cho KGB của Sô-viết.

Ali Agca là một tay trong nhóm “mafia Thổ nhĩ kỳ”, nổi tiếng với những vụ khủng bố, buôn lậu vũ khí và thuốc men giữa biên giới Bảo và Thổ. Anh ta đã từng bị bắt nhưng ra khỏi tù một cách dễ dàng nhờ những bàn tay bí mật. Ngày 28.11.1979 anh ta gửi báo *Miliyet* một lá thư nói rằng, những tay đế quốc Tây phương lo sợ Thổ và những quốc gia Hồi giáo anh em trở thành một lực lượng chính trị, quân sự, và kinh tế ở Trung Đông nên muốn gọi đến nước Thổ trong hoàn cảnh khẩn trương này, một vị tu lệnh là Gioan Phaolo II, giả dạng là một nhà lãnh đạo tôn giáo. Nếu chúng không bãi bỏ cuộc thăm viếng, tôi dứt khoát sẽ giết ông giáo hoàng tu lệnh ấy.

Agca cũng cho biết đã có kế hoạch ám sát Walesa hồi tháng 1.1981 khi ông này đến Roma yết kiến Đức Giáo hoàng, bằng cách đặt bom trong xe đậu trước khách sạn. Vì sự canh phòng quá ngặt nên công việc bất thành.

Vào khoảng thời gian Agca khai là chuẩn bị kế hoạch ám sát Đức Giáo hoàng, bộ quốc phòng Ý cho biết những làn sóng điện trao đổi từ Bảo-gia-lợi tới Ý bỗng tăng vọt. Cơ quan An ninh quốc gia Mỹ, với những phương tiện kỹ thuật siêu đẳng, ghi nhận những làn sóng phát thanh, điện thoại, điện tín, và siêu âm khắp thế giới cũng xác nhận vào khoảng tháng 3, tháng 4.1981 những tín hiệu

bí mật được gửi đi giữa tòa đại sứ Bảo ở Roma và Phòng Mật vụ Trung ương của Bảo tại Sofia tăng lên một cách rõ rệt. Thế rồi hai tuần trước vụ ám sát, mọi sự trao đổi bỗng ngưng hẳn.

Vào tháng 7 năm 1981 một nhân viên đại sứ Bảo-gia-lợi ở Paris tiết lộ cho các nhân viên tình báo Pháp rằng kế hoạch ám sát Đức Giáo hoàng từ tay mật vụ Bảo thi hành là do lệnh của KGB. Người tiết lộ nói anh ta biết được là nhờ một người bạn cao cấp trong cơ quan phản gián của Bảo-gia-lợi.

Một số phản quan trọng trong hồ sơ nghi ngờ Nga sô lên lút với Bảo-gia-lợi trong vụ này đã được đăng trước tiên trên báo *Reader's Digest*, do cố phóng viên Claire Sterling hợp tác với nhân viên điều tra Ý, ghi lại.

Giám đốc CIA Casey luôn luôn tin là Nga sô có trách nhiệm trong việc cố sát này và ông cũng thấy hồ sơ của Sterling viết rất đáng để ý. Những người đồng ý với ông phải kể các ông Zbigniew Brzezinski và Henry Kissinger.

Dù sự thật thế nào chăng nữa, rõ ràng là giới lãnh đạo cộng sản Sô-viết rất quan ngại Đức Giáo hoàng, và thất vọng vì lãnh đạo Ba-lan đã không làm rạn nứt được Giáo Hội.

Đức Giáo hoàng Gioan Phaolo II quyết định đi thăm tên hung thủ trong tù ngày 23.12.1983. Đức Hồng y Deskur bảo rằng cử chỉ này của Đức Giáo hoàng gửi nhắn cho Sô-viết một thông điệp tha thứ, ngài không muốn người ta điều tra thêm vấn đề này. Một số yếu nhân tòa thánh nhận định rằng nếu Đức Giáo hoàng tỏ ý kết án Sô-viết trong việc cố sát này thì tình hình hòa bình thế

giới sẽ đổi khác, và Sô-viét sẽ bị quốc tế cô lập một cách trầm trọng.

Ali Agca bị giam trong nhà tù ở Roma. Đức Giáo hoàng vào nói chuyện với anh ta bằng tiếng Ý trong thời gian 20 phút. Sau cuộc nói chuyện, anh ta quì xuống hôn tay ngài. Trong những cuộc phỏng vấn sau đó, anh ta nói: “Đức Giáo hoàng biết hết mọi sự.”

Bốn ngày sau khi Đức Giáo hoàng bị bắn, ngày 17.5, Tổng thống Reagan vừa lành bệnh được phần nào, lần đầu tiên sau khi bị ám sát hụt, đọc diễn văn cho buổi lễ ra trường của Đại học Notre Dame ở Indiana. Ông tiên tri: “Những năm sắp đến là những năm lớn lao cho đất nước chúng ta vì sự tự do và vì sự lan rộng nền văn minh nhân loại. Tây phương sẽ không còn chế độ cộng sản nữa, nó sẽ biến đổi chủ nghĩa cộng sản. Chúng ta sẽ không còn phiền hà gì đến nó nữa, chúng ta chỉ cần bỏ nó đi như lật qua một trang sử buồn thảm và quái ác của nhân loại. Lúc này là thời gian viết những trang cuối cùng của nó.”

Mới ngày hôm qua, 300 ngàn người dự thánh lễ ngoài trời ở Krakow đã cầu nguyện cho Đức Wojtyla của họ, và cũng cầu nguyện cho Đức Hồng y Wyszynski đang trong cơn trọng bệnh. Tổng thống nói tiếp: “Chính Đức Giáo hoàng Gioan Phaolo II, năm ngoái trong thông điệp của ngài, đã kêu gọi tha thứ và công lý thay cho những lý thuyết kinh tế nào đó dùng tranh đấu giai cấp để nguy hiểm cho sự bất công rằng “nhân danh công lý để phá, để giết, để cướp đoạt tự do hay để bóc lột những quyền căn bản của con người.”

“Đối với Tây Phương và Mỹ, đây là lúc phải cho thế giới

biết rằng những tư tưởng văn minh, văn hóa, và những giá trị của chúng ta không phải chỉ là một phần của sức mạnh, như ý thức hệ và bộ máy chiến tranh của những chế độ độc tài quan niệm. Đây là lúc thế giới đã biết rằng những giá trị trí thức và tinh thần của chúng ta được bắt rễ từ cái nguồn của toàn bộ sức mạnh thật, là niềm tin vào một hữu thể siêu việt, một luật cao hơn thú luật của loài người.”

Tổng thống Reagan không những chỉ trích dẫn lời của Đức Giáo hoàng, mà ông còn có cái giọng văn tôn giáo rất giống Đức Giáo hoàng.

Ngay sau đó, Cố vấn An ninh quốc gia Richard Allen đại diện Toà Bạch ốc viết cho ông William Wilson, Đặc sứ Ngoại giao mới của Tổng thống ở Vatican rằng: “Những bàn thảo của ông với Vatican về tình hình Trung Mỹ châu có một tầm hệ trọng bậc nhất. Chúng ta cần hợp tác chặt chẽ với Giáo Hội để bảo đảm được nền dân chủ và công lý bền vững. Xin ông cũng chuyển lời cho Đức Hồng y Bộ trưởng Ngoại giao Toà thánh Casaroli rằng, Tổng thống đặt ưu tiên bậc nhất để được làm việc chung với Giáo Hội trong những mục tiêu chung dành cho Trung Mỹ châu.”

CHƯƠNG 19

GIÁ TRỊ LAO ĐỘNG

Cả Tổng thống Reagan và Đức Giáo hoàng phải chịu những biến chứng khá nặng vì vết đạn. Nhưng hai vị vẫn chuyên tâm đến vấn đề Ba-lan. Không những thế, hai vị lại còn lạc quan, không chỉ dựa trên những biến chuyển cụ thể mà còn dựa vào những ý niệm lịch sử, niềm tin và tinh thần.

Ngày 6.9 dù còn đang yếu, bằng những lời rất mạnh, Đức Gioan Phaolo II nói trước một nhóm người hành hương Ba-lan ở Castel Gandolfo rằng: “Quyền độc lập của quê hương chúng ta là một điều kiện để thế giới được hòa bình.”

Lời ấy của Đức Giáo hoàng đến đúng lúc khi công đoàn Solidarity mở đại hội toàn quốc lần thứ nhất. Lech Walesa cẩn thận tránh không đụng chạm với nhà nước. Ông bảo công đoàn đã khá coi thường chính quyền, đã quá tự tin. Những cuộc đình công ở Ba-lan đã làm cho cả

khối Đông Âu bị thiếu thốn. Đáp lại, Sô-viét bắt đầu một cuộc thao diễn 9 ngày ở biển Baltic và chung quanh Ba-lan, với 6 chiến hạm và hơn 100 ngàn quân.

Kết quả của cuộc đại hội công đoàn toàn quốc được Brezhnev nhận định dựa trên lời “Kêu gọi Nhân dân Đông Âu” của công đoàn là “lời kéo và nguy hiểm. Nó ngắn nhưng tựu trung là có ý gây rối loạn trong các nước xã hội chủ nghĩa và kích thích những nhóm phản loạn.”

Ngày 17.9 Đức Giáo hoàng bổ nhiệm Đức Giám mục Josef Glemp kế vị Đức Hồng y Chuồng ấn Wyszynski đang hấp hối. Trong cuộc họp với Đức Giám mục Glemp và Kania, Jaruzelski cho biết biện pháp thiết quân luật chắc không thể tránh vì Solidarity có chiều hướng quá khích, và Moscow không thể chịu được. Ông chuyển lời qua Đức Giám mục tới Đức Giáo hoàng xin được chia sẻ nỗi lo lắng, sự thông cảm nếu có những biện pháp dù khắt khe nhưng để cứu đất nước khỏi đổ vỡ.

Phương thức dù nguyên tắc nhưng quan tâm của Đức Giáo hoàng được diễn tả trong thông điệp *Laborem Exercens* (Giá trị Lao động của Con Người). Thông điệp đòi tôn trọng phẩm giá của công nhân, họ có quyền thành lập công đoàn, nhưng họ cũng có trách nhiệm về đời sống kinh tế và xã hội của đất nước.

Thông điệp này của Đức Giáo hoàng là một cố gắng trở thành cuốn chỉ nam cho công nhân bằng nhân sinh quan Kitô giáo chứ không là nhân sinh quan marxist. Đây là lần đầu tiên một vị giáo hoàng viết nguyên một thông điệp về lao động. Trong thông điệp này, Đức Gioan Phaolo II kêu gọi một quyền sở hữu có giới hạn mà chưa một vị

giáo hoàng tiền nhiệm nào làm. Ngài viết: “Quyền tư hữu được bỏ tức bằng quyền sử dụng công ích... Quyền sở hữu chủ của những phương tiện sản xuất, dù là công, tư hay tập thể, chỉ hợp lý khi nó phục vụ để thăng tiến lao động.”

Từ thời Đức Giáo hoàng Leo XIII cuối thế kỷ 19, các giáo hoàng đã lên án nền kinh tế cạnh tranh của tư bản cũng như kinh tế chỉ huy của marxist. Đức Gioan Phaolo II tiến xa hơn một bước khi tuyên bố quyền ưu tiên tuyệt đối của lao động còn ở trên tài sản, dù là trong chế độ tư bản hay cộng sản.

Có những phần trong thông điệp, dường như Đức Giáo hoàng muốn cung cấp một căn bản lý thuyết cho một công đoàn đầu tiên trong lịch sử chống lại giới lãnh đạo cộng sản, dù ngài nói tổ chức ấy không giống như một đảng phái chính trị.

Trong thông điệp Giá trị Lao động của Con Người, Đức Gioan Phaolo II đặt tất cả mọi sự trong bối cảnh nhân sinh quan Kitô giáo. Lao động là vất vả, đó là hình phạt của tội nguyên tổ, nhưng trên hết, lao động là khả năng sáng tạo. “Do làm việc, con người tham dự vào công việc của Đấng Tạo Hóa... Chúa Kitô thuộc về thế giới lao động.”

Đồng thời Đức Giáo hoàng cũng nói lên những ý niệm song song với tư tưởng của Marx nhưng lên án chúng vì chúng hạ giá phẩm tính và nhân chủ tính của con người: “Sự làm việc mang lại cho con người một dấu tích của nhân tính, dấu hiệu của một người trong cộng đồng nhân loại. Và dấu hiệu này xác định đặc tính nội tại của người ấy. Nó tạo nên chính bản chất của họ.”

Thông điệp *Laborem Exercens* ngay lập tức trở thành cuốn Phúc Âm của giới lao động. Ở những quốc gia trong thế giới thứ ba, thông điệp này làm vững mạnh những dẫn thân xã hội của Giáo Hội. Ở Ba-lan, công đoàn Solidarity có được một tài liệu làm kim chỉ nam.

CHƯƠNG 20

SỐ PHẬN

ĐÃ ĐƯỢC ĐỊNH ĐOẠT

Tới giữa tháng 10.1981 tình hình Ba-lan tiến gần đến mức rối loạn. Hình như không còn ai có thể cai trị đất nước nổi nữa. Đảng cộng sản Ba-lan và công đoàn Solidarity đều có những đòi hỏi cứng rắn, căng thẳng. Đã có những cuộc va chạm vũ lực giữa lực lượng an ninh và dân sự. Kinh tế ở trong tình trạng khủng hoảng vì những cuộc đình công liên tục. Nhu yếu phẩm như xà bông và kem đánh răng cũng không có mà mua.

Ngày 18.10, Moscow cất chức Tổng Bí thư đảng của Kania và cho Jaruzelski lên thay, với hy vọng rằng ông này có thể dùng ảnh hưởng quân sự để phục hồi lại quyền bính.

Vào ngày 4.11, Jaruzelski, Walesa, và Giám mục Glemp họp tại văn phòng thủ tướng. Đây là một cuộc họp đầu tiên giữa ba lực lượng: Giáo Hội, nhà nước, và công đoàn. Jaruzelski đề nghị thành lập một “Mặt Trận Kết

Hợp Toàn Dân” để chấm dứt những rối loạn và để tạo một diễn đàn đối thoại giữa các lực lượng chính trị và xã hội, để “giữ Ba-lan trong những nguyên tắc hợp hiến.”

Đề nghị này không tìm được sự đồng thuận. Giám mục Glemp đồng ý với Jaruzelski nhưng Walesa thì không. Ông ta vẫn chỉ một mực rằng chỉ có công đoàn Solidarity là đại diện chính thức của công nhân Ba-lan.

Sau khi khoẻ lại, Đức Giáo hoàng trực tiếp để ý đến vấn đề Ba-lan hằng ngày. Đầu tháng 11, ngài tiếp một phái đoàn trí thức Ba-lan, trong đó có nhiều người là cố vấn cho công đoàn Solidarity. Trong cuộc tiếp kiến, ngài làm họ ngạc nhiên khi nói trắng ra rằng, cộng sản sẽ thua ở Ba-lan, cuộc tranh đấu sẽ thắng bất chấp mọi khó khăn.

Đức Giáo hoàng nói, cuối cùng một sự việc xảy ra ở Ba-lan mà không cách gì tái hồi. Dân chúng sẽ không còn thụ động nữa. Từ trước tới giờ người ta dựa vào sự thụ động của dân chúng để cai trị. Bây giờ không còn như thế nữa. Số phận của kẻ cai trị đã được định đoạt rồi. Họ sẽ phải thua.

Phái đoàn ai nấy còn sùng sốt hơn khi nghe Đức Wojtyla nói đến nếu có sự kiện Xô-viết xâm lăng. Ngài nói: “Có thể là họ xâm lăng nhưng chúng ta sẽ làm mọi cách gìn giữ đất nước Ba-lan không bị xâm phạm. Tuy thế, chúng ta không chỉ hoạt động trong chiều hướng cảm thấy như thế. Xô-viết có đe dọa cũng không thể làm gì được những thành quả căn bản hay những nguyên tắc của Công đoàn Solidarity.”

Các Giám mục Ba-lan thường xuyên nói về những giới hạn khi đòi hỏi những quyền lợi căn bản và phẩm giá của

công nhân. Khi có sự đe dọa của Sô-viết thì những cố vấn của công đoàn tìm cách hòa giải. “Sợ Sô-viết đổ quân xâm lược bao giờ cũng là tiêu chuẩn quyết định trong các cuộc bàn cãi.” Nhưng Đức Giáo hoàng lại nói về những nguyên tắc không thể nhượng bộ, về những quyền lợi bất di dịch của người dân Ba-lan.

Trong khi đó ở Moscow, Brezhnev nổi giận khi biết Jaruzelski thành lập Mặt Trận Kết Hợp Toàn Dân, vừa ngồi chung với Giáo Hội và Công đoàn, vừa được Giáo hoàng ủng hộ. Ông ta kết luận: “Rõ ràng bây giờ không còn cách nào cứu vãn xã hội chủ nghĩa Ba-lan mà không đánh lại kẻ thù của giai cấp. Vấn đề không còn là có hay không, mà chỉ còn là ai đứng ra, thi hành thế nào, và ai khởi đầu.”

Giữa tháng 11, Jaruzelski cố gắng ngăn cản các cuộc đình công trên toàn quốc. Các cuộc đình công chống lại những điều kiện lao động và mức sống tồi tệ ở Ba-lan. Chỉ có một số ít thợ được chở từ Sô-viết đến mà lại chở trên những chuyến tàu dơ bẩn. Công nhân Ba-lan từ chối không chịu dỡ hàng. Trong tháng này có 115 cuộc đình công vô hạn định với hàng triệu công nhân tham dự. Trong khi ấy có 115 vụ khác đang chuẩn bị.

Nhiều thành phố bị quân đội kiểm soát theo lệnh của Jaruzelski. Lực lượng vũ trang chỉ can thiệp vào nơi nào có bạo động. Bằng cách hành sự chừng mực như thế, chính quyền có ý nói cho Solidarity biết rằng nếu công đoàn tự chế được trong vòng trật tự, quân đội sẽ tránh không can thiệp gì cả. Ông cũng khuyến cáo công đoàn và Giáo Hội rằng thế nào cũng phải áp dụng thiết quân luật trừ khi

công đoàn giữ được 3 điều kiện sau đây: không đình công cho hết mùa đông, bãi bỏ việc tổ chức ngày kỷ niệm cuộc nổi dậy ở Gdansk vào ngày 17.12, và công đoàn phải trở lại trong khuôn khổ đối thoại với chính quyền.

Ông cũng hết lòng trông cậy Giáo Hội thuyết phục công đoàn để đình đình công trong mùa đông, và dành cho ông những thẩm quyền trong lúc khẩn cấp. Nhưng Giám mục Glemp sau khi tham khảo ý kiến với Đức Giáo hoàng, nói rằng những điều kiện của Jaruzelski đưa ra có thể gây nên “những rối loạn”. Đối với Đức Giáo hoàng, ngài vẫn muốn các Giám mục Ba-lan cứng rắn về những đòi hỏi trong hiệp ước đã ký kết năm 1980. Quyền đình công vẫn là quyền tự do căn bản và là phẩm giá của công nhân, mặc dù họ có trách nhiệm không đi ngược lại ích lợi của đất nước.

CHƯƠNG 21

TÀI LIỆU TÌNH BÁO CIA

Buổi sáng ngày 30.11.1981, một buổi sáng cũng như mọi buổi sáng thường ngày ở đền Vatican, Đức Giáo hoàng thức dậy lúc 5 giờ, làm công việc vệ sinh ban sáng, rồi bước tới ngôi nhà nguyện riêng của ngài gần đó. Ngài sẽ cầu nguyện khoảng hơn một giờ. Đôi khi sự cầu nguyện thống thiết đến độ biến thành tiếng rên rỉ. Có những trường hợp phụ tá của ngài thấy ngài nằm phục trên nền đá lạnh, cứng đờ như chết, hai tay dang ra như hình thập giá. Cả những người cộng sản Ba-lan cũng có những bản phúc trình về sự cầu nguyện thần bí này của ngài. Họ báo cáo cho Moscow rằng Đức Giáo hoàng mỗi ngày dành từ 6 đến 8 giờ để cầu nguyện và chiêm niệm. Ông Vernon Walters là đặc sứ của Tổng thống Reagan được gọi tới Vatican để bàn chuyện với Đức Giáo hoàng. Ông này là một tướng lĩnh trong quân đội Mỹ có thể nói được 8 thứ tiếng. Ông nói bằng tiếng Anh:

– Thưa Đức Thánh Cha, cha muốn nói chuyện bằng tiếng gì?

Đức Giáo hoàng trả lời bằng tiếng Anh:

– Hàng ngày tôi làm việc bằng tiếng Ý. Tiếng Ý đối với tôi thuận tiện hơn.

Thưa Đức Thánh Cha, con mang tới cha lời chào của Tổng thống Mỹ.

Ông Walters đưa ra một phong bì đựng những tấm hình chụp từ vệ tinh. Ông nói:

– Tổng thống tin rằng cha cần biết những gì chúng con làm và lí do tại sao làm. Chúng con đã nói cho Sô-viết biết họ phải đứng ngoài nếu không muốn có những khủng hoảng trầm trọng trong mối bang giao Nga Mỹ.

Tròn một phút nhìn vào những tấm hình chụp từ vệ tinh, Đức Giáo hoàng nhận ra ngay được Xưởng Đóng Tàu Lenin ở Gdansk. Ngài lưu ý tới cái vòng màu tối cách xa xa những tòa nhà quen thuộc. Ngài chỉ vào cái vòng tối ấy hỏi:

– Đây là cái gì?

– Thưa, là những trang bị nặng.

Ông Walters cắt nghĩa:

– Đây là xe chở nhiên liệu, đây là một ống cống đường hầm, đây là một chiếc xe ủi đầu nhọn để xuyên thủng qua đá tuyết, dùng để mở đường tấn công.

Trong khi cắt nghĩa cho Đức Giáo hoàng, ông Walters chờ đợi ý kiến của ngài. Ông bảo: “Chúng tôi muốn biết xem ngài nói gì hơn là muốn nói cho ngài cái chúng tôi biết về hiện tình ở Ba-lan. Ngài có một thứ cơ quan tình báo lâu đời nhất thế giới, nếu không kể dân Israel,

nhưng tình báo của ngài chưa hề bị gián đoạn cả hàng nghìn năm nay.”

Ông Walters trao cho Đức Giáo hoàng một tấm hình khác, chụp hình quân đội Ba-lan. Ba-lan có một quân số và một lực lượng trừ bị lên đến 800 ngàn quân, trong đó có hai sư đoàn dù, ba sư đoàn thiết giáp sử dụng xe tăng T 72s do Ba-lan chế tạo, cùng loại với xe tăng Sô-viết sử dụng. Theo quan điểm tình báo Mỹ, ông Walters cũng cùng một ý nghĩ rằng, nếu quân của khối Warsaw theo lệnh Sô-viết xâm lăng Ba-lan thì quân Ba-lan sẽ đánh lại. Tình thế sẽ không giống như ở Tiệp năm 1968, hoặc ở Hung năm 1956.

Chúng không thể đề bẹp được Ba-lan trong một sớm một chiều.

Đức Giáo hoàng gật đầu với vẻ mặt dăm chiêu. Ông Walters tiếp:

– Sẽ có chiến tranh nếu Sô-viết xâm lăng. Có thể là một cuộc chiến nhỏ, ngắn, nhưng sẽ có. Dân Ba-lan sẽ đánh lại. Và không ai biết hậu quả sẽ như thế nào.

Về phía Sô-viết, quân đội cũng đang ở trong tình trạng giằng co. Lấn đổ quân vào Tiệp mà cũng cần có một triệu quân. Trong khi hiện nay vì cuộc xâm lăng A phú hân, quân đội Sô-viết đang phải mất máu. Thêm một cuộc phiêu lưu nữa hẳn là nhiều mạng người phải hy sinh. Đã hai lần quân Sô-viết chuẩn bị đổ quân rồi lại rút hồi tháng 12 và tháng 4 vì họ cũng biết là không dễ ăn như ở Czechoslovakia hồi 1968.

Hai thời điểm đó là lúc mà sức tranh đấu của công đoàn Solidarity đang ở cao độ. Đồng quan điểm với Tổng

thống Reagan, ông Casey, ông Haig ở Washington; ông Walters biết rằng cái sức mạnh trong lòng dân Ba-lan là Đức Wojtyla, cho dù ngài đang ngồi nơi bàn giấy bên trong những bức tường cổ của đền Vatican.

Sau khi ông Walters trình bày về hiện tình của công đoàn, về Walesa, cán nhắc con người cộng sản nhưng ái quốc của Jaruzelski, về chính sách của ông Haig (ngoại giao Mỹ) phải tế nhị như thế nào đối với chính quyền Ba-lan để công đoàn đừng tưởng nhầm mà nổi dậy như kinh nghiệm ở Hung, Đức Giáo hoàng nhấn mạnh rằng, phải giữ cho Giáo Hội Ba-lan vững mạnh chứ không thể để chịu đàn áp như ở các nước xã hội chủ nghĩa khác. Các linh mục đang bị đe dọa vì hỗ trợ công đoàn, nhưng phải kiên cường, thời của Đức Wyszynski đã là quá yếu.

Sau đó ông Walters trình bày về chính sách ngoại giao và quốc phòng Mỹ, về việc đặt hỏa tiễn tầm trung ở Tây Âu. Đức Giáo hoàng hỏi ông về tình hình Nam Mỹ châu, về chế độ độc tài ở Á căn đình và Chí lợi. Ông cũng trình bày cho ngài về Cuba, El Salvadore, Nicaragua, và Peru là những nơi chịu ảnh hưởng nặng của Sô-viết, chẳng hạn chỉ nguyên ở Peru không thôi đã có hơn 300 nhân viên quân sự Sô-viết, nhiều hơn tất cả nhân viên Mỹ ở Châu Mỹ Latin hợp lại, ngoại trừ căn cứ Panama.

Ông Walters có nhiều ấn tượng trong cuộc bàn thảo với Đức Giáo hoàng, từ dáng dấp, lời nói cho đến mắt nhìn. Nhận xét của ông không phải là độc nhất. Đại sứ Sô-viết ở Ý khi họp mặt với Đức Giáo hoàng cũng đã phúc trình về cho Brezhnev rằng: “Vừa khi chào ngài, người ta đã bị đánh động bởi cái nhìn của ngài rồi, một cái nhìn

xuyên thấu nhưng lại cũng độ lượng, hiền lành. Mỗi câu ngài nói tạo cho người ta một sự tin tưởng, một lời cuốn... Có sự dịu dàng trong chữ ngài dùng. Ngài không nói vội, mỗi câu nói đều hoàn hảo và chính xác. Ngài không có những chữ thừa.”

Trong đôi phút tâm sự sau đó, ông Walters nói với Đức Giáo hoàng rằng, khi ngài được bầu làm giáo hoàng, ông cũng có mặt tại Roma. Khi nghe tên ngài được loan báo, ông có tâm sự với một người bạn rằng, “Tôi vừa được nghe thấy tiếng đập cánh của Chúa Thánh Thần.”

Ngài nhìn sâu trong mắt ông, nói chậm rãi:

– Chúng ta cần Chúa Thánh Thần bây giờ, trong những lúc khó khăn này.

Sau cuộc nói chuyện với Đức Giáo hoàng, ông Walters càng tin hơn vào tầm quan trọng của Vatican trong các sự vụ toàn cầu. Ông nghĩ: “Trước hết, chưa từng có một vị giáo hoàng nào trước ngài hiểu được chủ nghĩa cộng sản ở mức độ như ngài. Thứ đến, ngài có được một Giáo Hội Ba-lan tương đối không bị ô nhiễm về mặt xã hội và mặt tôn giáo như đã xảy ra bên Tây phương thời hậu chiến.” Ông có thể nhìn thấy trước được Đức Giáo hoàng giúp ích Mỹ về những mặt trọng yếu cơ bản trong chính phủ Reagan: các vấn đề Đông Âu, Trung Mỹ châu, Trung Đông, các vấn đề khủng bố, kiểm soát vũ khí, những vấn đề luân lý căn bản trong xã hội. Theo ông, Đức Giáo hoàng là một thứ “siêu nhiên liệu.” Giáo Hội và Phúc Âm có một sức mạnh làm thay đổi thế giới.

CHƯƠNG 22 THIỆT QUÂN LUẬT

Nhìn vào đời sống dân chúng Ba-lan vào mùa đông 1981, người ta khó mà không nhầm với cảnh Ba-lan đổ nát sau Thế Chiến II. Ở thủ đô Warsaw, hàng chục ngàn người đàn ông, đàn bà, con nít co ro đứng xếp hàng, tay cầm sổ chờ được mua một chút ít thực phẩm cả nước còn lại. Đồng tiền zloty bây giờ chẳng còn giá trị gì. Ở khắp các thành phố, người ta mang đồ nhà ra đổi chác lấy những thứ tối cần như than đá, củi đun, xà bông, diêm, thuốc lá, rượu.

Người say rượu lúc nào cũng thấy có trên đường. Hoi một chút là xô xát, tay võ có, gậy gộc có. Công xưởng thì đóng cửa, thành ra cơ phận thiếu, máy móc thì rỉ sét. Trẻ con thì thiếu dinh dưỡng, thiếu sữa, thiếu bột. Kỹ nghệ y tế đóng cửa làm thuốc men thiếu hụt, bệnh nhân chết vì không thuốc. Hàng ngàn người tìm đường di dân. Công đoàn thì đổ tội cho chính phủ, chính phủ thì lên án công

đoàn. Giáo Hội đứng giữa tìm mọi cách hòa giải một cách vô vọng. Ngày 2.12 quân đội được trực thăng hộ tống bao vây tổng bộ cứu hỏa ở Warsaw (là một thành phần của quân đội) và giải tán ba trăm lính cứu hỏa trong binh phục đang đình công. Thế là ở Random, ngay trung tâm Ba-lan, Solidarity đáp trả bằng một cuộc tổng đình công. Lần này, dưới áp lực nặng nề, Walesa phải đồng ý. Hàng ngũ lãnh đạo công đoàn bây giờ quá khích hơn. Hồng y Chuông ấn Glemp không sao thuyết phục được công đoàn hòa dịu đi một chút.

Ngày 10.12, bộ Chính trị Sô-viết họp khẩn cấp. Jaruzelski than: “Đất nước tôi tan vỡ hết rồi. Đảng chẳng còn cái gì... Mọi quyền bính nằm trong tay công đoàn hết. Nếu quân đội chúng tôi không còn ngăn cản được sự chống đối của công đoàn thì các đồng chí cứ việc giúp.”

Nhưng đến nước này thì Sô-viết không còn cách nào trực tiếp can thiệp bằng quân sự được nữa. Andropov phải chua chát nhận định, rồi đến Gromyko; đến lượt Ustino, Suslov, Grishin, và Chernenko cũng không có ý kiến gì khác hơn.

Andropov tuyên bố:

– Chúng ta không thể liều mạng được. Chúng ta không có ý muốn mang quân vào Ba-lan, và nhất định cho đến cùng là không, dù tình hình Ba-lan có như thế nào chẳng nữa. Nếu Ba-lan sụp vì Solidarity thì đó là một việc. Nhưng nếu tất cả các nước tư bản dồn vào bao vây Sô-viết này – mà quả thực là chúng nó đã có những đồng ý với nhau về những biện pháp kinh tế và chính trị rồi đấy – thì chúng ta sẽ khốn đốn. Chúng ta phải quan tâm đến Liên bang Sô-viết trước đã.

Thế là Sô-viét chỉ còn mục tiêu bảo toàn quân đội và con đường vận chuyển chạy từ Nga băng qua Ba-lan tới Đông Đức.

Gromyko tiếp lời:

– Chúng ta nên tỏ thái độ hoà dịu lại với Jaruzelski và giới lãnh đạo Ba-lan, cho họ biết ta sẽ không dùng quân sự can thiệp. – Giọng ông ta có vẻ ưu tư như thể đã để mất Ba-lan rồi.

– Hôm nay chúng ta bàn vấn đề Ba-lan trong một cách thể chưa bao giờ có, là bởi vì chúng ta không biết được những sự kiện ở Ba-lan phát triển ra thế nào... Hoặc Ba-lan sẽ thua, hoặc là nó phải dứt khoát có biện pháp, áp dụng thiết quân luật, cô lập bọn Solidarity quá khích ra. Không có cách nào khác.

Suslov, nhà lý thuyết cộng sản 79 tuổi, lên tiếng:

– Trong suốt tiến trình biến cố xảy ra ở Ba-lan, chúng ta đã giữ được bình tĩnh. Đó là một thái độ biết chuộng hòa bình một cách đáng phục. Chúng ta không nên đổi khác. Chúng ta đã thành công trong việc thuyết phục Tây phương và khối thế giới thứ ba về chiến lược hòa bình của chúng ta. Chúng ta không hăm dọa ai mà chỉ hành động một cách tự vệ. Kẻ hăm dọa hòa bình là Ronald Reagan và chương trình tái thiết quân đội của ông ta kia.

Ông ta tiếp:

– Chúng ta đã tiến những bước dài trong việc kiến tạo hòa bình. Đồng chí Brezhnev đi thăm nước Cộng hoà Dân chủ Đức, và những công cuộc hòa bình khác đủ để các nước yêu chuộng hòa bình hiểu rằng Sô-viét chúng ta kiên trì, nỗ lực trong chính sách hòa bình. Bởi thế chúng

ta sẽ không làm khác trong vấn đề Ba-lan. Hãy để các đồng chí ấy tự liệu lấy.

Trong khi ấy, ngày 11, 12.12, các đại biểu công đoàn toàn quốc họp tại Gdansk. Dù trong tình trạng nghỉ rằng quân đội Sô-viết chuẩn bị đổ bộ, giới lãnh đạo công đoàn vẫn có những đòi hỏi nhiều tham vọng: đòi bầu cử tự do vào quốc hội và các hội đồng chính phủ, đòi công nhân có quyền điều hành và quyết định trong hãng xưởng, đòi trung cầu dân ý về chế độ cộng sản.

Walesa ngồi im như tượng đá. Ông vẫn muốn một liên hiệp quốc gia ba thành phần. Thế là cuộc họp bất thành phải chấm dứt lúc nửa đêm ngày 12.12. Trong vòng hai tiếng đồng hồ sau, hầu hết các đại biểu đều bị bắt. Walesa cũng bị bắt.

Jaruzelski bắt buộc phải chọn ngày 12.12 để áp dụng thiết quân luật bởi vì ông biết sẽ bị gọi đi Moscow vào ngày 14 (mặc dù chưa có giấy mời chính thức) và ông vẫn bị ám ảnh bởi vụ Dubcek bị mời đi họp rồi bị bắt luôn, hồi 1968. Tới thời điểm này, ông biết rằng là khó tránh dùng thiết quân luật. Ông đã chờ đợi Solidarity có những dấu hiệu hòa hoãn nhưng họ từ chối không chịu bãi bỏ một cuộc biểu tình vì đại được dự tính vào 4 giờ chiều ngày 17.12. Mà như thế thì không khác gì biến cố Budapest năm 1956, châm ngòi cho những chuỗi biến động đẫm máu.

Đêm thứ bảy lệnh thiết quân luật được chuẩn bị. Sáng chủ nhật 13 tháng 12, dân chúng thức dậy thấy xe tăng đầy đường và không có chỗ nào có người tụ họp trừ thánh lễ ở nhà thờ. 6 giờ sáng, Jaruzelski lên truyền hình tuyên bố lệnh thiết quân luật trên toàn quốc. Vào lúc ông vừa

chấm dứt bài diễn văn dài 22 phút, đã có hàng ngàn người bị tổng giam. Ông ta nói, những người bị bắt là những tay phản động muốn lật đổ chính quyền.

Người ta có thể nhìn thấy trước, từ nay đất nước sẽ được Hội Đồng Quân Nhân Cứu Quốc cai trị. Những luật, lệnh được dán ở các cột đèn, góc đường, gốc cây khắp thành phố và cả miền quê. Cả nước ở trong tình trạng ứng chiến. Lệnh giới nghiêm ban đêm được áp dụng vô hạn định. Chỉ có lực lượng quân đội và an ninh là được sử dụng điện thoại, còn tất cả bị cúp hết trong một tháng. Mọi liên lạc ra ngoại quốc đều bị kiểm duyệt ngặt. Trường học, rạp hát bị đóng cửa. Nhà thờ được mở nhưng mọi cuộc hội họp bị cấm. Không có chuyện du lịch, du thuyền, hay bơi chèo gì cả. Cấm ăn loét, cấm cả việc mua bán bằng mực đánh máy chữ và giấy in.

Quân đội sẽ điều hành tất cả phương tiện giao thông, liên lạc thư tín, phát thanh, phân phối nhiên liệu và sản phẩm. Biên giới đóng cửa, đường hàng không cũng đóng. Các xưởng ngôn viên trên vô tuyến truyền hình phải mặc quân phục.

Nhận định về thời điểm này, cựu Tổng bí thư đảng Kania bảo rằng: “Thiết quân luật được áp dụng ở Ba-lan không gặp một sự chống đối lớn nào, cũng không có đổ máu, lí do là dân chúng muốn thế. Họ đã mệt mỏi với tình trạng kinh tế kiệt quệ của đất nước, đã chán cái kiểu đình công mãi thế này rồi. Trong khi ấy thì Solidarity lại tuyên bố một cuộc tranh đấu dứt điểm làm họ sợ. Bây giờ việc ủng hộ công đoàn cần phải được xét lại.”

Dẫu vậy, Jaruzelski không kỳ vọng một phép lạ. Ông

biết phía Giáo Hội chưa chắc gì hoan nghênh việc ông làm, dù ông đã đem trật tự lại cho xã hội. Ông cũng biết rồi đây dù có thành công, tình hình Ba-lan cũng không thể trở lại tình trạng trước tháng 8.1980 được. Ba-lan cần phải đổi mới kinh tế hầu có thể vươn lên được. Có thể vẫn cần dành một chỗ riêng cho công đoàn. Nhưng dù thế nào thì mọi thành phần của xã hội Ba-lan này – chính quyền, công đoàn, dân chúng, đảng, và trên hết là Giáo Hội – tất cả phải biết có những giới hạn.

Trong bài giảng thánh lễ Chúa Nhật, Hồng y Chương ấn Glemp giảng một bài về tình hình thiết quân luật mà người ta có thể hiểu được rằng, “không nên chống lại vì có thể gây đổ máu” và “chính quyền đã cân nhắc khi phải áp dụng thiết quân luật thay cho một sự tệ hại lớn lao hơn”. Sau bài giảng, có những đoàn viên công đoàn gọi ngài là “đồng chí Glemp”.

CHƯƠNG 23

ÂU LO VÀ HY VỌNG

Vatican nghe được tin về Ba-lan bị áp dụng thiết quân luật nhờ radio nhưng sau đó thì không còn được biết thêm tin tức gì nữa. Các đường điện thoại ra khỏi Ba-lan đều bị cúp. Washington cũng không biết gì hơn. Vì mây mù bao phủ Ba-lan và các nước lân cận suốt mấy ngày liền nên vệ tinh không chụp được một tấm hình nào.

Phản ứng của Đức Giáo hoàng là cầu nguyện. Ngài cầu xin sự soi sáng để tìm hướng đi cho dân ngài. Điều ngài lo sợ nhất là người Ba-lan đánh người Ba-lan, sợ một cuộc nội chiến đẫm máu, và khi đó thì Sô-viét sẽ có cơ nhảy vào, và sẽ đổ máu nhiều hơn, đàn áp nhiều hơn.

Trong giờ cầu nguyện ban trưa ở Công trường Thánh Phêrô, trước đoàn người Ba-lan hành hương, ngài nói: “Xương máu người Ba-lan đã đổ ra quá nhiều, đặc biệt trong cuộc thế chiến. Không thể để người dân Ba-lan đổ thêm xương máu nữa. Phải tìm mọi cách xây dựng một

tương lai hòa bình cho quê hương Ba-lan.” Rồi ngài dâng dân tộc và đất nước Ba-lan cho Đức Mẹ Jasna Gora, “là đấng bảo vệ chúng ta.” Chỉ trong một giờ sau là các đài phát thanh đa ngữ tây phương nói tiếng Ba-lan đã loan đi thông điệp của ngài.

Sau đó các thánh bộ liên hệ hợp với Đức Giáo hoàng. Ngài đưa ra 4 điểm cấp thời là thâu thập mọi tin tức từ trong nước Ba-lan và tìm cách thông tin được với hàng giáo phẩm; tìm cách ngăn cản mọi can thiệp của Xô-viết; mở đường liên lạc với chính quyền thiết quân luật; cuối cùng là cho Ba-lan và cả thế giới biết rằng Đức Giáo hoàng và Giáo Hội đồng nhất “liên kết với đất nước Ba-lan.”

“Sự liên kết với dân tộc Ba-lan là để bênh đỡ những giá trị và nguyên tắc không thể sang nhượng được của con người và của đất nước. Những giá trị và nguyên tắc ấy phải tạo nên trong thời đại của chúng ta một mối liên kết trong chiều kích của thế giới Âu Châu và của thế giới hoàn vũ.”

Những ai ở gần Đức Giáo hoàng trong những giờ phút ấy có thể nhận thấy ngài rất lo buồn nhưng cũng thấy ngài đóng trọn vai trò tối cao cho vận mạng dân tộc ngài.

Toà Bạch ốc nhận được tin từ toà Đại sứ Mỹ ở Warsaw vào tối thứ bảy, giờ Washington, cho biết xe tăng đã kiểm soát thủ đô. Ngoài ra Mỹ không biết gì hơn.

Ông Bogdan Lewandowski, phụ tá Tổng thư ký Liên Hiệp quốc, là một công dân Ba-lan, có sự liên hệ mật thiết với phó Thủ tướng Ba-lan, ông Rakowski, thuộc cánh hữu của đảng. Nhờ mối liên hệ này mà ông trở thành chiếc cầu thông tin với Vatican. Ngày 17.12, ông tới Roma để gặp

Đức Giáo hoàng.

Trong cuộc thảo luận dài mấy tiếng đồng hồ, Đức Giáo hoàng nói nhiều về nỗi lo lắng về một cuộc đổ máu có thể có. Nhưng ngài cũng nói về sự tự do về chính trị và xã hội đã gặt hái được trong 16 tháng qua. Ông Lewandowski nói: “Tôi thấy được nơi ngài niềm hy vọng vào một viễn tượng trong tương lai hướng về một Liên bang Sô-viết Kitô giáo, và quê hương Ba-lan trở thành một quốc gia Công giáo mẫu mực, một nền Công giáo nhân dân” nêu gương cho thế giới Tây Phương đang thẩm nhiễm vật chất.” Có vẻ như đứng trước những nỗi âu lo và hy vọng, sứ mệnh giáo hoàng của ngài đang được trắc nghiệm. Ngài muốn ông Lewandowski thông đạt cái viễn ảnh ấy của ngài cho tướng Jaruzelski, đồng thời về mối ưu tư cấp bách của ngài về sự an nguy của dân chúng. Ngài muốn có đối thoại ngay giữa Giáo Hội và chính quyền, nhưng ngài cũng nhấn mạnh rằng vẫn phải giữ những nguyên tắc trong hiệp ước Gdansk.

Khoảng hai mươi mấy người đã bị thiệt mạng do lực lượng an ninh trong những ngày đầu thiết quân luật. Hàng trăm người bị thương và bị bắt tại xưởng đóng tàu ở Gdansk, nơi hàng ngàn công nhân vội tụ tập lại ngay sau khi nghe có lệnh thiết quân luật.

Một cuộc bạo động trầm trọng nhất xảy ra ở một mỏ than gần Kawodice, chỗ công nhân ngồi đình công. Vào ngày thứ ba, 15.12, hàng ngàn người bị vây lại. Thế là công nhân dọa sẽ cho nổ bom cả họ và công xưởng nếu chính phủ dùng vũ lực. Phía công nhân có gậy gộc, bom xăng, cốt mìn, và những vật dụng đầu nhọn.

Lúc 10 giờ sáng, lực lượng cảnh sát Zomo với 40 xe tăng

yểm trợ chặn lối vào công xưởng, bắt đầu bắn đạn cao su vào công nhân. Trong khi đó thì máy bay trực thăng thả bom cay xuống. 9 công nhân và 4 cảnh sát bị chết. Lực lượng cảnh sát lúc đó tấn công cả những bác sĩ và tài xế cứu thương đang chữa trị cho thương nhân. Có hơn 40 thương nhân cả thầy.

Tin tức được radio Ba-lan loan tải vào ngày hôm sau. Đức Gioan Phaolo II liền đích thân viết một lá thư gọi cho Jaruzelski với tư cách Giáo Hội và chính ngài là xương ngòn viên nhân danh đất nước và công lý. Bản sao được gọi đi các nguyên thủ các quốc gia, cho hàng giáo phẩm Ba-lan, cho Lech Walesa đang bị quản thúc tại gia. Nội dung lá thư:

“Những biến cố xảy ra ở Ba-lan từ khi có lệnh thiết quân luật đã mang đến chết chóc và thương tích cho đồng bào chúng ta khiến tôi phải lên tiếng kêu gọi khẩn cấp và hết lòng đến ông, cùng với lời cầu xin cho dòng máu Ba-lan ngưng đổ. Trong vòng hai thế kỷ vừa qua, đất nước Ba-lan đã phải chịu những sai lầm quá lớn lao, biết bao máu đổ vì tranh giành quyền lực. Lịch sử của chúng ta phải kêu gào xin dừng đổ máu thêm nữa, và chúng ta không thể để cho thảm kịch này tiếp diễn đè nặng trên lương tâm đất nước nữa. Vì thế tôi kêu mời ông, ông Đại Tướng, hãy trở lại phương pháp đối thoại hòa bình tốt đẹp mà chúng ta đã có từ tháng 8.1980. Cho dù đây có thể là một bước khó khăn nhưng không phải là không làm được.

“Sự an nguy của cả đất nước tùy thuộc vào đó. Các dân tộc trên thế giới, tất cả những dân tộc trên khắp thế giới, những ai nhìn thấy cái nguyên do đòi hòa bình và đòi sự

kính trọng những quyền của Con Người, đang chờ đợi giải pháp bất bạo động này. Sự ao ước hòa bình của tất cả nhân loại đòi chấm dứt lệnh thiết quân luật ở Ba-lan.

“Giáo Hội lên tiếng bênh vực đòi hỏi này. Chẳng bao lâu nữa là lễ Chúa Giáng Sinh, là lúc mà bao thế hệ con trai con gái Ba-lan kéo nhau đến rước Chúa vào lòng. Chúng ta phải cố gắng tìm mọi cách để những người yêu nước không phải hưởng một lễ Giáng Sinh dưới bóng áp bức và sự chết.

“Thưa Đại Tướng, tôi kêu gọi đến lương tâm của ông và lương tâm của tất cả những ai phải làm quyết định này.

“Điện Vatican ngày 18 tháng 12 năm 1981

Gioan Phaolo II”

CHƯƠNG 24

TẤN CÔNG VÀ NHƯỢNG BỘ

Đức Giáo hoàng đã tiên đoán đúng rằng Jaruzelski rất cần sự hợp tác của Giáo Hội để tìm ra một lối thoát trong hoàn cảnh cùng cực này. Vì Jaruzelski chỉ có hai lựa chọn, một là Giáo Hội, hai là Moscow. Đức Giáo hoàng tin rằng Jaruzelski cuối cùng sẽ tìm về sự che chở của Giáo Hội.

Sau khi sứ thần toà thánh được gọi đi Warsaw, và Phụ tá Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Lewandowski đi gặp Jaruzelski, ông bảo đảm rằng chính quyền sẽ không làm gì để gây đổ máu thêm nữa. Ông cũng hứa thi hành chính sách đổi mới kinh tế và xã hội như ông đã tuyên bố trước khi có lệnh thiết quân luật. Ông không dă động gì đến việc ông yêu cầu có thể có sự trợ giúp của lực lượng Warsaw, cũng không nói gì đến việc Sô-viết cho biết sẽ không can thiệp.

Ông Lewandowski nhận xét rằng, có lẽ lúc đó ông

Jaruzelski là một người bị ghét nhất nước Ba-lan. Tuy nhiên ông “là một trong những người Kitô hữu nhất, không phải chỉ vì ông được nuôi nấng và giáo dục theo đường lối Công giáo. Ông có vẻ tin rằng mình phải vác thánh giá, một thánh giá của sự ghét bỏ của dân chúng, của một tội lỗi muôn đời không được cứu chuộc ở đời này.”

Ngày 21.12, Lewandowski trở về Vatican phúc trình lại cho Đức Giáo hoàng. Ông cũng nói về ông Walesa bị quản thúc và vẫn tranh đấu như thế nào. Walesa đòi chính quyền thả những đoàn viên công đoàn bị bắt. Ông được phép gặp đại diện của giáo quyền.

Sau này Walesa viết rằng: “Mặc dù trong tình trạng thiết quân luật, Giáo Hội vẫn đóng một vai trò trung gian. Phân Giáo Hội, dù có thiện cảm với những lý tưởng của công đoàn, hàng giáo phẩm Ba-lan hoàn toàn tránh những tuyên bố hay những biện pháp quá chính trị, nên chính quyền rất ghi ơn.”

Nhưng cũng vì thái độ đó của Giáo Hội Ba-lan mà gây ra những bất đồng ý kiến giữa Walesa và Hồng y Chuông ấn Glemp. Walesa bảo chỉ vì giáo quyền muốn thương lượng mà ông ta phải bỏ hết đòi hỏi này tới đòi hỏi khác, cuối cùng là đứng ở vị thế cũng y như Giáo Hội, y như bước khởi đầu với chính quyền. Hồng y Glemp không tin Solidarity có thể thành công lắm.

Ở Roma thì khác. Đức Wojtyla tỏ ra càng ngày càng không chấp nhận tình hình ở Ba-lan trong tình trạng thiết quân luật. Ngài bảo với những phụ tá thân cận rằng Ba-lan bây giờ trở thành “một trại tập trung khổng lồ”. Tò thêm vào bức tranh đó, Giám mục Dabrowski Tổng

thư ký Hội đồng Giám mục Ba-lan đến Vatican ngày 21.12 cho Đức Giáo hoàng biết thêm rằng, các đoàn viên công đoàn bị ép buộc ký lời thề trung thành (với chính quyền) và từ bỏ công đoàn. Tuần báo *Tygodnik Powszechny* xưa nay thường in những bài viết của Đức Giáo hoàng, và nhà in Znak thường in những sách của ngài đã bị đóng cửa; vật giá sinh hoạt sửa soạn tăng vọt; Jaruzelski từ chối không muốn thương lượng với Walesa.

Trước hội đồng các thánh bộ, Đức Giáo hoàng nói: “Phải có một giải pháp hòa bình trong sự hợp tác giữa chính quyền và dân chúng trong tinh thần biết tôn trọng các giá trị xã hội, quốc gia, tinh thần, và tôn giáo của đất nước này.” Ngài tuyên bố: “Giáo Hội đứng ở bên cạnh giới công nhân.”

Giám mục Tổng thư ký Dabrowski cũng khác với Hồng y Glemp. Ngài cho rằng quá trình của công đoàn Solidarity đã ăn rễ sâu trong đất nước Ba-lan đến mức không thể phá hủy được. Ngài cũng không nghĩ rằng Sô-viết muốn đưa vai gánh vác một đất nước mà chế độ cộng sản đã bị chống đối quá nhiều và quá lâu. Nếu Sô-viết can thiệp, nó sẽ phải gánh lấy việc cai trị. Mà như thế, Sô-viết sẽ bị cả đảng cộng sản Ba-lan chống lại, trừ thành phần mang nặng tinh thần Stalinist mà thôi.

Đức Giáo hoàng cũng trong quan điểm rằng Giáo Hội và công đoàn Solidarity không thể mất hết những thành quả đã tranh đấu trong 16 tháng qua. Ngài nói về sự kiên nhẫn và thận trọng. Theo sự nhận định của ngài, mà tinh báo Mỹ cũng đồng ý, rằng Jaruzelski chủ trương theo đường lối của cựu chủ tịch Tito nước Nam Tư chứ không

muốn làm bù nhìn của Moscow, đặc biệt nếu Giáo Hội không quá dồn ép ông ta vào góc tường. Ngài vẫn tin vào lòng đạo kín đáo của Jaruzelski, một người đã nhận được sự giáo dục của các cha dòng Thánh Mầu.

Trong lời chúc lễ Giáng Sinh gửi về Ba-lan, Đức Giáo hoàng nói: “Từ nơi máng cỏ của Hài Nhi Giêsu, cha gửi đến lời chúc lành. Cha ôm lấy từng người và tất cả đất nước Ba-lan, đặc biệt những người đang bị đau khổ, bị xa cách những người thân yêu, bị áp bức và thất vọng. Biết bao người trên thế giới đang cầu nguyện cho Ba-lan. Xin Hài Đồng Giêsu giơ tay chúc lành. Người đã chỉ đường dẫn lối cho những mục đồng và những người thông thái, xin chỉ cho những người con trai con gái Ba-lan con đường tìm về một tương lai hòa bình, công lý, và tự do trên quê hương.”

Đây không phải chỉ là một cử chỉ hoàn toàn nghi lễ. Ngài quả quyết rằng đức tin và lời cầu nguyện có thể thay đổi được cục diện.

Ngày 6.1.1982 Jaruzelski trả lời thư Đức Giáo hoàng gửi ngày 18.12.1981. Trong thư, ông kể hàng loạt tội của công đoàn Solidarity, và dù thế ông hứa sử dụng mọi biện pháp nhân đạo. Ông xin Đức Giáo hoàng hỗ trợ ông trong những cố gắng giữ cho Ba-lan trong trật tự. Ông ký tên với với chức tướng lĩnh quân đội.

Lá thư ấy khiến Đức Giáo hoàng khó chịu. Trước đây ngài tránh không phê bình chính phủ Ba-lan, bây giờ ngài phải nói: “Những công nhân bị đe dọa sẽ mất việc nếu không ký vào những tuyên ngôn trái với lương tâm và lòng tin của họ. Sự xúc phạm này phá hủy con người trầm

trọng. Nó làm bầm dập nhân phẩm. Về một khía cạnh, nó còn nguy hại hơn là những thương tích thể xác, hơn sự giết chóc. Chúa Kitô bảo: Đừng sợ kẻ giết được thân xác các con nhưng tỏ là còn có sự ác lớn lao hơn đối với tinh thần và lượng tâm con người. Nguyên tắc phải tôn trọng lương tâm con người là một quyền căn bản của con người.”

Thế là dù hàng giáo phẩm Ba-lan dưới quyền của Hồng y Glemp không hỗ trợ con đường tranh đấu của công đoàn Solidarity, Đức Giáo hoàng vẫn tìm mọi cách ngầm giúp cho nó sống bằng mọi phương tiện ẩn lút, truyền thanh, gởi tài chánh và nhất là việc ngài chuẩn bị trở về nước lần thứ hai.

CHƯƠNG 25

HỢP THƯỢNG ĐỈNH

Trong năm 1981, và đầu 1982, Tổng thống Reagan và Đức Giáo hoàng Phaolô II đã bí mật trao đổi thư từ nhiều lần. Ngay khi Ba-lan có lệnh thiết quân luật, Reagan đã đặt vấn đề sử dụng những biện pháp kinh tế, chính trị, kỹ thuật đối với Sô-viét và Ba-lan. Ông ra lệnh cho các ông Casey và Walters cung cấp đầy đủ tin tức tình báo cho Đức Giáo hoàng không những về Ba-lan mà về cả những nước và vùng mà Đức Giáo hoàng muốn đi thăm viếng trong sứ mệnh tông đồ.

Vào ngày 7.6.1982, Tổng thống Reagan đến Vatican họp thượng đỉnh với Đức Giáo hoàng. Đây là một cuộc họp giữa hai siêu cường rất khác biệt mà lại là đồng minh bí mật của nhau. Hai nhân vật uy quyền nhất thế giới này họp riêng, không có người thứ ba hiện diện bàn về những vấn đề trọng yếu mà chưa có một nhà lãnh đạo nào khác của Tây phương đã bàn đến: sự sụp đổ tất yếu của đế quốc

cộng sản, vì những lí do tinh thần hơn là chiến lược, và thế giới tại hội nghị Yalta không được và không thể đứng vững nữa.

Mặc dù về phương diện trí thức Tổng thống và Đức Giáo hoàng có những khác biệt trái ngược, (Tổng thống Reagan có nhiều ngựa hơn là sách) hai người có những điểm chung. Cả hai đều đã là diễn viên. Cả hai không nóng tính. Cả hai tin vào sức mạnh của tác động biểu tượng cũng như tin vào Chúa quan phòng, đặc biệt sau khi cả hai vị đều bị ám sát hụt trong vòng sáu tuần lễ. Ngay bắt đầu phiên họp, cả hai vị đều đồng ý Thiên Chúa đã đặt hai vị vào một vị trí đặc biệt trong vận mạng Đông Âu.

Đối với Tổng thống Reagan, cộng sản mà tiêu biểu là đế quốc Sô-viết là một “đế quốc của sự ác”, và “nền luân lý duy nhất mà chúng chấp nhận là nền luân lý có lợi cho chủ nghĩa của chúng, có nghĩa là dành cho chúng cái quyền phạm tội ác, quyền nói dối và lường gạt.” Ông nói, với chương trình củng cố quân lực của ông làm cho Sô-viết không thể nào theo kịp, đặc biệt khi Mỹ thiết lập hỏa tiễn mới ở Âu châu và có những kỹ thuật chống hỏa tiễn ở Mỹ thì chúng mới kêu gọi đòi hòa bình và đòi hủy bỏ vũ khí.

Về vấn đề Ba-lan, Đức Giáo hoàng nhận định rằng, sức mạnh của công đoàn có cơ hội lớn lên do sức ép từ bên trong, và khi có những tác động bên ngoài của Mỹ về kinh tế và chính trị thì kết quả sẽ đến mau chóng hơn. Phần Reagan, ông tin rằng đã đến lúc Chúa dùng lý tưởng Kitô giáo để đánh đổ chủ nghĩa cộng sản. Thế là ông mau chóng dành mọi nỗ lực ngầm giúp công đoàn Solidarity

và Walesa. Ông tin đất nước Ba-lan, vị giáo hoàng Ba-lan, và Walesa là đất nước và con người được Chúa chọn để làm công việc này, và công đoàn Solidarity là vết rạn nứt đầu tiên sau bức màn sắt. Từ thời điểm này cho tới khi bức tường Bá Linh bị đổ vào năm 1989, Mỹ đã ngầm giúp cho Solidarity 50 triệu mỹ kim.

Riêng về Đức Gioan Phaolo II, đối với ông, ngài là một con người anh hùng, “xuất chúng, uyên bác và can trường, một con người không thể bị lung lạc, đã dứt khoát chống lại nền cai trị của Sô-viét ở Đông Âu.” Đối lại, ngài hiểu con người ông hơn tất cả những cộng sự viên của ông hiểu ông.

Sau cuộc họp, Đức Giáo hoàng nói với ông, “Vào thời điểm này trong lịch sử thế giới, Hoa kỳ được kêu gọi trong sứ mệnh phục vụ hòa bình thế giới. Chính cái trạng huống của thế giới ngày nay đòi một chính sách biết nhìn xa đến những điều kiện không thể thiếu của công lý, tự do, chân lý và tình yêu làm nền tảng cho nền hòa bình lâu bền.”

Ngày hôm sau tại điện Westminster ở Luân đôn, Tổng thống Reagan loan báo ngày tàn của đế quốc cộng sản. Ông nói Liên bang Sô-viét bị kẹp trong một cái thế “khủng hoảng cách mạng vĩ đại” mà nước Ba-lan là cái chốt, dưới tình trạng thiết quân luật lại “hiên ngang không cần thương lượng với kẻ áp bức”. Sẽ có “những bùng nổ nối tiếp nhau chống lại sự áp bức” ở Đông Âu, và “Liên Bang Sô-viét không thể miễn nhiệm trong thực trạng này.”

CHƯƠNG 26 TRUNG MỸ CHÂU

Ngoài vấn đề Ba-lan, Đức Gioan Phaolo II còn một mối bận tâm rất lớn ở vùng Trung Mỹ châu. Nơi đây, hoàn cảnh kinh tế, chính trị và xã hội đã khiến phát triển một phong trào giáo lý được mệnh danh là “thần học giải phóng”. Giáo Hội Công giáo ở Nicaragua từ đó đề ra một giáo hội mới theo chiều hướng này gọi là “Giáo Hội của nhân dân”.

Để tranh giành ảnh hưởng với chủ nghĩa cộng sản đang bành trướng của Sô-viét, CIA dưới quyền giám đốc của William Casey, đã tài trợ cho một đạo quân kháng chiến “Contra” bốn ngàn người chống lại chính quyền thân cộng Sandinitas. Phần lớn đạo quân Contra này là những nông dân của thời Somoza cũ, theo chế độ độc tài nhưng chống cộng, được Mỹ ủng hộ trong suốt 40 năm, đã bị phe Sandinistas thay thế vào năm 1979.

Tháng 12.1982, dưới áp lực của quốc hội, Tổng thống

Reagan phải ký một luật cấm CIA và bộ quốc phòng cung cấp quân cụ, huấn luyện, hay ủng hộ cho bất cứ ai với “mục đích lật đổ chính quyền Nicaragua.” Thế là ông Reagan, với tinh thần chống cộng từ trong xương cốt, đã tìm những cách khác để tiếp tục ngầm giúp quân kháng chiến. Chính vì thế mà xảy ra vụ Iran Contra, một vết tối trong sự nghiệp chính trị của ông.

Ngoài nhóm kháng chiến Contra, CIA cũng tìm cách giúp cho Giáo Hội (chính gốc) tạo được một thế đương đầu với chính quyền. Sự trợ giúp này đã có lúc quá lộ liễu gây tiếng xấu cho Giáo Hội.

Trong khi đó, “Giáo Hội của nhân dân” là một phong trào lớn, lại có thêm nhiều giáo sĩ làm việc trực tiếp cho chính quyền Sandinistas, thành ra Giáo Hội Công giáo trở thành phức tạp. “Giáo Hội của nhân dân” không phải chỉ của giáo dân hoặc của một nhóm thiểu số nhưng có cả một giáo lý thần học, được cả những giáo sĩ uyên bác dẫn đầu.

Trong khi Vatican quan tâm đến sự hiệp nhất của Giáo Hội, lo lắng đến những lạc thuyết và chủ nghĩa cộng sản thì Mỹ cũng có một mối lo giống vậy là sự bành trướng của đế quốc cộng sản ở Trung Mỹ châu. Thế nên Mỹ rất kỳ vọng vào những cuộc thăm viếng của Đức Giáo hoàng ở các nước Nicaragua, El Salvadore, Costa Rica, Honduras, và Panama.

Tuy nhiên, những lời của ngài trước khi lên đường không khiến Mỹ an tâm rằng ngài sẽ làm gì lợi cho họ. Ngài nói: “Chính vì cái thực tại mà các con đang sống đã khiến cha phải làm cuộc hành trình này, để gần gũi với các con, là con cái của Giáo Hội và của những đất nước có gốc

rẻ Kitô giáo, mà các con đang phải gánh chịu một nỗi đau cùng cực do sự chia rẽ, chiến tranh, hận thù, bất công xã hội, và những ý thức hệ đối nghịch với những dân lành vô tội đang khao khát hòa bình.”

Khi Đức Gioan Phaolo II xuống phi trường Managua, có một tu sĩ mặc bộ quần áo jeans, đầu đội mũ béret của lính. Ông có bộ râu dài và cặp mắt sáng. Ông yêu thơ, và mơ một ngày có cuộc cách mạng mang đến cho dân chúng “cơm bánh và hoa hồng”. Vị tu sĩ ấy là linh mục Ernesto Cardenal đang chờ Đức Giáo hoàng đến gần để bỏ mũ và quì xuống hôn tay xin ngài ban phép lành cho. Nhưng Đức Giáo hoàng đã rút tay lại, giơ ngón tay trỏ và mắng ông: “Cha phải thu xếp cho xong mình trước mặt Giáo Hội đã.”

Trong nhóm chính phủ Sandinista do Daniel Ortega cầm đầu, có tới năm thành viên là giáo sĩ Công giáo. Nhóm chính phủ này là đồng minh kinh tế và quân sự của cộng sản Cuba. Vatican đã đòi các giáo sĩ phải ra khỏi chính quyền nhưng các vị này chưa tuân hành. Đó là lí do khiến Đức Giáo hoàng Gioan Phaolo II có thái độ như trên đối với cha Ernesto.

Trong lời chào mừng, Tổng thống Ortega bênh vực các giáo sĩ trong ban tham mưu của ông. Ông kể tội 7 lần quân đội Mỹ đã can thiệp đến nội bộ đất nước ông. Trong vòng 3 năm qua, 375 người Nicaragua đã bị kháng chiến Contra sát hại, trong đó có 17 thanh thiếu niên vừa mới chôn được hai ngày trước.

Đức Giáo hoàng nói ngài muốn “chấm dứt nỗi đau khổ của người dân vô tội trên phần đất này, muốn chấm dứt

những xung khắc đâm máu, thù hận và lên án nhau, mà dành chỗ cho việc đối thoại.”

Nhóm Sandinistas không muốn đối thoại. Họ chỉ muốn ngưng chiến.

Thế là những bất đồng giữa Giáo Hội và chính quyền cứ tiếp diễn mãi cho tới buổi lễ đại trào. Đức Tổng Giám mục Obando (không thuộc chính quyền) chọn bài đọc trong thánh lễ như sau:

Ta là người chăn chiên nhân lành. Người chăn chiên nhân lành hy sinh mạng sống vì đoàn chiên. Người làm thuê không phải là người chăn, chiên không phải là của họ nên khi thấy sói rừng đến là bỏ chiên mà chạy trốn. Sói rừng sẽ về cắn chiên và làm đoàn chiên tan nát. (John 10:11 12).

Rõ ràng là người ta hiểu được giữa Giáo Hội chính gốc và chính quyền Sandinista cùng nhóm “Giáo Hội của nhân dân” ai là người chăn chiên nhân hậu và ai là kẻ làm thuê.

Trong bài giảng, Đức Gioan Phaolo II giảng một bài giảng cứng rắn khác thường. Ngài nhấn mạnh đến bốn phận phải nghe lời giáo huấn của Giáo Hội. Ngài tấn công thứ “Giáo Hội của nhân dân” và truyền cho giáo dân phải vâng phục các giám mục của mình. Ngài nói: “Thật là phi lý và nguy hại khi người ta đòi dựng nên một giáo hội bên cạnh Giáo Hội và coi đó là giáo hội mới, giáo hội của “ơn hiện sung” để thay thế Giáo Hội tông truyền, và gọi đó là “Giáo Hội của nhân dân”. Khi ngài lên án chính quyền đã cố tình hạn chế việc học giáo lý và muốn chia rẽ Giáo Hội thì hàng trăm ngàn người lên tiếng hoan hô. Nhưng cũng có những nhóm của chính quyền phản đối Đức Giáo

hoàng bằng cách hô lên khẩu hiệu “Chúng tôi muốn hòa bình”. Khi ngài tấn công chủ thuyết Marxist, bảo rằng: “Không được bóp méo giáo huấn của Giáo Hội bằng những lý thuyết và bối cảnh chính trị” thì nhóm họ lại hô “Hãy dành quyền cho nhân dân! Hãy dành quyền cho nhân dân!”, có lúc lại còn đứng lên hát trong khoảng một phút. Phía ủng hộ Giáo Hội thì hô: “Chỉ một Giáo Hội mà thôi!”. Thế là khu vực lễ đài đâm ra lộn xộn ồn ào. Ở phía xa, người ta không biết là có chuyện gì xảy ra.

Khi Đức Giáo hoàng lên máy bay để đi Costa Rica, Ortega bào chữa rằng, dân chúng ông đòi hòa bình là bởi vì “dân chúng tôi đã bị đóng đinh tử nạn hằng ngày. Chúng tôi đòi quyền sống về phía chúng tôi.”

Trong những tuần lễ tiếp theo, ở El Salvadore, Costa Rica, Guatemala và Haiti, Đức Giáo hoàng vạch ra lần ranh chống cộng nhưng tránh không đá động gì tới chính sách của ông Reagan. Ở E. Salvadore, ngài ca ngợi Đức Giám mục Romero là “chủ chiến nhiệt thành”, là người đã bị ám sát năm 1980 theo lệnh của tình báo quân đội Salvadore, vì ngài chống lại cách cai trị tàn nhẫn của chính quyền.

Qua chuyến thăm viếng vùng Trung Mỹ châu của Đức Giáo hoàng, Mỹ cảm thấy yên trí vì thấy đường lối của mình đi song song với đường lối của ngài. Ông Walters đã trình bày với ngài về phương thức của Mỹ đối với những xứ này là thúc đẩy chuyển tiếp sang chế độ dân chủ trong khi ngăn ngừa những lực lượng cánh tả đi theo Cuba hoặc Sô-viét.

CHƯƠNG 27

TRỞ VỀ LẦN THỨ HAI

C hưa có một giai đoạn nào trong thời gian đầu triều đại Giáo hoàng của Đức Gioan Phaolo II lại ở trong hoàn cảnh khó khăn tể nhị như năm 1983 trong chuyến trở về quê hương lần thứ hai của ngài. Mùa đông năm ấy thật là một mùa đông buồn thảm ở Ba-lan. Tình trạng thiết quân luật không có dấu hiệu nào là nơi lỏng. Cấm cách, bãi bỏ, lên án trở thành ám khí trong không gian. Nhiều người rút vào đời sống riêng mình, với vợ con, chuẩn bị một thời gian “baby boom” (trẻ con thi nhau ra đời) mới sau thời hậu chiến.

Phe chủ chiến trong công đoàn Solidarity cũng xuống tinh thần. Cuộc tổng đình công dự tính vào tháng 11 năm trước đã không thành công. Giáo Hội Ba-lan thì vạch ra một đường lối cản trở hơn. Hồng y Glemp lúc nào cũng lo các linh mục vương vào những hoạt động “quá khích”. Trong khi đó chính quyền thì lo ngại phản ứng của Sô-

viết, bị dân chúng thù ghét, sợ kinh tế suy sụp, bị Tây phương phong toả kinh tế, sợ những cuộc nổi dậy đổ máu như những năm 1956, 1970, 1976.

Trong một hoàn cảnh như thế, việc thăm viếng của Đức Gioan Phaolo II trở thành vấn đề căng thẳng giữa Giáo Hội và chính quyền. Chính quyền đòi chuyến thăm viếng phải nằm trong khuôn khổ tôn giáo mà thôi. Đức Giáo hoàng không được nói đến công đoàn Solidarity đã chính thức bị giải tán. Ngài không được đi thăm những thành phố vùng biển Baltic ở Gdansk và Szczecin là chiếc nôi khai sinh của Công đoàn Solidarity. Bất đắc dĩ lắm nhà nước mới cho phép Đức Giáo hoàng đi thăm Walesa, nhưng phải hoàn toàn trong vòng riêng tư.

Tờ tuần báo *Tygodnik Mazowsze* xuất bản trong bóng tối, viết về chuyến thăm viếng của Đức Giáo hoàng sẽ “phá tan được nỗi thất vọng cũng như năm 1979 ngài về đã phá tan được sự sợ hãi.” Ngài cũng biết chuyến trở về lần này của ngài sẽ xác định được đường lối dùng thiết quân luật của chính quyền, dân chúng sẽ nhìn vào ngài để tìm ra những tín hiệu để kéo căng hay buông lỏng cuộc tranh đấu, để công đoàn đang trong hoạt động bí mật còn nhìn thấy nơi ngài là một lãnh đạo can trường nữa hay không, để cho họ còn thấy Walesa xứng đáng là một diễn viên hay đã là một bóng mờ trong lịch sử (như Hồng y Glemp hy vọng).

Ngày 16.6.1983 Đức Giáo hoàng trở về Ba-lan. Ngài không giấu nỗi buồn của ngài trước thực trạng đất nước. Ngay tại phi trường, sau khi hôn đất, ngài bảo: “Cha xin những người đang chịu đau khổ hãy đặc biệt ở bên cha.

Cha xin điều này qua lời của Chúa Kitô: Ta đau yếu các con thăm viếng, ta bị tù đầy các con đến hỏi han'. Chính cha không thể đến thăm các con trong tù [đám đông thờ dài] và những ai đang chịu đau khổ được. Nhưng cha xin họ đến gần cha bằng tinh thần để trợ giúp cha, như họ bao giờ cũng làm như thế.

Cùng buổi sáng hôm ấy, Đức Giáo hoàng đến điện Bewelder họp với Thủ tướng Jaruzelski. Ông này với vẻ mặt cứng cỏi, lạnh lùng trong bộ quân phục, cầm giấy bài diễn văn bằng bàn tay phải run run, còn bàn tay trái thì nắm chặt lại. Sau này ông công nhận rằng, ông cảm thấy hết sức bối rối và hồi hộp. Đối với ông, Đức Giáo hoàng là một hình ảnh bí nhiệm. Lúc ấy là lúc rất cảm xúc, một cảm xúc tuyệt vời lắm, nhưng ông thấy ngại đối với ông lạnh lùng. Ngài mỉm cười với giáo sư Jablonski ngài biết, (ông là Tổng thống Ba-lan) nhưng không mỉm cười với ông.

Sau đó trước ống kính truyền hình, Đức Giáo hoàng nói với hai ông về quyền độc lập của nước Ba-lan, “một vị trí xứng đáng ở giữa các nước Âu châu khác, giữa Đông và Tây.” Ngài nói, con đường thật sự dẫn đến thịnh vượng và đổi mới phải nằm trong “sự thỏa thuận được vạch ra giữa các đại diện chính quyền và đại diện công nhân” – nghĩa là hiệp ước Gdansk.

Sau bài nói chuyện, Đức Giáo hoàng, Đức Chương ấn, Tổng thống Jablonski và Tổng bí thư đảng Jaruzelski vào họp trong phòng riêng. Đức Giáo hoàng nêu vấn đề ngay. Ngài nói:

– Thừa Đại tướng, đối với tôi việc giải thể công đoàn

còn đau đớn hơn là việc áp dụng thiết quân luật hồi tháng 12.1981.

Tướng Jaruzelski nói:

– Thừa Đức Thánh Cha, tôi không nghĩ như thế. Việc phải áp dụng thiết quân luật là một việc rất đau đớn đối với tôi, chỉ vì đất nước ở trong một hoàn cảnh nguy ngập vô cùng.

Ông hy vọng rằng, với sự sụp đổ của công đoàn Solidarity, Giáo Hội đứng vào một vị trí thắng lợi chưa từng có để đối thoại với chính quyền, và Đức Giáo hoàng sẽ đạt được những mục tiêu giới hạn như mở những chủng viện, xây thêm nhiều nhà thờ. Nhưng Đức Giáo hoàng không tỏ ra quan tâm gì đến chuyện ấy. Giữa hai bên vẫn căng thẳng về mọi vấn đề. Cuộc đối thoại chỉ dịu trở lại khi nói đến những vấn đề cá nhân. Cuối cùng Jaruzelski xin Đức Giáo hoàng dùng ảnh hưởng của ngài để cô lập những phần tử quá khích trong công đoàn Solidarity hầu Tây phương, nhất là Mỹ chấm dứt phong tỏa kinh tế.

Đức Giáo hoàng tuyên bố:

– Tôi sốt ruột mong đất nước trở lại tình trạng bình thường. (Ngài có ý nói đến việc chấm dứt lệnh thiết quân luật). Sau đó Ba-lan sẽ được các quốc gia khác đối xử một cách đặc biệt. (Có nghĩa là các nước sẽ chấm dứt phong tỏa kinh tế ngay).

Điều Đức Giáo hoàng muốn nói cho cả nước Ba-lan rất rõ rệt và cứng rắn: quyền lợi của người dân phải được phục hồi; Công đoàn Solidarity phải được công nhận; phải chấm dứt thiết quân luật; phải thi hành hiệp ước Gdansk. Tuy nhiên ngài tránh không đụng chạm tới chính quyền.

Ngài công nhận quyền bính của nhà nước trong khi buộc nhà nước phải có những trách nhiệm luân lý. Ngài không đã động gì tới tương lai của Giáo Hội ở Đông Âu cũng như sứ mệnh Giáo hoàng của ngài để kết hợp tín hữu Âu châu lại như điều ngài đã nói trong lần viếng thăm đầu.

Trong khi đó Moscow theo dõi cuộc thăm viếng của Đức Giáo hoàng mà không có dấu hiệu khó chịu hay dọa nạt nào cả. Quả vậy, Yuri Andropov, mới lên nắm quyền, ra lệnh cho truyền thông Sô-viết không được đả kích Đức Giáo hoàng. Thế là ngày trước cuộc thăm viếng, nhật báo *Sovietskaya Rossia* đăng một bài rất đẹp về Đức Giáo hoàng, khen tặng ngài “trong vị trí ngăn chặn cuộc chạy đua vũ trang, ngài ủng hộ các giám mục El Salvador và hòa giải những mâu thuẫn ở Trung Đông,” khiến cho “không những Mỹ mà cả Tel Aviv phải tức tối.” Người ta hiểu được là Sô-viết có phần nào muốn đánh lạc hướng Tây Phương đang cho rằng Sô-viết có dính dấp đến việc cố sát Đức Giáo hoàng.

CHƯƠNG 28

BA-LAN HỒI DẬY

Trong tuần lễ thăm viếng sau đó, Đức Giáo hoàng giảng về một chủ đề khá phức tạp. “Hãy gọi thẳng tên sự lành và sự dữ”. Hơn một triệu tín hữu ở Czestochowa trông đợi nghe ngài nói đến chữ Solidarity. Nhưng ngài không dùng theo cái cách họ trông đợi, cũng như các phóng viên Tây phương đang chờ để đếm xem ngài sẽ nói tới chữ ấy bao nhiêu lần. Ngài tuyên bố: “Tùy vào các con mà có thể ngăn được sự suy đồi luân lý hay không, mà nói lên được sự đoàn kết căn bản giữa con người hay không” (Solidarity có nghĩa là đoàn kết).

Vào buổi tối đầu tiên cuộc thăm viếng, hàng chục ngàn người ngang nhiên diễn hành từ nhà thờ chính toà Warsaw băng qua mặt toà nhà Trung ương Đảng, hô to “Solidarity! Solidarity! Walesa! Dân chủ!” khiến chính quyền điên ruột. Hàng đoàn lực lượng an ninh dàn hàng. Ngoài cánh đồng Jasna Gora những biểu ngữ của

công đoàn Solidarity bay phát phối. Một biểu ngữ viết hàng chữ: “Cha đến mang sức mạnh cho các môn sinh của Gdansk.” Chữ “môn sinh” được hiểu như là thuộc về Solidarity. Hơn nữa gọi là môn sinh vì hầu hết họ là những người trẻ.

Sau lời cầu nguyện cùng Đức Mẹ “là người Mẹ được ban cho chúng con để bảo vệ đất nước Ba-lan, xin nghe tiếng của tuổi trẻ Ba-lan và người Giáo hoàng Ba-lan chúng con, xin phù giúp chúng con bền chí trong hy vọng”, ngài bắt đầu nói cho cả đất nước về những kinh nghiệm tuổi trẻ của ngài trong thời chiến với tư tưởng là: sự chiến thắng nằm ở nội tâm. Sự chiến thắng tinh thần được hun đúc từ những đau khổ của đất nước, của con đường tử đạo mà có được. Ngài nói: “Con người được kêu gọi để chiến thắng chính mình. Chính các thánh và các chân phước đã chỉ cho chúng ta con đường chiến thắng mà Thiên Chúa gặt hái được trong lịch sử nhân loại.”

Sự chiến thắng ấy đòi hỏi “lối sống trong sự thật. Nghĩa là biết yêu thương người lân cận; nghĩa là biết đoàn kết giữa con người; nghĩa là trở về với lương tâm, gọi thẳng tên sự lạnh và sự dữ chứ không mù mờ... nghĩa là phát triển nơi ta sự lành, và tìm cách sửa sai sự dữ từ chính nơi ta.”

Đức Giáo hoàng nói tiếp: “Các con đến với Đức Mẹ mang theo trái tim thương tích bởi những sầu muộn, có khi cả những hận thù. Sự hiện diện của các con biểu tỏ được một sức mạnh chứng tá khiến cả thế giới phải ngỡ ngàng khi thấy công nhân Ba-lan dùng chính bản thân mình làm phương tiện tranh đấu, với Phúc Âm trong

tay, với lời kinh trên môi. Những hình ảnh ấy vào năm 1980 đã làm cho trái tim và lương tâm thế giới vô cùng xúc động.”

Trước khoảng một triệu người có mặt, Đức Giáo hoàng dâng lên Đức Mẹ tám dây đai lưng có một lỗ đạn do Ali Agca bắn. Cả khối người chăm chú, ngáy ngất. Rồi họ hô lên: “Xin ở lại với chúng con! Xin ở lại với chúng con!”

Ở thành phố thép Katowice, trước đám đông cũng khoảng một triệu người, Đức Giáo hoàng lại nói đến những quyền lợi căn bản của người thợ: “một đồng lương xứng đáng”, “một sự an sinh”, “một ngày nghỉ ngơi”, “một quyền tự do lập hiệp hội” như một “cái loa miệng tranh đấu cho công bằng xã hội.” Ngài trích lời của cố Hồng y Wyszynski: “Nhà nước không cho chúng ta cái quyền này, nhà nước chỉ có bốn phận bảo vệ và canh giữ nó cho chúng ta. Chính Thiên Chúa đáng tạo dựng con người với xã hội tính ban nó cho chúng ta.”

Mỗi ngày ngài mỗi đào sâu vào những điểm trong hiệp ước Gdansk. Trước ngày cuối cuộc thăm viếng, Đức Giáo hoàng gặp riêng Walesa và những nhà trí thức còn ngầm liên lạc với Solidarity. Họ đem cho ngài những tờ báo ngầm phát hành của họ.

Sau 18 tháng sống trong tình trạng thiết quân luật, công đoàn Solidarity không còn là một tổ chức lao động quần chúng một cách minh nhiên hợp pháp nữa. Lúc đầu công đoàn đã bị chính quyền đàn áp tới mức khó lòng tồn tại được. Nhưng với cuộc thăm viếng lần thứ hai này của Đức Giáo hoàng, Solidarity trở thành một ý tưởng, một lương tâm, một bậc thang giá trị, một lối sống “trong

đoàn kết”. Như thế không phải nó không còn là một thách thức đối với chính quyền, vì nó dám gọi thẳng mặt đặt tên cho sự lành và sự dữ, vì nó sống trong sự thật, chia sẻ những giá trị chung. Sự thụ động mà trước đây Đức Giáo hoàng bàn thảo với ông Geremek và các nhà trí thức cùng đi với ông đến Vatican vào năm 1981 bây giờ chỉ là chuyện quá khứ.

Trong thời gian dù gọi là phải hoạt động ngầm ngầm, công đoàn Solidarity đã được sự nâng đỡ của Giáo Hội, của Phong trào Lao động Tây phương, và của CIA là cái nguồn ít được biết nhất. Sự giúp đỡ một phần được gói ngầm ngầm đến những đoàn viên bị giam giữ và gia đình của họ, phần lớn khác để duy trì và phát triển về mặt truyền thông: báo chí, truyền đơn, và phát thanh. Những máy in được sử dụng càng ngày càng có kỹ thuật tối tân hơn. Riêng CIA đã giúp đỡ 8 triệu mỹ kim cho riêng niên khóa 1982 1983. Trong tháng 8.1982 người ta đếm được 250 tờ báo phát hành ngầm kiểu này. Chính ông Casey đã thuyết phục Thủ tướng Thụy Điển, ông Olaf Palme, dùng tàu của Thụy Điển để chuyển lậu những máy photocopy, máy in, máy fax và các phụ tùng ấn loát cho Solidarity. Trong nhiều trường hợp, các tín hiệu được chuyển bằng các đài phát thanh Âu Châu Tự do, VOA, Vatican vào cho Solidarity.

Trước cuộc lên đường thăm viếng, Đức Giáo hoàng đã cho đại diện của ngài ngầm gặp giới lãnh đạo của công đoàn để khích lệ hoạt động của họ. Ngài cũng cho họ biết ngài không muốn Solidarity sử dụng quyền lực, mà căn hướng về việc tái tạo xã hội dựa trên căn bản lương tâm,

nghĩa là không phải người dân lúc nào cũng phải vâng phục nhà nước bằng phương pháp bắt bạo động, và tạo dựng một nền văn hóa và giáo dục độc lập. Đây cũng là một cách gọi thẳng tên sự lành và sự dữ.

Trước khi từ già Ba-lan, Đức Giáo hoàng gặp Jaruzelski một lần nữa. Cuộc gặp mặt ở Wawel, và kéo dài hơn một giờ rưỡi. Cuộc họp này do Đức Giáo hoàng yêu cầu vào tối hôm trước. Đức Giáo hoàng vào thẳng đề tài: “Tôi hiểu chế độ xã hội chủ nghĩa là một thực tại, nhưng vấn đề là nó phải có một bộ mặt nhân đạo.”

Ông Jaruzelski ghi lại rằng: “Đức Giáo hoàng dùng những chữ nhân đạo, nhân quyền và cả ngài lẫn tôi đều hiểu là dân chủ. Nếu ngài dùng chữ dân chủ thì tôi còn cãi được, bởi vì dân chủ có nghĩa là có bầu cử, mà khi thắng cử là có quyền. Đảng này ngài dùng nó như một ý niệm chung, với ý xây dựng không cài vào đâu được, mà cũng không làm cho chế độ mất mặt. Đó là lí do mà rất mau sau cuộc thăm viếng của ngài năm 1983 là tôi phải bỏ thiết quân luật.

Đức Giáo hoàng ra đi trong chiến thắng mặc dù dân chúng vẫn còn sống cơ cực. Tờ báo KOS nhận định: “Điều quan trọng hiển nhiên là qua những lần gặp gỡ của hàng triệu người dân Ba-lan với Đức Giáo hoàng, người dân chúng tôi thấy mình trở lại mình, chúng tôi lấy lại được tiếng nói, chúng tôi có thể đứng thẳng lưng. Một năm rưỡi đe dọa đã thất bại. Chúng tôi lấy lại tư cách chủ thể. Điều ấy dễ gì có trong một thể chế độc tài. Chúng tôi không còn coi mình như những con cò chính trị để người ta gõ trên đầu nữa.”

Ngày 10.11.1982, Brezhnev chết. Yuri Andropov lên kế vị giữ chức Tổng bí thư đảng, ông vốn là trùm KGB.

Tháng 10.1983 Walesa được giải Nobel Hòa bình. Andropov hẳn học viết cho Jaruzelski một lá thư bảo “Giáo Hội đang khuyến khích Walesa. Giáo Hội đang tạo một thể chống đối mới với đảng. Chính Giáo Hội đã ngấm ngấm bảo vệ Solidarity. Trong tình trạng hiện thời, điều quan trọng là không được nhượng bước, phải giới hạn những hoạt động của Giáo Hội lại theo hiến pháp, phải thu hẹp tầm ảnh hưởng của Giáo Hội trên đời sống xã hội lại.”

Tháng 2.1984 Andropov chết. Konstantin Chernenko lên. Suslov lí thuyết gia Cộng sản cũng chết. Những đầu não già nua của đế quốc Sô-viét đang rụng dần khiến Jaruzelski dễ thở hơn.

CHƯƠNG 29 NHỮNG NHỊP CẦU

Ngày 27.2.1985 bốn năm ba tháng sau lệnh thiết quân luật lần đầu tiên người ta thấy dấu hiệu “cộng sản với bộ mặt nhân bản” khi bộ trưởng ngoại giao Xô-viết Andrei Gromyko đến viếng thăm Vatican. Đức Giáo hoàng không biết ở Moscow, Tổng Bí thư Đảng Konstantin Chernenko đang hấp hối. 12 ngày sau đó, Gromyko, một nhân vật đã phục vụ tất cả các lãnh đạo Xô-viết từ thời Stalin đến giờ, sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc đưa Mikhail Gorbachev lên vị trí Tổng Bí thư đảng Cộng sản Liên Bang Xô-viết. Ông ta nói với bộ chính trị: “Thưa các đồng chí, đây là người có nụ cười hiền với hàm răng sắt.”

Gromyko cho Đức Giáo hoàng biết Liên Bang Xô-viết muốn thành lập ngoại giao với Tòa Thánh. Khi ngài bày tỏ mối quan tâm về nền hòa bình thế giới, đặc biệt cuộc thương thảo về việc kiểm soát vũ khí đang bị đình trệ ở

Geneva, và những bước tiến của Giáo Hội Công giáo ở Liên Bang Sô-viết, thì Gromyko tỏ ra đáp ứng một cách mau mắn khác thường. Ông ta làm Đức Giáo hoàng phải ngạc nhiên khi đề nghị cho đại diện Sô-viết và Vatican đi quan sát và tìm hiểu những vấn đề ấy.

Cuối tháng 4.1985, Gorbachev dự cuộc họp của Hội đồng Tham vấn Chính trị của khối Warsaw, ông còn nán lại để nói chuyện với Jaruzelski. Cuộc nói chuyện kéo dài 5 tiếng đồng hồ, gồm việc ôn lại tình hình Ba-lan và Sô-viết, và bàn thảo về Đức Giáo hoàng và Vatican. Mười năm sau, Jaruzelski cho biết: “Trong 5 tiếng đồng hồ gặp gỡ giữa hai người, không có thông dịch viên, chúng tôi nói nhiều về Giáo Hội và về Đức Wojtyla. Chúng tôi nói về nguồn gốc của chế độ cộng sản, về sự tất yếu phải thay đổi.”

Jaruzelski cũng cho biết, mặc dù Gorbachev đã ở trong bộ chính trị nhiều năm, và mặc dù ông có đầu óc cởi mở, những kiến thức của ông ta về Giáo Hội và về tôn giáo không có bao nhiêu. Vì thế đây là cơ hội có lợi cho cả đôi bên. Đối với Jaruzelski, đây đúng là lúc buồn ngủ gặp chiếu manh, bỗng dung được Tổng Bí thư đảng Cộng sản Sô-viết chăm chú lắng nghe một cách có thiện cảm. Jaruzelski cắt nghĩa về vai trò đặc biệt và duy nhất của Giáo Hội trong xã hội Ba-lan khác với những nước xã hội khác.

Giáo Hội là một sức mạnh lớn ở Ba-lan. Giáo Hội có thể ủng hộ những chống đối nhưng ở một vị thế hợp lý. Tôi đề nghị Gorbachev nên coi Vatican là một lực lượng có chung những giá trị xã hội rộng lớn và không hẳn Giáo Hội luôn luôn là đồng minh của chế độ tư bản. Tôi bảo

ông, tôi muốn xây dựng mối liên hệ với Giáo Hội dựa trên ba nguyên tắc: thứ nhất, dàn xếp những tranh luận về những triết thuyết và ý thức hệ; thứ hai, cùng song hành trong một bối cảnh chính trị, nghĩa là không ai dẫm chân ai, của Caesar trả cho Caesar, của Chúa trả cho Chúa; và thứ ba là hợp tác với nhau về mặt xã hội, nghĩa là cùng bài trừ tệ nạn xã hội, bệnh tật, và xây dựng đời sống gia đình, giáo dục thế hệ trẻ. Nói vắn tắt là về các vấn đề luân lý và giáo dục.

Gorbachev hỏi:

Ông Giáo hoàng thuộc loại người nào, trí thức kiểu nào? Có cuồng tín không? Hay là một con người thực tế?

Jaruzelski trả lời:

– Ngài có một nhân cách nổi bật, một con người rất nhân bản, rất ái quốc, và trên hết, ngài là một con người tranh đấu cho hòa bình.

Gorbachev mừng lắm. Vì lo ngại những vũ khí mới của Mỹ, ông ta đang phát động chiến dịch đòi tài giảm vũ khí với chính sách sống hòa bình giữa Đông và Tây. Jaruzelski nói thêm:

– Đức Wojtyla không những chỉ là một nhà lãnh đạo của một tôn giáo lớn, một Giáo Hội được kính trọng, ngài còn là con dân của một đất nước đã trải qua những thời cực kỳ khó khăn. Khi vị Giáo hoàng này nói về hòa bình thì nghe khác lắm, như khác với Giáo hoàng Pio XII chẳng hạn.

Gorbachev muốn biết thêm là “Giáo Hội giúp ích gì cho việc đổi mới? Giáo Hội đóng vai trò nào trong việc giữ nó không đi quá đà?”

Jaruzelski trả lời:

– Giáo Hội chúng tôi muốn và trông đợi sự đổi mới lắm.

Rồi ông tướng hỏi về tình hình Giáo Hội Chính Thống ở Nga. Gorbachev trả lời ngập ngừng. Jaruzelski khuyên Gorbachev nên mở rộng cho tôn giáo theo đường lối mà Ba-lan đã làm. Gorbachev vốn thuộc gốc dân Slav nên Jaruzelski cố gắng trình bày cái nào trạng của vị Giáo hoàng cũng thuộc cùng một gốc dân Slav như ông ta. Ông nói:

– Ngài có một sự nhạy cảm sắc bén về sự cao cả của dân tộc Ba-lan... Vị Giáo hoàng gốc Slav này thấy được những thực tại của miền đất, của lịch sử, của những ước mơ của chúng ta... Ngài là con người có tư tưởng bao quát hoàn vũ, không phải bao giờ cũng bênh vực cho chế độ tư bản, và những giáo huấn của ngài về vấn đề xã hội thì lại gần gũi với ý thức hệ xã hội và cộng sản.

Jaruzelski bỗng thấy mình trở thành trung gian của Đức Giáo hoàng và Gorbachev, là người có thể nói về người này cho người kia được biết. Chỉ có điều Jaruzelski không biết là Gorbachev đã quyết định sẽ không bao giờ sử dụng quân đội để bảo vệ đế quốc cộng sản nữa.

Người ta nhận thấy dưới sự lãnh đạo của Gorbachev, có sự thay đổi mau chóng giữa mối liên hệ giữa nhà nước với Giáo Hội. Trong khi đó, Jaruzelski trình bày những cuộc gặp gỡ của ông với Gorbachev cho Đức Chương án Glemp, và vị này sẽ trình bày lại với Đức Giáo hoàng khi đến Roma. Khi Gorbachev hỏi Jaruzelski về Hồng y Glemp, ông ta bảo vị hồng y này rất thông cảm với ông trong những vấn đề của chế độ.

Ngày 2.6.1985, Đức Gioan Phaolo II ban hành một thông điệp quan trọng, *Tông đồ Của Người Slav* (Slavorum Apostoli) nói về ý nghĩa của bậc tu sĩ và giáo dân. Đây là một lời mời gọi đối thoại với các Giáo Hội Đông Phương ở Liên bang Sô-viết.

Thế là ngay năm sau, hai lần Hồng y Glemp đi thăm Minsk và Moscow, để gặp các tu sĩ và giáo quyền Công giáo và Chính Thống, cả giới trí thức lẫn giáo dân. Chưa bao giờ có một Hồng y Ba-lan đi thăm Liên bang Sô-viết như vậy.

Hai nhân vật gốc Slav, Gorbachev lãnh đạo Cộng sản và Wojtyla lãnh đạo Giáo Hội Công giáo đang xích lại gần nhau, đang nhận biết sức mạnh và khả năng làm việc thiện của nhau. Không bao lâu, vị Tổng Bí thư đảng Cộng sản này tuyên bố đổi mới kinh tế với tên gọi *perestroika*: ông ta nói về tình nhân loại đã khiến Âu châu khao khát một nền an ninh kinh tế và chính trị. Cũng thế, trong một đề tài, Đức Giáo hoàng cũng đặt một niềm tin rằng Giáo Hội không chỉ lên tiếng cho Tây Âu, nhưng cho cả một nền văn hóa không phân chia, từ sông Ural cho tới bờ Đại Tây Dương, “với một truyền thống đầy tình nhân loại xuyên khắp Âu châu vốn đã vây bọc các văn hào Erasmus, Copernicus, và Dostoïevsky”. Đức Giáo hoàng rất hứng khởi và hy vọng về những đổi mới đang diễn ra ở các nước Đông Âu. Tuy nhiên ngài cũng là người rất thực tế khi bàn về con người Gorbachev. Với những kinh nghiệm lâu dài đối đầu với cộng sản, ngài bảo: “Gorbachev là một người tốt nhưng ông ta sẽ thất bại, bởi vì ông ta không thể làm một việc không thể xảy ra. Chế độ cộng sản không thể

đổi mới được.” Ngài nói về Perestroika: “Perestroika là một cơn động tuyết, khi chúng ta làm cho nó động thì nó đổ xuống dồn dập. Perestroika là một tiếp nối của Solidarity. Không có Solidarity sẽ không thể có Perestroika.”

Cuộc động tuyết bắt đầu chuyển động ngang qua Tiệp-khắc. Vào mùa xuân 1985, trong lễ kỷ niệm 1.100 năm ngày chết của thánh Methodius, có 1.100 linh mục (một phần ba con số linh mục toàn quốc) đồng tế ở đền Moravian tại Velehrad. Hồng y Tomasek, 86 tuổi, đã từng bị Cộng sản cầm tù, đọc lá thư của Đức Giáo hoàng khuyên các linh mục “tiếp tục hiến ngang trong tinh thần của thánh Methodius trên con đường truyền bá Phúc Âm và làm nhân chứng, dù tình hình hiện thời có không thuận tiện, khó khăn, hay cay đắng.”

Từ trước tới giờ, Giáo Hội Tiệp được coi như không có gì chống đối nhà nước, thì sau cuộc lễ được ba tháng, gần 200 ngàn người Công giáo diễn hành tới Velehrad để tôn kính thánh Methodius. Suốt mấy tháng, chính quyền đã cố tìm cách giữ ngày này thành một ngày lễ “hòa bình”. Nhưng vừa khi đại diện chính quyền lên máy vi âm thì đoàn người la lên “Đây là cuộc hành hương! Chúng tôi muốn Đức Giáo hoàng! Chúng tôi muốn Thánh Lễ!”

Đây là một cuộc tụ tập không do chính quyền tổ chức mà đông đảo nhất từ biến cố mùa xuân ở Prague năm 1968 đến giờ.

CHƯƠNG 30 HẠT GIỐNG CỦA NIỀM TIN

Trở lại với tình hình Ba-lan. Lệnh thiết quân luật đã chấm dứt hồi tháng 7.1983 sau khi Đức Gioan Phaolo II thăm quê hương lần thứ hai. Nhưng chỉ tới 11.9.1986 thì thực sự bầu không khí thiết quân luật mới hoàn toàn chấm dứt với lệnh ân xá cho 225 tù nhân nguy hiểm của chế độ. Việc tha tù nhân chính trị là đòi hỏi hàng đầu của công đoàn suốt từ năm 1981.

Thế là bây giờ, tất cả các lãnh đạo công đoàn có thể tự do hội họp. Ba-lan bây giờ chỉ có tù nhân hình sự. Dầu vậy, Jaruzelski vẫn không muốn cho công đoàn hoạt động. Công đoàn vẫn chưa được trở lại tư cách pháp nhân.

Ban đặc ủy liên lạc chính quyền và Giáo Hội, trong thời gian thiết quân luật chỉ hoạt động theo hình thức thì bây giờ bắt đầu bàn thảo tới vấn đề hồi phục xã hội. Theo sự gợi ý của Jaruzelski, Ủy ban soạn thảo kế hoạch thành lập một hội đồng cố vấn gồm các nhà chuyên môn, trí thức,

và các nhân vật hoạt động xã hội để cố vấn cho chính quyền trong những vấn đề quốc sự. Mặc dù chính quyền xác định ý muốn mời các nhà văn, nhà kinh tế, và các nhà trí thức đối lập, chính quyền vẫn cấm những thành viên lãnh đạo của công đoàn Solidarity.

Lúc đầu có khá nhiều trí thức tẩy chay hội đồng, nhưng có một số nhân vật uy tín ngồi lại và tạo một đường lối đối lập được Giáo Hội và tất cả đi theo. Thế là hội đồng trở thành kẻ dẫn đầu những thương thảo “bàn tròn”, dần dần tới nền dân chủ ở Ba-lan.

Sau này có một số sử gia giản lược quá mức gián đoạn chuyển tiếp này, coi như Đức Giáo hoàng, Gorbachev và Jaruzelski cứ ngon lành bước chân tới mục tiêu. Trên thực tế, mỗi người đều có những mục tiêu và bước tiến riêng của mình. Như Adam Michnik nhận định, giữa khoảng thời gian thu hồi lệnh thiết quân luật vào tháng 7.1983 cho tới cuộc cách mạng năm 1989, Ba-lan không phải là một “chế độ xã hội chủ nghĩa với bộ mặt nhân bản nhưng là một chế độ cộng sản với vài chiếc răng bị đắm văng ra.”

Chính Jaruzelski sau này cũng nhận định về thời gian này là, mặc dù có perestroiska nhưng khối Warsaw cũng vẫn còn đó. Và bài diễn văn của Gorbachev trong Đại Hội Đảng lần thứ 10 ngày 30.6.1986 vẫn thấy những ngôn ngữ rất giáo điều. Vào ngày 13.1.1987 lần đầu tiên kể từ cuộc gặp gỡ ở Wawel năm 1983, Jaruzelski đến gặp Đức Giáo Phaolô II tại Vatican. Ông ta gọi cuộc họp này là cuộc họp “lịch sử” bởi vì tính cách quyết định tâm thức của nó. Những nhân vật thân cận của Đức Giáo hoàng cũng dùng

chữ “lịch sử” để nói về cuộc họp này, dù với những lí do khác. Cuộc họp này kéo dài 80 phút. Jaruzelski đã phúc trình cuộc nói chuyện của ông với Gorbachev, và những điều mà Gorbachev gọi là những suy tư mới.

Một thức giả làm việc sát với Vatican nói rằng: “Đây đúng là một cuộc họp lịch sử. Jaruzelski nói với Đức Giáo hoàng rằng, ông ta sẽ phân chia quyền bính mà không phải đổ máu. Đó là điểm chính. Ông ta nói: Chúng tôi đã thất bại. Đảng và chế độ cộng sản ở Ba-lan không còn một tương lai nào nữa”. Tuy nhiên bước cải tổ vẫn phải có, và những vấn đề còn lại là Gorbachev hoặc Bộ Chính trị Sô-viết sẽ chịu đựng được đến mức nào. Và công đoàn Solidarity có thể hay không thể phác họa được tương lai của đất nước Ba-lan.

Về vai trò của Gorbachev, Jaruzelski nói với Đức Giáo hoàng về những ý định, những khó khăn ông ta phải đương đầu. Gorbachev rất cần được hỗ trợ, được thông cảm, và đây là cơ hội lớn cho Âu châu và cho cả thế giới, cho dù có những thứ sẽ xảy ra không xuôi xắn như người ta mong muốn.

Ngoài tất cả những gì được nói ra về cuộc họp thì người ta vẫn có lý để tin rằng, Đức Giáo hoàng và ông Jaruzelski đã vạch ra một tương lai cho Ba-lan, đồng ý với nhau trên nguyên tắc về những điều phải thương lượng. Chắc chắn Jaruzelski đã đến Vatican với một tâm trạng hòa hoãn. Ông ta quá biết rằng đảng Cộng sản Ba-lan không còn được sự ủng hộ của nhân dân nữa. Cần phải tìm một đường lối mới cho đất nước, và đường lối ấy phải được Giáo Hội đồng ý. Bằng không, kinh tế không thể phục hồi,

vết thương chính trị không bao giờ lành, và đất nước sẽ không bao giờ vươn lên được.

Tới bước này thì chính quyền Ba-lan đã nói lỏng khá nhiều. Việc ra vào Ba-lan tương đối dễ, chế độ kiểm duyệt nhẹ hơn, công an cảnh sát đỡ dè dặt hơn, và một số các tổ chức độc lập được tái hoạt động.

Jaruzelski nói về cuộc họp rằng: “Tôi thấy Đức Giáo hoàng nhìn thấy trong chiều hướng thay đổi ở Ba-lan một ý nghĩa vượt ra khỏi khung cảnh đất nước Ba-lan... nghĩa là ở một mức nào đó, tạo được những thúc đẩy thay đổi ở các quốc gia khác, đặc biệt ở Liên bang Sô-viết.”

Về con người của Jaruzelski, Đức Gioan Phaolô II không những coi ông là người yêu nước, ông còn được ngài dành cho một nhân quan thuận tình hơn Moscow nhìn ông. Như thế có nghĩa là được ngài khen tặng nhiều lắm. Đức Hồng y Deskur nói: “Đức Giáo hoàng biết rằng Jaruzelski có một nền giáo dục Công giáo rất vững do các cha dòng Thánh Mẫu dạy dỗ... Ngài nghĩ ông ta là con người có lòng tin sâu xa, ông ta chưa mất đức tin.” Và Đức Giáo hoàng tìm cách sử dụng hết niềm tin của ông.

CHƯƠNG 31 LÙNG CÙNG

Với con số 10 triệu đoàn viên, công đoàn Solidarity bây giờ phải thu gọn thành một tổ chức nhỏ với Walesa là trung tâm. Dầu vậy, danh nghĩa của Solidarity trở thành một tinh hoa tinh thần bao trùm cả đất nước, có những đặc tính huyền hoặc và kỳ bí. Dù đã ân xá, Jaruzelski nhất định không cho Solidarity được lấy lại danh nghĩa là một công đoàn lao động nữa.

Trong khi đó Walesa củng cố lực lượng của tổ chức với sự ủng hộ của dân chúng và của Giáo Hội. Walesa còn được sự hậu thuẫn của Tổng thống Reagan, ông hứa sẽ không bỏ phong tỏa kinh tế Ba-lan cho tới khi nào chính quyền chịu thương lượng một cách đúng nghĩa với phe đối lập. Trong lúc quá cần được giải tỏa kinh tế, Jaruzelski cho lập Hội Đồng Cố Vấn, nhưng Mỹ vẫn không chịu.

Công đoàn Solidarity hoạt động trong vòng bí mật có những vấn đề lúng túng nội bộ khá lớn. Thứ nhất là

sự hoạt động của các nhóm lẻ tẻ, theo những sách lược có tính cách tùy thuộc cá nhân, nhiều khi đưa đến mâu thuẫn. Thứ đến là sự tranh giành của nhóm những người bị bắt và nhóm những người chạy trốn. Cuối cùng, Walesa quyết định không chấp thuận ủy ban toàn quốc cũ (hợp và bị bắt lúc xảy ra lệnh thiết quân luật) nữa, nhưng chọn và thành lập Hội đồng Lâm thời của Công đoàn Solidarity. Giữ được cho Solidarity không chia năm xẻ bảy là công lớn của Walesa mà có người bảo ông đáng được thêm một giải Nobel nữa.

Tình hình kinh tế Ba-lan còn ở mức thê thảm. Mức lạm phát gần 100% một năm, và mức lương thật thì ở khoảng 15% đến 20% thấp hơn hồi 1980. Vào tháng 2.1987, do Vatican hối thúc, và với sự bảo đảm của Đức Khâm sứ Pio Laghi với Tòa Bạch ốc rằng chính quyền Ba-lan đã thực sự thương lượng với phái đối lập, nên Tổng thống Reagan bằng lòng bãi bỏ phong tỏa kinh tế Ba-lan.

Tháng tư năm đó, Gorbachev ở Prague đã tỏ ra không đi theo giáo điều của Brezhnev nữa khi tuyên bố rằng: “Toàn thể bối cảnh trong liên hệ chính trị giữa các nước xã hội chủ nghĩa phải dựa trên một căn bản độc lập tuyệt đối... Mỗi nước có quyền chọn con đường phát triển riêng của mình, tự định đoạt lấy vận mệnh riêng của mình, sắp xếp lấy biên giới và sử dụng những tài nguyên nhân vật lực của mình”. Đó là những lời chẳng khác gì những lời Đức Giáo hoàng đã nói suốt 8 năm qua.

Tuy nhiên không phải tất cả các lãnh đạo các nước dưới chế độ Cộng sản đều nghe theo đường lối của Gorbachev. Gustav Husak của Tiệp chống lại một cách ngấm ngấm.

Erich Honecker của Đông Đức và Nicolae Ceausescu của Lỗ ma ni chống ra mặt, bảo rằng đất nước họ không cần phải tái thiết kinh tế hay mở rộng chính trị gì cả. Còn Janos Kardar của Hung-gia-lợi mặc dù đã có những thay đổi về kinh tế nhưng tỏ ra không tán đồng Gorbachev trong chiều hướng dân chủ hóa.

Cùng trong cuộc thăm viếng Prague, Gorbachev đã rào đón: “Hiện nay có một số nước xã hội chủ nghĩa anh em đã áp dụng những giải pháp nguyên thủy. Vì không có đảng phái nào có độc quyền về chân lý nên chúng ta không bắt ai theo chân chúng ta. Nhưng đồng thời chúng ta không cần che đậy niềm tin rằng tiến trình tái thiết đang được áp dụng ở Liên bang Sô-viết là đáp ứng được cái bản chất của xã hội chủ nghĩa.”

Husak, Honecker, Ceausescu, và Todor Zhivkov của Bảo-gia-lợi đều đã trên 70, và đã nắm quyền từ thời Brezhnev. Vì thế Gorbachev không muốn ép họ phải theo ông, mà có muốn cũng không được. Nhóm này sợ rằng đường lối của Gorbachev và cái kiểu đa nguyên của Jaruzelski chẳng chóng thì chày sẽ khai tử chủ nghĩa cộng sản đầy thôi.

Khi đến Tiệp-khắc, Gorbachev đã thẳng thắn nói về “thời kỳ khó khăn” vào năm 1968 và biến cố mùa xuân ở Prague. Ông nói với công nhân ở một công xưởng: “Đây là một cuộc khủng hoảng cho chúng tôi và cho các bạn.” Ông ta không muốn bào chữa cho việc Sô-viết xâm lăng thời gian đó. Thật đúng là điều mà Đức Giáo hoàng và Jaruzelski mong đợi.

Không phải chỉ có giới lãnh đạo các nước anh em

chống lại đường lối perestroiska, ngay trong đảng Cộng sản Sô-viét, Gorbachev cũng gặp những chống đối dữ dội. Jaruzelski dùng những kinh nghiệm bị chống đối của ông ở Ba-lan để chia sẻ với Gorbachev.

CHƯƠNG 32

CHUYẾN TRỞ VỀ QUYẾT ĐỊNH

Đức Gioan Phaolo II trở về Ba-lan lần thứ ba vào ngày 8.6.1987, và đây là chuyến đi quyết định. Mặc dù Ba-lan vẫn sống trong bối cảnh cực kỳ rối rắm và khổ cực, người ta cảm thấy được trong không khí sự hy vọng, hồi hộp, và thách thức như chuyến trở về đầu tiên của ngài. Hơn nữa, Đức Gioan Phaolo II đang có một uy thế và ảnh hưởng lớn lao trên hoàn vũ.

Công đoàn Solidarity bây giờ lộ diện hơn, mặc dù trong chừng mực nhưng cũng đủ làm cho chính quyền rất lo ngại. Trong tuần thăm viếng, Đức Giáo hoàng đã gặp riêng Walesa, đã cho ông chịu lễ trong một thánh lễ có mấy trăm ngàn người tham dự. Đức Giáo hoàng không ngừng kêu gọi gìn giữ “gia sản đặc biệt của tình đoàn kết Ba-lan” (Đoàn kết cũng là tên của công đoàn Solidarity). Và mỗi ngày những lời ngài nói mỗi tỏ ra hiên ngang hơn với nhà nước. Trong cuộc hành lễ ở Gdansk trước đám

đồng 750 ngàn công nhân và gia đình họ, Đức Giáo hoàng nhắc đến hiệp ước năm 1981, nhớ về những biến cố đẫm máu ở xưởng tàu này vào năm 1970. Ngài tuyên bố:

– Hiệp ước Gdansk sẽ đi vào lịch sử của Ba-lan như nói lên một khát vọng ý thức của công nhân biết quan tâm đến toàn thể trật tự xã hội và luân lý trên mảnh đất Ba-lan này.

Nhìn vào rừng biểu ngữ của Solidarity, Đức Giáo hoàng không nói theo bản văn ngài đã soạn:

– Ở Roma cha cầu nguyện cho các con mỗi ngày. Cha cầu nguyện cho đất mẹ và cho công nhân các con. Cha cầu nguyện cho gia sản của Solidarity.

Đám đông xúc động cuồng nhiệt: người thì khóc, kẻ thì vỗ tay, người thì làm râm cầu nguyện, kẻ thì vung nắm tay lên trời.

Khán đài chỗ Đức Gioan Phaolo II đứng được làm theo hình mũi tàu có thánh Phêrô cầm chìa khóa thiên đàng và sách Phúc Âm. Ngài nói:

– Cha hân hạnh được đứng ở đây, vì các con cho cha làm vị thuyền trưởng... Không có cuộc tranh đấu nào hiệu quả hơn là Solidarity.

Sau cuộc lễ ở Gdansk, Walesa nói: “Tôi rất sung sướng. Bây giờ thì kẻ ngu đến mấy cũng phải thấy rằng để tìm lối ra khỏi mê lộ này thì cần phải có Solidarity. Đó là con đường duy nhất.

Cứ mỗi chỗ dừng chân, Đức Giáo hoàng lại nói rộng khoảng cách giữa viễn ảnh của ngài với chính quyền Ba-lan, khiến Jaruzelski buồn bực thêm. Đức Giáo hoàng kêu gọi suy nghĩ lại về chính những “tiền đề” của chế độ

cộng sản Ba-lan. Trước hàng trăm ngàn ngư phủ và thủy thủ ở hải cảng Gdynia, đứng trên một bàn thờ làm như một tháp cao, ngài lên tiếng:

– Nhân danh loài người và nhân tính, chữ “solidarity” phải được nói lớn tiếng. Chữ ấy được nói ở chính nơi đây, bằng một cách thể mới, trong một bối cảnh mới. Và thế giới không thể quên nó được. Chữ này là niềm kiêu hãnh của các con, những ngư phủ và thủy thủ Ba-lan.

Chính quyền phản ứng lại bằng cách kiểm duyệt truyền hình, đàn tra hàng chục ngàn cảnh sát chống nổi loạn, bắt giữ tạm thời hàng trăm vụ. Nhưng có lẽ phản ứng mạnh nhất là bài diễn văn của Jaruzelski trong nghi lễ từ biệt tại phi trường Warsaw. Jaruzelski cảm thấy như ông bị phản bội. Không giấu được vẻ giận dữ ông nói:

– Thừa Đức Thánh Cha, cha sắp sửa rời quê hương. Cha sẽ mang hình ảnh của quê hương vào lòng, nhưng cha không mang đi được những vấn đề của nó. Ba-lan cần sự thật. Nhưng sự thật về Ba-lan cũng cần phải biết đến. Trong những ngày tháng gần đây, đã bao lần đất nước này là nạn nhân của sự sắp xếp từ bên ngoài ngược hẳn lại với sự mong ước của người dân?

Đức Giáo hoàng ngồi nghe với đôi mắt nhắm và vẻ mặt đăm chiêu. Jaruzelski tiếp tục:

– Hãy để cho nhân dân đất nước này nghe tiếng “solidarity” để rồi vẫn tiếp tục phải chịu sự kỳ thị, chịu chính sách đô hộ kiểu mới, bị lạm dụng, bị thất nghiệp, bị trả thù, bị khinh thường đi!

Người ta sẽ sờ khi nghe Jaruzelski nói với Đức Giáo hoàng những lời ấy. Suốt 6 năm cầm quyền, đây là một

trong những lần ông sử dụng những lời hằn học như thế.

Sau cuộc thăm viếng này, người dân Ba-lan cảm thấy là chế độ đã đến ngày tàn. Đảng Cộng sản thì tan rã, ông tướng và những cộng sự viên của ông thì không còn gần gũi với thực tế. Khi Jaruzelski gặp riêng Đức Giáo hoàng, ông có vẻ thích thú báo cho ngài biết, lần đầu tiên, các giám mục và các giới chức chính quyền địa phương trên toàn quốc cùng nhau chuẩn bị đón tiếp ngài, mà không ngờ rằng đó có thể là cuộc tiếp đón sau cùng.

CHƯƠNG 33 TOÀN THẮNG

Tiếp theo cuộc thăm viếng, những sự kiện xảy ra ở Balan theo một chiều hướng có phương pháp và mau lẹ. Cứ mỗi sự kiện xảy ra thì chính quyền chỉ phản ứng bằng nửa những áp lực của Solidarity, của dân chúng và của Giáo Hội, rồi cuối cùng là chịu bó tay.

Nhận thấy sự đổi mới kinh tế trong suốt 5 năm qua đã thất bại, chính quyền mở một cuộc trưng cầu dân ý xem chọn hay chống sự thay đổi kinh tế toàn diện, hay xiết chặt lại, và từng bước giới hạn để đi đến chính phủ đa nguyên.

Công đoàn Solidarity kêu gọi tẩy chay cuộc trưng cầu, vì cho rằng chính quyền muốn làm vậy để xem dân chúng còn tín nhiệm mình hay không. Cuộc tẩy chay thành công. Nhà nước tuyên bố cuộc trưng cầu dân ý thất bại. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử một chính phủ Cộng sản nhận mình thất bại trong cuộc bầu cử.

Để tránh khỏi phải trực tiếp thương lượng với Walesa hay những lãnh đạo của công đoàn Solidarity, Jaruzelski đến với Hội Đồng Cổ Ván, trong đó có Turowicz và những nhà trí thức khác gần gũi với Đức Giáo hoàng. Hơn nữa, Jaruzelski không muốn là một nhà lãnh đạo Cộng sản đầu tiên trong khối Warsaw bị thất thế bởi một người không Cộng sản. Như thế mất điểm quá. Tuy nhiên việc hành xử của ông đã quá trễ.

Hàng loạt những cuộc đình công tự phát xảy ra vào năm 1988 càng đẩy tình hình sớm đến khúc quanh. Walesa luôn luôn khuyến cáo các công nhân phải biết tự liệu. Tháng 4 và tháng 5, những cuộc đình công biến thành những đợt sóng vỡ bờ, nhưng không phải là do Solidarity kêu gọi. Đa số các công nhân còn trẻ mà những biến cố 1980 đối với họ là những huyền thoại. Họ nổi giận bởi vì họ bị khinh thường, vì mức sống của họ mỗi ngày mỗi tồi tệ. Những cảm xúc bộc trực của họ có thể gây rối loạn.

Chính quyền phải rút lui, phải cạy nhò tới Walesa để đưa họ trở lại làm việc. Nhưng họ từ chối, cả hàng trăm ngàn người từ chối, cho tới khi Jaruzelski và chính quyền hứa sẽ thương lượng về tương lai đất nước với phía đối lập gồm cả Walesa.

Ngày 31.8.1988, suốt 4 tiếng đồng hồ Walesa bàn thảo với đại diện chính quyền mà vẫn chưa tìm ra được điểm khởi đầu. Tuy nhiên ngồi được với nhau đã là một sự việc có ý nghĩa lắm rồi. Đã 6 năm, mọi công văn, giấy tờ của nhà nước đều gọi Walesa là “cựu thủ lĩnh của cựu công đoàn Solidarity”, bây giờ thì khác.

Ngày 18.1.1989. Jaruzelski tuyên bố Solidarity lại được nhìn nhận là một công đoàn lao động hợp pháp. Ông ta từ chức thủ tướng để nắm chức tổng thống với đầy đủ quyền hành. Tân thủ tướng là Mieczyslaw Rakowski, vốn là cựu phó thủ tướng thời Jaruzelski. Ông Rakowski chính thức đi gặp Đức Chủ교 án Glemp theo nghi lễ. Trong câu chuyện về tình hình chính trị, Đức Glemp bảo Thủ tướng Rakowski rằng, việc hết sức hệ trọng bây giờ là đi theo chính sách của Gorbachev. Ngài thêm rằng, Đức Giáo hoàng đã dứt khoát ủng hộ chính sách ấy ở Sô-viết và Ba-lan.

Ngày 6.2 trong khi khắp nơi trên toàn quốc người ta biểu tình chống tăng giá sinh hoạt, các đại diện chính quyền và đối lập bắt đầu cuộc họp được gọi là Bàn Tròn về tương lai đất nước Ba-lan. Chương cuối của một thời đại đã gần đến hồi chung cuộc.

Các cuộc nói chuyện, được Giáo Hội lặng lẽ điều hợp, kéo dài 8 tuần lễ, bàn về các chủ đề từ chính sách kinh tế đến việc săn sóc sức khỏe, từ đổi mới chính sách tới những quyền bất khả nhượng của công dân Ba-lan. Walesa, tướng Kiszcak (bộ trưởng nội vụ, người đã bắt giam Walesa năm 1981), Ciosek thành viên bộ chính trị, và các cố vấn đảng đưa ra một khoản hết sức tế nhị. Trước mặt Đức Hồng y Macharski của Krakow, Ciosek nói rằng: “Nếu bất cứ một bên nào không tuân hành, chúng ta biết là sẽ luôn luôn có thể nhờ Vatican can thiệp.”

Điều khoản căng thẳng nhất được Hội Nghị Bàn Tròn đồng ý là cuộc bầu cử tự do vào tháng 6, bầu quốc hội.

Ngày 4.6, ngày bầu cử, công đoàn Solidarity thắng

tất cả 261 trên 262 ghế quốc hội. Trước cuộc bầu cử, các cha xứ kêu gọi con chiên trong thánh lễ Chúa nhật ủng hộ các ứng viên Solidarity chống lại ứng viên Cộng sản. Jaruzelski bảo: “Thật là một kết quả tồi quá mức. Đây là lỗi tại Giáo Hội.”

Do sự ủng hộ không chính thức của công đoàn, Jaruzelski thắng vừa đủ phiếu vào chức vụ tổng thống. Nhưng đứng trong bộ ba với hai đối thủ cũ, Jaruzelski cảm thấy bị bó buộc phải mời Tadeusz Mazowiecki, một trí thức Công giáo cố vấn của Walesa, ngày 19.8 thành lập chính phủ. Ngày 24.8 Mazowiecki trở thành thủ tướng và Solidarity chính thức nắm quyền.

Trong khi đó, Walesa vội bay với 5 phụ tá sang Roma để gặp Đức Giáo hoàng. Một cuộc gặp gỡ báo cáo và tạ ơn.

Tiếng vang từ cuộc sụp đổ của chế độ cộng sản Ba-lan làm rung chuyển cả khối Đông Âu suốt hết mùa đông cho tới khi đổ vỡ toàn bộ.

Hung-gia-lợi mở cửa biên giới với Áo quốc vào tháng 9. Từ khi có Hội Nghị Bàn Tròn ở Ba-lan, vai trò lãnh đạo của đảng ở Hung đã bị điều chỉnh rồi. Đông Đức, hàng chục ngàn người đổ về hướng Tây Đức, trong khi Tây Đức có luật bảo đảm quyền công dân cho tất cả mọi dân Đức.

Erich Honecker, lãnh đạo cộng sản Đông Đức, càng ngày càng bị cô lập. Ông ta tìm cách đóng cửa biên giới với Hung nhưng vô hiệu. Xin Gorbachev can thiệp thì bị từ chối. Thế là dân chúng Đông Đức cũng đổ qua các biên giới Ba-lan và Tiệp. Các toà đại sứ Tây Đức ở Warsaw và Prague sẵn sàng cho dân Đông Đức tỵ nạn và tặng không chuyến bay về Tây Đức.

Thế rồi tới tháng 10, hàng trăm ngàn người đổ ra đường phố Leipzig và Đông Bá Linh đòi truất phế Honecker. Cảnh sát không thể hoặc không muốn đàn áp các cuộc biểu tình, thế là Honecker phải từ chức. Egon Krenz, một thành viên bộ chính trị lên thay. Một tháng sau, ngày 9.11.1989, Krenz mở cửa biên giới với Tây Đức. Ngày hôm sau, bức tường Bá Linh được mở, và người ta mang búa ra đập nó xuống giữa những tiếng reo hò, trước sự chứng kiến xúc động của toàn thế giới.

Thế cờ domino của đế quốc Cộng sản vừa bị xóa. Ngày 10.11, Tổng thống Todor Zhivkov của Bào-gia-lợi sau 36 năm cầm quyền bị hạ bệ bằng một cuộc thanh lọc đảng. Ở Tiệp-khắc hàng đoàn người đổ xuống đường kêu gào đòi lập chính phủ đa đảng và đòi Tổng thống Husak phải từ chức. Người ta ngồi canh thức cả đêm. Có cả Alexander Dubcek, lãnh đạo cuộc nổi dậy Mùa Xuân ở Prague năm 1968 cũng gia nhập đoàn biểu tình ở thủ đô. Đây là lần đầu tiên ông ta xuất hiện trước công chúng sau 21 năm ẩn mặt. Một tháng sau, Husak từ chức, và một chính phủ liên hiệp giữa cộng sản và đối lập được thành lập. Bảy tháng sau đó, nhà soạn kịch đối lập Vaclav Havel được ra tù và được bầu làm tổng thống.

Chỉ Lỗ ma ni là có đổ máu trong cuộc nổi dậy 1989. Khi lực lượng an ninh Lỗ tấn công đoàn người biểu tình ở thành phố Timisoara thì quân đội vội vàng đứng về phía đoàn người biểu tình. Hai bên nổ súng. Hàng trăm người bị thiệt mạng, trong số đó có cả vợ chồng Nicolae Ceausescu bị một tiểu đội vũ trang bắn chết.

Bây giờ trật ra chỉ còn một mình Liên bang Sô-viết.

CHƯƠNG 34 THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

Ngày 1.12.1989, hai bên đường dẫn tới đền Vatican có cả hàng chục ngàn người tụ tập với dáng vẻ trông đợi hồi hộp. Tổng bí thư đảng cộng sản Liên bang Sô-viết và thẩm quyền tối cao của Giáo Hội Công giáo sẽ gặp gỡ lần đầu tiên trong lịch sử.

Chính vì thế mà các đức ông, các hồng y trong Thánh bộ đều ngưng làm việc để chứng kiến, bằng cách nhìn qua cửa sổ hoặc coi vô tuyến truyền hình, ông Mikhail Gorbachev đang tiến vào bằng xe limousine có cấm cờ đỏ với hình búa liềm. Đã hơn 60 năm trường, Giáo Hội Công giáo và điện Cẩm-linh đối đầu nhau kịch liệt. Những con người mang màu áo đen này đã được huấn luyện trong chủng viện để thù ghét và chiến đấu với “những kẻ thù của Chúa” trên khắp thế giới. Bây giờ họ đang đứng ở tuyến đầu.

Tuy nhiên, ngày hôm qua, trong bài diễn văn ở thủ đô

Ý quốc, Gorbachev đã nói về nhu cầu tinh thần của thế giới ngày nay. Ông ta kêu gọi một cuộc “cách mạng tâm hồn con người” trong khi tán dương “Lẽ luật muôn thuở của luân lý và nhân tính mà Karl Marx đã nói đến.”

Ông ta tuyên bố: “Tôn giáo giúp cho *perestroiska*. Chúng tôi không còn coi mình có độc quyền chiếm giữ chân lý nữa... Chúng tôi không còn nghĩ rằng những ai không đồng ý với chúng tôi là kẻ thù của chúng tôi nữa.” Đây thực là một “trật tự mới trên thế giới”.

Trong lúc đế quốc cộng sản đang sụp đổ khắp Đông Âu thì Gorbachev vẫn còn nắm toàn quyền ở Liên bang Sô-viết. Ông ta đã rút Hồng quân ra khỏi A phú hân (đang bị thảm bại), và đang thương lượng với Mỹ về việc đòi cắt giảm các vũ khí nguyên tử và qui ước nhiều hơn nữa. Ngay sau ngày gặp Đức Giáo hoàng, ông đã có chương trình bay tới Malta để gặp Tổng thống George Bush.

Gorbachev cho phép các nước Đông Âu được tự chọn chính thể. Dân chúng Sô-viết đã số cảm thấy có hy vọng được nâng cao mức sống với niềm tin rằng sự cắt giảm vũ khí và quân đội sẽ khiến kinh tế Sô-viết phát triển.

Vào tháng 3.1989, một cuộc bầu cử gần như dân chủ đã được tổ chức trong lịch sử Liên bang Sô-viết, và kết quả là nhiều đảng viên kỳ cựu bị loại. Gorbachev và bộ trưởng ngoại giao Edward Shevardnadze tuyên dương một thời đại “dân chủ xã hội chủ nghĩa”.

Với sự kiện Ba-lan được giải phóng và sự tan rã của chế độ cộng sản phía tây Ukraine, Đức Giáo hoàng cảm thấy ngài và Gorbachev là đôi tâm hồn đồng thanh đồng khí trong những mục tiêu chung một cách đáng ngạc nhiên.

Gorbachev cũng đồng ý như thế. Họ cũng chung nhau những quan điểm về sự hợp nhất của Liên bang Sô-viết. Những căng thẳng về ý thức quốc gia đang xảy ra và máu cũng đang đổ ở Armenia, Azerbanijan, và Georgia nằm trong biên giới của Liên bang Sô-viết.

Trong khi đó, sự liên lạc giữa Toà Bạch ốc và Vatican vẫn tiếp diễn. Đức Wojtyla đã gặp Tổng thống Bush ba lần trước khi ông đắc cử. Đối với Đức Giáo hoàng, Tổng thống Bush khác nhiều với cựu Tổng thống Reagan ở chỗ ông quan tâm đến quyền lợi chiến lược và kinh tế của Mỹ nhiều hơn ông Reagan. Vì chính sách chống cộng sản tuyệt đối của Reagan trên toàn cầu nên Đức Giáo hoàng ủng hộ và bao che cho ông trên mọi phương diện, kể cả những phản đối của hội đồng Giám mục Hoa Kỳ và Thánh Bộ Vatican về chính sách Chiến tranh Hành tinh (Star Wars) của Reagan.

Bây giờ đối với Gorbachev, Đức Giáo hoàng có một cái nhìn đặc biệt về ông. Tháng 6 năm trước, gặp gỡ Hồng y Casaroli, bộ trưởng ngoại giao Vatican, tại Cẩm-linh, Gorbachev nói: “Điều quan trọng nhất là con người. Con người phải là trung tâm của mọi mối liên hệ quốc tế. Đây phải là khởi điểm của cách suy tư mới của chúng ta.”

Với giọng điệu như thế, Đức Hồng y Vincentas Sladkevicius của Lithuania, người đã bị cộng sản giam lỏng trong 25 năm, có nhận xét rằng, Gorbachev là “dụng cụ của Chúa” khi ông ta cho phép người Công giáo trong Liên bang Sô-viết được tự do thờ phượng.

Đức Gioan Phaolo II cũng nói với các vị thân cận rằng, Gorbachev cuối cùng sẽ thất bại bởi vì không thể

nào cải tổ được chế độ cộng sản. Trong khi vẫn tin tưởng vào chế độ và đảng cộng sản, Gorbachev chỉ muốn thay đổi toàn diện cái hình dáng của nó. Ông ta hình dung ra perestroiska sẽ thổi qua Đông Âu, quét sạch những lãnh đạo cộng sản quá khích đi và dọn đường cho một chế độ cộng sản đổi mới. Nhưng ông ta đã lầm.

Mùa thu, rồi mùa đông năm đó, cứ từng nhà độc tài ở Đông Âu đổ nhào, với tốc độ kế tiếp nhau nhanh như chớp. Ở đâu cũng theo chế độ dân chủ chứ không phải là cộng sản đổi mới. Dân chúng thì theo gương Solidarity, cứ hàng triệu người kéo nhau xuống đường một cách bất bạo động. Từ xưa đến nay, quân đội bao giờ cũng dàn hàng chống lại những cuộc nổi dậy trong khối Đông Âu, nhưng bây giờ Gorbachev tuyên bố cho phép các nước trong Liên bang được “tự ý tự lập”. Thế là hàng trăm ngàn quân rút ra khỏi lực lượng Warsaw.

CHƯƠNG 35

NHỮNG TRẬT TỰ

Cuộc gặp gỡ giữa Tổng Bí thư Liên bang Xô-viết và Đức Giáo hoàng rõ ràng là một biểu tượng lớn cho một thời đại mới. Một nhân vật bên cạnh Đức Giáo hoàng nhận định như sau:

“Điều mà Đức Giáo hoàng biết trong khi hầu hết người tây phương không, đó là: nếu người ta phá đi một trật tự của thế giới được hội nghị Yalta tạo nên, thì người ta phải đi về cái trật tự của hội nghị Versailles. Nhưng đấy không phải là một trật tự tốt, vì nó mang mầm mống của Thế Chiến thứ II. Mà như thế thì nó có thể dẫn đến thế chiến lần thứ ba. Chế độ cộng sản mang đến một thứ áp bức với quá nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn quốc gia, mâu thuẫn chủng tộc, và mâu thuẫn giai cấp. Nếu người ta không tìm được một giải pháp cho những mâu thuẫn ấy, nếu người ta không tìm được một trật tự mới cho Âu Châu, chắc chắn nó sẽ bùng nổ.”

Không phải chỉ có Đức Giáo hoàng mà tất cả các bộ trưởng thánh bộ đều quan tâm đến những lực lượng thoát khỏi cơ cấu sau khi cộng sản tan rã. Các vị bày tỏ sự lo ngại hàng tháng trước khi Gorbachev đến Vatican. Các vị muốn Liên bang Sô-viết còn đứng vững cái đã.

Ông Rocco Buttiglione, một triết gia và là bạn của Đức Wojtyla, nhận xét rằng: “Đức Thánh Cha mong cho Gorbachev thành công trong những cố gắng giữ cho Liên bang Sô-viết nguyên vẹn, không phải là giữ lại chế độ cộng sản nhưng là giữ cho Sô-viết là trung tâm của một liên bang tự do.” Cho nên ngay sau khi gặp Gorbachev xong, ngoại giao Vatican lập tức báo cho các nhân viên Toà Bạch ốc khuyến cáo Tổng thống Bush phải cẩn thận và hỗ trợ những cố gắng của Gorbachev, giữ cho Sô-viết được nguyên vẹn.

Đức Wojtyla trong bộ áo chùng trắng, tiếp đón ông Gorbachev và vợ ông, bà Raisa một cách nồng hậu trong phòng tiếp tân, rồi hai người bước sang phòng họp. Nói tiếng Nga có giọng Ba-lan, Đức Giáo hoàng bảo đây là cuộc họp của hai người gốc Slav. Biên bản cuộc họp riêng này cho thấy có những nét thân mật giữa hai người. Chính vì vậy mà những yêu cầu của Đức Giáo hoàng về vấn đề tôn giáo ở Sô-viết được Gorbachev ưng thuận một cách nhanh chóng mà nếu không thì khó lòng thành công.

Gorbachev nói:

– Chúng tôi muốn đạt được mục tiêu ở Sô-viết bằng đường lối dân chủ. Nhưng theo quan điểm của tôi qua những biến cố trong những năm vừa qua, dân chủ tự nó không đủ. Cần phải có những nguyên tắc luận lý. Dân chủ mang đến điều tốt nhưng cũng mang đến điều xấu.

Gorbachev dư biết những điều ông nói rất ăn ý với niềm tin của Đức Wojtyła.

Đức Giáo hoàng nói:

– Ông có lý khi nói những thay đổi ở Sô-viét không nên xảy ra quá nhanh. Và chúng tôi cũng đồng ý rằng, điều cần không phải là chỉ thay đổi cái cơ cấu nhưng là thay đổi nào trạng. Không thể cho rằng, những thay đổi ở Âu châu và trên thế giới sẽ đi theo khuôn mẫu Tây phương như có người quan niệm (ngài có ý nói tới Tổng thống Bush). Điều ấy đi ngược lại với niềm tin sâu xa nhất của tôi. Âu châu, là thành phần tạo nên lịch sử thế giới, phải thở bằng hai lá phổi.

Với cái bản đồ thế giới không còn như ở hội nghị Yalta nữa, Đức Giáo hoàng nhìn thấy Vatican và Cẩm-linh đều có những quan tâm song hành trên những vấn đề quốc tế. Ngài có cái nhìn ấy là vì ngài tin rằng chế độ tu bản vẫn có những giới hạn, và ngài hiểu được những lí do xã hội và kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Hai người nói về tình hình Trung Đông, về sự nghèo đói ở Thế giới thứ ba, về một Âu châu không đứng về phía Washington hay Moscow, về Trung Mỹ châu, về Nam dương, và về những lợi ích trong việc thành lập ngoại giao giữa Vatican và Cẩm-linh.

Đức Giáo hoàng tuyên bố:

– Nói chung, có một ít nơi trên thế giới đang gặp khó khăn trong sự tìm kiếm hòa bình. Có lẽ chúng ta có thể cùng nhau hợp tác hành động.

Ngài cũng đặc biệt lưu ý đến những nơi có con số tín hữu đông đảo nằm trong tầm ảnh hưởng của Sô-viét. Sau đó ngài nói với Gorbachev về vấn đề nhân quyền.

Ngài nói:

– Chúng tôi chờ đợi trong âu lo và hy vọng ngày đất nước ông áp dụng luật tự do của lương tâm con người. Chúng tôi hy vọng sự áp dụng luật ấy sẽ mở rộng đời sống tôn giáo cho tất cả mọi công dân Sô-viết. Một người có niềm tin là do ý muốn tự do của người ấy chứ không thể do ép buộc.

Đức Giáo hoàng cho Gorbachev biết khi Sô-viết áp dụng luật tự do của lương tâm rồi thì có thể thiết lập liên hệ ngoại giao. Gorbachev trông đợi mối liên hệ ngoại giao này còn hơn Vatican. Ông đang cần củng cố địa vị của ông tại Sô-viết, nên ông sẵn sàng hứa thi hành điều Đức Giáo hoàng mong muốn.

Tuy nhiên Gorbachev cũng nhận ra ngay rằng, luật tự do của lương tâm có thể kéo theo những hậu quả bất ổn, chẳng hạn sự đòi độc lập của các nước vùng Baltic và vùng tây Ukraine, những nơi có ảnh hưởng Công giáo sâu đậm. Đức Giáo hoàng nói với ông:

– Tôi sẽ không khuyên ông phải làm gì. Tôi chỉ kêu gọi nơi sự khôn ngoan và kinh nghiệm của ông để tránh được những biến cố chính trị”

Cuối cuộc gặp gỡ, Gorbachev bày tỏ niềm hy vọng về “sự phát triển những liên hệ giữa chúng ta. Tôi trông đợi ngày cha đến thăm viếng Liên bang Sô-viết.”

Đức Giáo hoàng trả lời:

– Tôi rất sung sướng nếu được phép có cơ hội tới thăm Liên bang Sô-viết, tới nước Nga, tới để gặp những giáo dân Công giáo, và không phải chỉ có vậy, tôi sẽ được thăm những thánh địa trong đất nước ông mà đối với những

người tín hữu chúng tôi là những nguồn linh hứng... Ông xem, tôi chưa được biết Đông Âu nhiều lắm. Tôi vốn thuộc gốc dân Slav miền tây, tôi chưa bao giờ biết những thành phố thuộc Ba-lan trước chiến tranh và thuộc Liên bang Xô-viết sau chiến tranh. Tôi muốn nói đến thành phố Lvov và Vilnius. Nhưng tôi đặc biệt muốn gặp và cảm nhận được cái mà tôi gọi là “Thiên tài của Đông Phương.”

CHƯƠNG 36

GIẤY CHẾT

Ngày 31.12.1991 Công trường Đỏ đầy kín người. Người ta ca hát, nhảy múa, la hét. Người ta lắc những chai rượu bọt của Sô-viết, đập chân lên những lon bia, tiếng thủy tinh vỡ dưới gót giày. Người ta ôm nhau, hôn nhau rồi bỗng chạy tản ra rồi tụ lại với tiếng hò la điếc tai. Trong khi đó đội lính danh dự trong áo khoác dài bước đều tới khu lăng tẩm của Lenin, tay phải họ nâng súng dài. Nhịp chân bước của họ vang trong đêm, nhịp bước vay mượn của lính Phổ, không phải là múa, vì là những bước múa rời rạc. Đội lính canh chỉ cách khối người đồng đảo một sợi xích sắt làm hàng rào cản. Khi chuông đồng hồ trên tháp Spassky vừa điểm nửa đêm, đám đông hò la vang trời tiếng giải phóng và nỗi vui sướng cuồng nhiệt.

Hàng ngàn con người cứ tự động đổ về Công trường Đỏ này để mừng cái chết của Liên bang Sô-viết. Người Nga và người Mỹ, người Ý và người

Kazakh, người Anh, người Tartar và người Đức, và tất cả mọi con người trên khắp ngõ ngách trên địa cầu, kẻ sang người hèn, thánh nhân hoặc dĩ điểm đều nâng ly mừng cho một tương lai không còn búa với liềm nữa.

Cái Công trường Đỏ này vốn là thánh địa của chế độ cộng sản, một đất cấm, đến cả thuốc lá cũng không được hút ở đây, thì bây giờ nó đang quay cuồng với muôn hình muôn vẻ, và người ta đang đổ dồn mắt vào cái mồ Lenin. Có một người say rượu mặc váy Tô cách lan, nhảy múa lên lên xuống xuống như một hình nộm. Có mấy đảng viên cộng sản già lão cổ chen lấn đám đông mang những lá cờ đỏ của họ ra đặt cạnh đó. Rồi có một người tay ôm bức tượng Đức Mẹ Fatima có đôi mắt buồn cũng chạy từ đầu tới. Ông ta cho Đức Mẹ dòm vào lăng Lenin đang để hé cửa chừng hơn nửa giờ rồi ông ta mới đi.

Có người không để ý gì đến hành vi ấy, nhưng có người lại liên tưởng đến ngày 25.3.1984 tại Công trường Thánh Phêrô, Đức Gioan Phaolo II làm nghi lễ dâng nước Nga và Đông Âu cho Đức Mẹ Fatima. Ngài lên tiếng cầu nguyện: “Chúng con dâng lên Mẹ những con người và những đất nước đang cần được trao phó cho Mẹ. Xin chiếu giải ánh sáng đặc biệt trên những dân tộc Mẹ đang chờ sự dang hiến của chúng con.”

Câu sau trong lời cầu nguyện là câu Đức Gioan Phaolo II dùng để đáp lại lời kêu mời của Đức Mẹ khi hiện ra với ba em chăn cừu ở Fatima nước Bồ đào nha. Đức Mẹ muốn nước Nga được dâng hiến cho Mẹ để thế giới tránh khỏi những hiểm họa khủng khiếp. Em chăn cừu lớn tuổi nhất trong ba em, hiện là nữ tu Lucia, đã trông chờ suốt bao

nhiều năm sự đáp lại lời kêu mời ấy của Đức Mẹ. Chưa có vị Giáo hoàng nào làm công việc ấy. Sau ngày dâng hiến, Sơ Lucia cho Đức Gioan Phaolo II biết chi tiết nhận hành vi dâng hiến ấy.

Khi nước Nga chuẩn bị mừng một ngàn năm tiếp nhận ánh sáng Kitô giáo năm 1987, Đức Giáo hoàng lặp lại lời dâng hiến: “Thưa Mẹ là Mẹ các Giáo hữu, chúng con trao phó một cách đặc biệt cho Mẹ những dân tộc đang mừng kỷ niệm 600 năm (Latvia) và một ngàn năm (Ukraine và Nga) gắn bó với tin mừng Phúc Âm.”

Đức Giáo hoàng Gioan Phaolo II không nghĩ Liên bang Sô-viét sẽ bị tan rã nhanh như thế. Mục tiêu của ngài là củng cố nền tự do mới có của Đông Âu. Trước khi Gorbachev phải xuống máy tháng, Tổng thống Sô-viét đã đồng ý cho Đức Giáo hoàng tới thăm viếng Liên bang Sô-viét. Nhưng đến tháng 8.1991 thì đế quốc đỏ đã chết.

Sáng sớm ngày 19.8, nhóm bảo thủ trong bộ chính trị đảo chính, nắm quyền tại Moscow và quần thúc Gorbachev tại nhà ở Crimean, loan báo rằng ông bị bệnh. Boris Yeltsin là Tổng thống của nước Cộng Hòa Liên bang Nga chống lại nhóm đảo chính, dùng tòa nhà quốc hội làm bộ tư lệnh chống đảo chánh.

Nhờ bộ máy phát thanh của cha Straaten dùng để phát thanh chương trình Công giáo Chính thống được giấu trong một xe chở rau mang vào nhà bếp toà nhà quốc hội, Yeltsin đã có thể giữ được liên lạc với thế giới bên ngoài. Nhờ vậy cuộc chống đảo chánh của ông mau được Tây phương ủng hộ.

Ngày 23.8 khi nhóm đảo chánh đầu hàng, Đức Gioan

Phaolo II gửi điện tín chúc mừng Gorbachev: “Tôi cảm ơn Chúa về cái kết thúc vui mừng sau cơn thử thách khó khăn đối với cá nhân ông, gia đình ông, và quê hương ông. Tôi ước mong ông còn tiếp tục được công việc lớn lao đổi mới vật chất và tinh thần cho các dân tộc của Liên bang Sô-viết, là những người tôi cầu mong Chúa đổ tràn ơn lành xuống cho.”

Sự vui mừng của Đức Gioan Phaolo II và các nhà lãnh đạo thế giới không kéo dài được lâu. Cuộc chống đảo chánh thành công của Yeltsin trở thành dấu chỉ toàn dân quyết chí xóa sạch chế độ cộng sản một lần cho xong. Ngày 25.12 người cha đề ra thuyết perestroiska từ già chức vụ, và chiều hôm đó, lá cờ đỏ bị hạ xuống cái vòm tháp điện Cẩm-linh.

CHƯƠNG 37 CHÂN TRỜI MỚI

Những năm sau, phần lớn thế giới tôn vinh Đức Wojtyla là chiến tướng đã thắng cuộc chiến khởi lên từ năm 1978. Chính Đức Giáo hoàng thì lại có một cái nhìn khiêm tốn hơn. Ngài tránh không để người ta cho ngài là một siêu nhân đã hạ đo ván con gấu Sô-viết. Ngài khuyến cáo người ta không nên quá giản lược sự kiện, ngay cả việc cho rằng sự sụp đổ của Liên bang Sô-viết là do bàn tay của Thiên Chúa. Trong tác phẩm *Bước Vào Ngưỡng Cửa Hy Vọng*, ngài viết: “Nếu bảo Thiên Chúa Quan phòng đã khiến cho chế độ cộng sản sụp đổ là nói quá đơn giản. Nó tan rã do hậu quả của chính những sai lầm và lạm dụng của nó. Nó đổ là do chính những nhược điểm nội tại của nó.”

Đức Gioan Phaolo II đã kinh nghiệm được cơn khủng hoảng của cộng sản xảy ra từ bên trong. Ngài đã suy gẫm như một triết gia về những mâu thuẫn tự bản chất của chủ

nghĩa cộng sản. Nhiều nhà tư tưởng không hiểu được như ngài rằng những áp lực bên ngoài phơi bày những vết nứt của chế độ, nhưng chung cục, sự sụp đổ đến từ bên trong.

Trong sự sụp đổ này, kinh tế và luận lý là những yếu tố đan lấy nhau tạo nên. Những nguồn kinh tế của Sô-viết không bao giờ bảo đảm được sự an sinh cho dân chúng, dù là ở mức khiêm tốn, trong khi duy trì một bộ máy chiến tranh ở mức độ của một siêu cường trong cuộc chiến tranh lạnh. Điều này được thấy rõ hơn trong trường hợp của Đông Đức, dù có tổ chức khá hơn Sô-viết mà vẫn bị phá sản kinh tế trước ngày chế độ sụp đổ.

Nhưng những mâu thuẫn về mặt luân lý còn ngấm phá chế độ trầm trọng hơn thế. Từ thời Krushchev, nhu cầu đòi sự thật đã thúc đẩy một cố gắng đổi mới chế độ. Đến thời Brezhnev, sự từ chối sự thật gây tác nghẽn và tạo sự chán chường trong dân chúng. Đến thời Gorbachev, sự khao khát sự thật, khát *glasnost* (cởi mở), đã trở thành quá lớn đến mức chế độ phải đảo lộn.

Chủ đề nói về sự thật và sự không chấp nhận dối trá luôn luôn được Đức Gioan Phaolo II dùng làm đề tài suy nghĩ về chế độ độc tài. Ngài đọc những tác phẩm của Andrei Sakharov và Aleksandr Solzhenitsyn và lấy làm cảm động vì niềm thâm tín luân lý của họ. Cuốn sách nhỏ *Đừng Nói Dối* của Solzhenitsyn gây ấn tượng mạnh mẽ nơi ngài. Ngài vốn tin rằng không chấp nhận nói dối là một phương tiện mạnh mẽ gây nên khủng hoảng trong bất cứ một chế độ độc tài nào. Ngài nói khá nhiều về luân lý khi ông Solzhenitsyn tới Vatican tiếp kiến ngài vào năm 1994.

Đức Giáo hoàng nói trong cuộc thăm viếng Prague lần

đầu tiên thời hậu cộng sản rằng: “Chủ nghĩa cộng sản tự bộc lộ cho thấy nó là một thứ tháp ngà bất khả đạt bởi vì nó coi thường và phủ nhận những phương diện cơ bản của nhân tính, đó là sự khao khát tự do và chân lý một cách không thể cưỡng lại được, và sự không thể nào tìm được hạnh phúc một khi loại sự liên hệ với Thiên Chúa ra.”

Bên cạnh sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản, Đức Gioan Phaolo II bây giờ chú tâm đến những vấn đề khiến ngài rất quan tâm là: tương lai của Giáo Hội trong thiên niên sắp tới; về phẩm giá của con người lao động; về đường hướng của Công Đồng Vatican II rằng phải nhận biết cội nguồn Do thái giáo trong Kitô giáo, và không thể chấp nhận chủ nghĩa bài Do thái.

Vấn đề sau có tầm nhức nhối đích thân đối với Đức Gioan Phaolo II bởi vì có quá nhiều người Ba-lan gốc Do thái đã bị tàn sát trong các trại tập trung Đức Quốc Xã. Ngài cũng không bao giờ quên sự mất mát người bạn tên là Ginka Beer.

Đã mấy chục năm kể từ lần từ giã buồn thảm, Đức Thánh Cha đang tiếp một phái đoàn đến từ quê hương của ngài tại Công trường Thánh Phêrô. Bỗng có người đến bên ngài báo một tin vui: “Ginka đang có mặt ở đây.”

“Đâu?” Ngài hỏi và mau mắn tiến về phía bà. Bà Ginka Beer Reisenfeld bây giờ đã già, kể lại rằng: “Ngài hỏi tôi đủ hết mọi thứ.” Bà bảo Đức Giáo hoàng hỏi mẹ bà đã chết thế nào trong trại tập trung Auschwitz và cha bị quân Nga Sô giết như thế nào. Bà kể: “Có nỗi thương cảm sâu xa trong đôi mắt ngài. Ngài cảm hai tay tôi ban phép lành và cầu nguyện trước mặt tôi.”

Vì luôn quan tâm tới việc đối thoại với người Do thái, Đức Gioan Phaolo đã làm một hành vi lớn lao là băng qua sông Tiber đến thăm nguyện đường chính của người Do thái ở Roma, một việc mà chưa từng có vị Giáo hoàng nào làm. Những người Rona gốc Do thái biết rằng, cộng đoàn của họ có lâu đời hơn Giáo Hội Kitô giáo thời cổ. Khi các thánh Phêrô và Phaolô đến Roma, thì kinh nguyện Torah đã được đọc và người ta đã giữ ngày Sabbath nơi thủ phủ của Đế Quốc Roma rồi.

Những người có mặt kể lại rằng khi Đức Gioan Phaolo II đọc bài diễn văn trong nguyện đường, mấy lần tưởng ngài ghen lời. Khi còn nhỏ ngài đã cùng với cha mình đến một nguyện đường Do thái ở làng quê mình để nghe một ca sĩ thánh ca nổi tiếng hát. Bây giờ thì ngài ngồi trong một ghế bành sơn son thiếp vàng lắng nghe ca đoàn hát bài “Ani Maamin” (Tôi Tin), là bài đã được những người Do thái hát trong những trại tập trung khi họ xếp hàng đi đến lò hơi ngạt. Khi tiếng hát nổi lên, Đức Giáo hoàng ngồi cong người về phía trước, đầu cúi và tay che miệng.

Mặc dù sức khỏe của Đức Gioan Phaolo II ngày một suy giảm, những năm cuối triều đại Giáo hoàng của ngài vẫn chất đầy những hoạt động. Và mặc dù bàn tay ngài mỗi ngày một yếu khi nâng lên ban phép lành cho giáo dân, bàn tay ấy chỉ về một chân trời cao rộng hơn.

MỤC LỤC

Đôi cảm nghĩ về tác phẩm “Đức gioan phaolo II và trang sử còn giấu kín của thời đại”	7
Chương 1 - Kiêu hãnh và lo sợ	15
Chương 2 - Nước Ba-Lan	21
Chương 3 - Giấc mơ của một người mẹ	27
Chương 4 - Giữ vững niềm tin	31
Chương 5 - Chứng viện bí mật	35
Chương 6 - Một biểu tượng chưa được biết đến	41
Chương 7 - Ngôi giáo hoàng	45
Chương 8 - Về quê hương lần thứ nhất	53
Chương 9 - Trại tập trung auschwitz	61
Chương 10 - Những cuộc đình công	69
Chương 11 - Một hiệp ước hi hữu	75
Chương 12 - Washington	81
Chương 13 - Chiến dịch chống cộng	87

Chương 14 - Đồng minh	93
Chương 15 - Warsaw	97
Chương 16 - Moscow	103
Chương 17 - Cuộc họp âm phủ	107
Chương 18 - Bàn tay bí mật	111
Chương 19 - Giá trị lao động	121
Chương 20 - Số phận đã được định đoạt	125
Chương 21 - Tài liệu tình báo cia	129
Chương 22 - Thiết quân luật	135
Chương 23 - Âu lo và hy vọng	141
Chương 24 - Tấn công và nhượng bộ	147
Chương 25 - Hợp thượng đỉnh	153
Chương 26 - Trung mỹ châu	157
Chương 27 - Trở về lần thứ hai	163
Chương 28 - Ba-lan hồi dậy	169
Chương 29 - Những nhịp cầu	175
Chương 30 - Hạt giống của niềm tin	181
Chương 31 - Lũng củng	185
Chương 32 - Chuyển trở về quyết định	189
Chương 33 - Toàn thắng	193
Chương 34 - Thành công và thất bại	199
Chương 35 - Những trật tự	203
Chương 36 - Giã chết	209
Chương 37 - Chân trời mới	213

Nguyễn Văn Thông

1954 Ra đời, Hưng yên

1965 1976 Tu sinh, tu sĩ dòng Don Bosco

1976 1980 Làm rẫy

1980 Lập gia đình

1981 Vượt biên, định cư tại Hoa kỳ

Hiện làm giáo viên tiểu học, vui sống với vợ và hai con; đóng góp với cộng đoàn

